

TẠP CHÍ HÀN QUỐC

Số 2(24)
5/2018

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN 2354 - 0621

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS. MAI NGỌC CHỪ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐẶNG THIẾU NGÂN

TRƯỞNG PHÒNG TRỊ SỰ
TS. LƯU TUẤN ANH
TS. NGUYỄN THỊ THẨM

TRƯỞNG PHÒNG ĐỐI NGOẠI
TS. TRẦN THỊ HƯỜNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Chủ tịch
GS.TS. MAI NGỌC CHỪ

Phó chủ tịch
TS. PARK JI HOON

Ủy viên
TS. ĐẶNG THIẾU NGÂN
TS. LƯU TUẤN ANH
TS. NGUYỄN THỊ THẨM
GS.TS. PHAN THU HIỀN
TS. TRẦN VĂN TIẾNG
TS. LÊ ĐĂNG HOAN
TS. LÝ XUÂN CHUNG
TS. LÊ THỊ THU GIANG
TS. TRẦN THỊ HƯỜNG
TS. NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG

Tòa soạn: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0912211106; 0918485969; 01646996986
Email: tapchihanquoc@gmail.com

Giấy phép xuất bản số: 1232/GP-BTTTT
In tại: Công ty TNHH Hương Khánh
Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mục lục

HÀN QUỐC HỌC

HOÀNG THỊ YẾN - NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	3
Hình tượng con gấu qua đời sống văn hóa của người Hàn	
TRẦN MAI LOAN	17
Kiến trúc khu lăng mộ Vương triều Choseon	
LƯU HÀ LINH	29
Nguyên nhân dẫn đến việc phát triển vũ khí hạt nhân của CHDCND Triều Tiên	
HUỲNH KIM NGÂN	34
Vì sao Hàn Quốc tham chiến trong chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam	
MAI THỊ MỸ TRINH	40
Hình ảnh về ngoại hình của người phụ nữ Hàn Quốc qua tục ngữ	

GIÁO DỤC TIẾNG HÀN

NGUYỄN THỊ THANH HOA	50
Đặc điểm của đoàn ngữ động từ trong tiếng Hàn và tiếng Việt	
HOÀNG THỊ TRANG	66
Một vài ý kiến đề xuất cho ngành đào tạo tiếng Hàn tại Việt Nam (Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến du học sinh tốt nghiệp ngành Hàn Quốc học ĐHKHXHNV TPHCM đang theo học cao học tại Hàn Quốc)	

KOREA **KF**
FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었음

한국학 저널

베트남 한국학술연구회

제2(24)호

2018년5월

ISSN 2354 - 0621

발행인

Prof.Ph.D. MAI NGOC CHU

부발행인

Ph.D. DANG THIEU NGAN

감수

Ph.D. LUU TUAN ANH

Ph.D. NGUYEN THI THAM

대외협력부 부장

Ph.D. TRAN THI HUONG

편집위원회 위원장

Prof.Ph.D. MAI NGOC CHU

부위원장

Ph.D. PARK JI HOON

위원

Ph.D. DANG THIEU NGAN

Ph.D. LUU TUAN ANH

Ph.D. NGUYEN THI THAM

Prof.Ph.D. PHAN THU HIEN

Ph.D. TRAN VAN TIENG

Ph.D. LE DANG HOAN

Ph.D. LY XUAN CHUNG

Ph.D. LE THI THU GIANG

Ph.D. TRAN THI HUONG

Ph.D. NGHIEM THI THU HUONG

발행: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

문의: 0912211106; 0918485969; 01646996986

이메일: tapchihanquoc@gmail.com;

발행허가: 1232/GP-BTTTT

인쇄: Công ty TNHH Hương Khánh

Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

목록

한국학

HOANG THI YEN - NGUYEN THI HONG VAN 3

한국인의 문화적 삶에서의 곰 형상

TRAN MAI LOAN 17

조선왕릉의 건축에 대한 전반적인 소개

LUU HA LINH 29

북한의 핵개발 이유에 관한 연구

HUYNH KIM NGAN 34

한국군 베트남 전쟁 참여 이유에 대한 연구

MAI THI MY TRINH 40

속담에 나타난 한국 여성의 외모 양상

한국어 교육

NGUYEN THI THANH HOA 50

한국어와 베트남어의 동사절 특징

HOANG THI TRANG 66

'베트남 내 한국어교육 발전을 위한 몇 가지 조언 - 호치민

인문사회과학 대학교 한국학부 졸업한 재한 베트남인 유학생의
의견 조사 결과를 중심으로"

KOREA KF
FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었습니다

HÌNH TƯỢNG CON GẤU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI HÀN

Hoàng Thị Yến, Nguyễn Thị Hồng Vân*

Gấu được coi là địa mẫu thần, tổ tiên của dân tộc Hàn trên Bán đảo Triều tiên. Có thể thấy tính đa diện, phức tạp trong hình tượng gấu trong tâm thức người Hàn qua thần thoại, truyền thuyết, qua đồng dao và tục ngữ, giải đoán giấc mơ... Tính phức tạp của hình tượng gấu không chỉ thể hiện trong phẩm chất và tính cách mà còn thể hiện trong hình ảnh biểu trưng của nó. Bên cạnh những phẩm chất tốt đẹp như dũng cảm, kiên trì, nhẫn nại, lạc quan... gấu cũng có khá nhiều nhược điểm như chậm chạp, dễ nóng giận, bị coi là ngu ngốc, cố chấp, cực đoan. Dù trong tục ngữ, người dân Hàn vẫn chế giễu gấu là ngu ngốc, xấu xí... nhưng khi giải đoán những giấc mơ, giấc mơ gấu lại được coi là cát mộng, hình ảnh gấu tượng trưng cho quyền lực, thành đạt và thần tài... Trong các bài đồng dao, hình ảnh gấu trở nên đáng yêu, chứ không phải là con vật dữ tợn khiến trẻ em khiếp sợ. Khi xem xét vấn đề từ góc nhìn của thần thoại kiến quốc, tính chất của tục ngữ hay truyền thuyết..., ta có thể lý giải được phần nào căn nguyên của những nét khác biệt trong đánh giá của dân tộc Hàn đối với hình tượng con gấu.

Từ khóa: Hình tượng gấu, đời sống văn hóa, dân tộc Hàn

1. Đặt vấn đề

Người dân Hàn Quốc thập niên 1990 có một câu chuyện đùa như thế này: "Nếu nhân viên của các chaebol (tập đoàn tài phiệt) vô tình bắt gặp một con gấu trong rừng, họ sẽ làm gì?". Câu trả lời như sau: "Nhân viên của Hyundai sẽ 'đập' chết con gấu mà không cần phải suy nghĩ gì cả. Người Daewoo sẽ gọi cho Chủ tịch Kim Woo-jung và đợi lệnh ngài. Samsung sẽ tổ chức một cuộc họp ngay trước mặt con gấu để đưa ra quyết định sẽ làm gì tiếp theo. LG sẽ chờ đợi phản ứng của Samsung và sau đó... bắt chước y hệt"¹. Đây được coi là câu chuyện vui nói về đặc trưng của các chaebol và ảnh hưởng của họ đối với người dân Hàn. Tuy nhiên, hẳn là phải có lý do đặc biệt nào đó để con gấu chứ không phải là một loài động vật nào khác xuất hiện trong câu chuyện thú vị này. Gấu là động vật có vú, kích thước to lớn, dữ tợn, được phân bố rộng khắp trên toàn thế giới. Gấu có thể ở vùng nhiệt đới nóng ẩm hay vùng cực lạnh giá, từ những cánh rừng nhiệt đới hay những vùng núi cao của các châu lục. Hình tượng gấu trong văn hóa thế giới khá đa dạng. Với người Celte, gấu tượng trưng cho giai cấp chiến binh. Trong văn hóa Trung Hoa,

¹<http://genk.vn/chaebol-nguon-coi-suc-manh-xu-han-va-nhung-cau-chuyen-nhu-truyen-thuyet-20160930015921704.chn>, 28/12/2017

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

gấu mang thể khí dương, đại diện cho sức mạnh quyền lực... Tuy nhiên, với dân tộc Hàn và nhiều dân tộc vùng Altai, gấu mang thể khí âm và được coi là thủy tổ của họ².

Vậy, rốt cuộc thì trong tâm thức, trong đời sống văn hóa của dân tộc Hàn hình tượng con gấu có những đặc điểm gì? Trong bài viết, chúng tôi giới hạn phạm vi khảo sát và phân tích hình tượng con gấu qua thần thoại Dangun, truyền thuyết Gomnaru - bến đò Gấu, qua các đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ gấu, một số bài đồng dao về gấu, giải đoán giấc mơ gấu. Phương pháp khảo sát lịch sử, tham cứu và tổng hợp tài liệu, phương pháp miêu tả, phân tích thành tố nghĩa được chúng tôi sử dụng kết hợp với các thao tác phân tích, tổng hợp...

2. Hình tượng gấu trong thần thoại Dangun và truyền thuyết Gomnaru

2.1. Hình tượng gấu trong thần thoại Dangun 단군 신화³

Thần thoại 신화⁴ là câu chuyện thần thánh phản ánh tư duy hay biểu tượng của người cổ đại, nội dung chủ yếu của thần thoại là lịch sử hoặc thuyết thoại về sự tạo thành vũ trụ, sự tích của thần hoặc anh hùng, sự ra đời của dân tộc... Tùy theo nội

dung, có thể chia thành thần thoại tự nhiên (thế giới tự nhiên) và thần thoại nhân văn (thế giới con người). Thần thoại Dangun là câu chuyện về lịch sử lập nước của nhà nước Choson cổ. Có khá nhiều dị bản xung quanh thần thoại kiến quốc của Choson cổ - mà ngày nay Hàn Quốc vẫn coi là thần thoại chính thức của dân tộc Hàn. Ta có thể tham khảo bản tóm tắt được đăng tải trên trang web của KBS World (kênh truyền hình Hàn Quốc - thuộc Korean Broadcasting System - hướng đến khán giả ở ngoài Hàn Quốc) như sau:

"Từ rất sớm, con trai của thần nhà Trời là Hwan-ung đã muốn giúp đỡ thế giới loài người dưới hạ giới. Thấy con trai lúc nào cũng đắm đuối nhìn xuống một nơi như thế, thần nhà Trời Hwan-in bèn thử nhìn xuống nơi đó và cũng muốn đem lợi ích đến cho tất cả mọi người. Ông bèn phái 3 vị thần gió, mưa, mây cùng Hwan-ung dẫn thêm đoàn tùy tùng 3000 người xuống bên rừng cây đàn hương thiêng trên đỉnh Núi Taebaek, gây dựng thành nhà Trời và dạy cho người dân 360 nghề có ích nhất trong cuộc sống. Thế rồi một hôm, có một con gấu và một con hổ tìm đến bên gốc cây đàn hương, cầu xin Hwan-ung làm phép cho chúng được trở thành người. Khi ấy, Hwan-ung bèn ban 20 nhánh tỏi và một nắm cây ngải linh thiêng, rồi nói với chúng rằng nếu ăn những thứ này và ở trong hang tối không nhìn ánh mặt trời trong vòng 100 ngày thì sẽ biến thành người được. Hổ không chịu nổi thử thách, chỉ có gấu được hóa thành một cô gái. Hwan-ung lấy người con gái ấy làm vợ và sinh hạ một người con trai, người con trai ấy chính là vua

²https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%ACnh_t%C6%B0%E1%BB%A3ng_g%E1%BA%A5u_trong_v%C4%83n_h%C3%B3a, 28/12/2017

³http://world.kbs.co.kr/vietnamese/archive/program/program_koreanstory.htm?no=20700, 28/12/2017

Tham khảo 염원희 (2011), 한국정신문화연구원 (1980-1988), 이정재, (1997)...

⁴ <http://krdic.naver.com/detail.nhn?docid=23953600>, 22/1/2018;

고대인의 사유나 표상이 반영된 신성한 이야기. 우주의 기원, 신이나 영웅의 사적(事績), 민족의 태고 때의 역사나 설화 따위가 주된 내용이다. 내용에 따라 자연신화와 인물(人文) 신화로 나눈다.

Dân tộc Hàn là sự kết hợp của bộ tộc đến từ phương Bắc (Hwan Woong là nhân vật biểu trưng) với những bộ tộc thổ dân tại Bán đảo Hàn (Woongnyo - Hùng nữ là nhân vật biểu trưng) được cho là có nhiều sức thuyết phục. Trong khi hồ tiêu biểu cho một quan điểm thực tiễn thì gấu đại diện cho sức mạnh tinh thần bên trong. Từ rất sớm, truyền thống Korea đã xem trọng giá trị của lòng tin, sự can đảm vượt qua mọi thử thách để đạt những đỉnh cao tinh thần⁷.

2.2. Hình tượng gấu trong truyền thuyết Gomnaru (곰나루 전설)⁸

Truyền thuyết 전설⁹ là câu chuyện được truyền miệng rộng rãi trong dân gian, thường lấy đề tài về nội lực của cộng đồng nào đó, sự tích của vật thể tự nhiên nào đó, sự trải nghiệm lạ kì... Truyền thuyết Gomnaru là câu chuyện sự tích của một bến đò có liên quan đến loài động vật - Gấu, có thể lược thuật như sau:

Ngày xưa, ở gần bến đò Gấu (Gom) bấy giờ có một cái hang rất lớn trên núi Yeonmi. Trong hang có một con gấu cái to lớn sinh sống. Một chàng trai đi đốn củi bị gấu bắt về và cùng chung sống trong hang. Dưới sự giám sát của gấu, chàng trai không thể chạy trốn, đành ăn

những thức ăn mà gấu đi săn về. Cho đến khi gấu mẹ sinh được đứa con thứ hai. Gấu mẹ bắt đầu tin tưởng chồng mình nên hôm đó không chặn hang lại. Người đàn ông nhân lúc gấu đi săn liền trốn thoát khỏi hang. Khi phát hiện chồng mình chạy trốn về phía dòng sông, gấu mang theo hai con khóc lóc van chồng quay lại. Thế nhưng, người đàn ông không thèm để ý đến sự van nài của gấu, vẫn lội qua sông. Gấu mẹ liền cùng hai con nhảy xuống sông tự vẫn. Từ đó, người ta gọi nơi người đàn ông qua sông là bến đò Goma hay bến đò Gom (Gấu)¹⁰.

Truyền thuyết Gomnaru được coi là thần thoại của Baekje, trong đó, gấu đại diện cho bộ tộc bản địa, người đàn ông là đại diện cho bộ tộc sau này lập nên triều đại Baekje. Khác với thần thoại Dangun - nhân vật chính kết hôn với gấu là người nhà trời - thần thánh, ở truyền thuyết bến đò Gấu, kết hôn với gấu là người tiều phu - con người bình thường, người dân lao động. Có nghiên cứu cho rằng, truyền thuyết Gomnaru của dân tộc Hàn có nhiều điểm tương đồng với thần thoại về Gấu của tộc Ewenke - cư trú ở dãy Hongan thuộc Đông bắc Trung Quốc. Duy chỉ khác ở kết chuyện, mẹ gấu ném một nửa số con cho chồng, một nửa số con giữ lại nuôi. Ở điểm này thần thoại Gấu của tộc Ewenke lại có nét gần giống với thần thoại kiến quốc của dân tộc Việt với 50 con theo cha xuống biển, 50 con theo mẹ lên rừng. Tuy nhiên, trong thần thoại Gấu của tộc Ewenke, những chú gấu con ở lại với mẹ vẫn là gấu nhưng các chú gấu con

⁷http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=338:huyn-thoi-lp-q-uc-ca-korea&catid=64:vn-hc-nc-ngoai-va-vn-hc-so-sanh&Itemid=108, Phan Thu Hiền, Huyền thoại lập quốc của Korea đăng năm 2009, 28/12/2017

⁸ Tham khảo 엄 원 희 (2011), 김균태 외 (2000), 이정재, (1997), 김균태·강현모 (1995), 최래옥 (1982), 한국정신문화연구원 (1980-1988)...

⁹ <http://krdic.naver.com/detail.nhn?docid=33048900>, 22/1/2018:

옛날부터 민간에서 전하여 내려오는 이야기. 주로 구전되며 어떤 공동체의 내력이나 자연물의 유래, 이상한 체험 따위를 소재로 한다.

¹⁰<http://folkency.nfm.go.kr/kr/topic/%EA%B3%B0%EB%82%98%EB%A3%A8/5435>, 21/1/2018

theo bố thì trở thành người. Còn trong thần thoại của dân tộc Việt, Lạc Long Quân là giống rồng, Âu Cơ là giống tiên nhưng đều mang hình người, Âu Cơ mang thai và đẻ ra một bọc có trăm quả trứng, sau nở thành 100 người con...

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, tiêu biểu cho mô típ nhân thú giao hôn của các dân tộc vùng Đông Bắc Á và người da đỏ ở Bắc Mỹ là thần thoại Dangun của dân tộc Hàn. Thời kì đầu, khi nói về mối quan hệ giữa tự nhiên và con người, các bộ tộc không phân biệt, coi con người và tự nhiên là bình đẳng, ngang hàng, vì thế cho rằng người và thú có thể kết hôn. Khác với thần thoại Dangun - với đặc trưng mang cái kết có hậu, thần thoại Gomnaru của Baekje biến đổi trở thành truyền thuyết - với đặc trưng là có cái kết bi kịch - không có hậu với cái chết của gấu. Điều này được các nhà nghiên cứu giải thích là do thời kì sau đó, luân lí xã hội và quan niệm về đạo đức của con người không coi thú ngang hàng với con người, vì thế không chấp nhận việc kết hôn và chung sống mãi mãi. Trong thần thoại Dangun, gấu cũng phải trở thành người mới kết hôn được với Hwanung để sinh ra Dangun. Điều này cũng có nét tương đồng với thần thoại lập nước của Việt Nam, Lạc Long Quân và Âu Cơ sau khi sinh được 100 người con cũng phải chia tay vì sự khác biệt giống loài (rồng - tiên) và môi trường sống (biển - rừng)...

3. Hình tượng gấu trong đồng dao¹¹

Đồng dao là những bài hát được sáng tác cho trẻ em, để trẻ em hát. Khác với các bài hát tình yêu, bài hát thiếu nhi thường

chứa đựng nhiều nguyên lí mang tính khoa học, với nhiều đề tài, ý tưởng đa dạng, phong phú. Các bài đồng dao về loài vật thể hiện khá rõ đặc trưng này. Ở đây, chúng tôi tìm hiểu về hình ảnh của gấu qua một vài bài đồng dao.

3.1. Hình ảnh gia đình gấu vui vẻ, hạnh phúc

Bài hát Ba con gấu 곰 세 마리 được trẻ em vô cùng yêu thích, đặc biệt lứa 3-7 tuổi¹².

곰세마리가 한집에 있어 một nhà có ba con gấu

아빠곰 엄마곰 애기곰 gấu bố, gấu mẹ, gấu con

아빠곰은똥똥해 gấu bố béo mập

엄마곰은날씬해 gấu mẹ thon thả

애기곰은너무귀여워 gấu con rất đáng yêu
으쓱으쓱 잘한다 nhún vai nhún vai thật giỏi

Trong thực tế, gấu không sống thành bầy, ngoại trừ thời gian giao phối, sinh sản hay khi tập trung bắt cá hồi hoặc con mồi to... thì gấu thường sống đơn độc. Hình ảnh gấu bố béo tròn, gấu mẹ thon thả và gấu con dễ thương trong một gia đình hạnh phúc chỉ là thể hiện mong muốn của con người, khác xa với cuộc sống của loài gấu.

3.2. Hình ảnh các em nhỏ và gấu

Hình tượng chú gấu trong bài hát Chú gấu xinh xắn 예쁜아기곰¹³ chỉ được phác họa ở một vài nét đơn giản: cặp mắt to tròn, cái mũi nhỏ, màu đen, bộ lông trắng muốt...

¹¹http://www.hani.co.kr/arti/science/science_general/185288.html, 19/12/2017

¹²<https://www.musixmatch.com/ko/lyrics/KVA/%EA%B3%B0%EC%84%B8%EB%A7%88%EB%A6%AC,19/12/2017>

¹³http://listenmusiclyric29.blogspot.com/2014/04/blog-post_2841.html, 19/12/2017

đồnggrần눈에 까만작은 코 mắt tròn mũi đen
하얀 털옷을 입은 예쁜 아기 곰 chú gấu
xinh xắn mặc áo lông màu trắng
언제나 너를 바라보면서 lúc nào ngắm
nhìn bạn

작은 소망 얘기하아지 tôi cũng muốn nói
về ước mơ nho nhỏ

너의 곁에 있으면 nếu ở bên cạnh bạn

나는 행복해 tôi hạnh phúc

어떤 비밀이라도 dù là bí mật gì

말할 수 있어 cũng có thể nói cùng bạn

까만 작은 코오에 cái mũi nhỏ màu đen

입을 맞추면 nếu hôn lên đó

수줍어 얼굴을 붉히는 sẽ làm đỏ gương
mặt xấu hổ

예쁜 아기곰 chú gấu nhỏ xinh đẹp

Tình bạn của các bạn nhỏ và chú gấu
xinh xắn thật dễ thương. Bạn nhỏ thường
tâm sự với chú gấu những bí mật của
mình mà không sợ bị tiết lộ. Trong thực
tế, có nhiều khả năng, đây chỉ là một chú
gấu bông trắng. Tuy nhiên, tình bạn thân
thiết, gắn bó đến mức, khi cô bé thơm lên
cái mũi màu đen lại ngỡ như chú gấu bông
đỏ mặt lên vì xấu hổ...

Trong bài hát *Đi bắt gấu nào* 곰
잡으러 갑시다¹⁴, nội dung tường thuật lại
một phần quá trình bắt gấu của người thợ
săn: Trèo lên cây cao để quan sát bốn
phía, xác định mục tiêu. Sau đó, nhẹ
nhàng tụt xuống, men theo và ẩn mình
trong các khe đá để tiếp cận mục tiêu. Tuy
nhiên, khi bắt được gấu to lại tóm nhẹ
đuôi lại là hành động nguy hiểm. Hành
động này chỉ thích hợp khi đây là bài hát
trong một trò chơi bắt gấu. Câu "bơi vào
đây nào" cũng giống như lời mời mọi
người tham gia....

곰 잡으러 갑시다 đi bắt gấu nào

헤엄쳐서 갑시다 bơi đi nào

나무위로 올라가 trèo lên cây

이리저리 보다가 nhìn bốn phía

살금살금 내려와 nhẹ nhàng tụt xuống

바위 틈에 숨어서 ẩn mình vào khe đá

큰 곰을 받았다가 khi bắt được gấu to

꼬리를 살짝 잡아라 hãy tóm nhẹ đuôi

Trò chơi bắt gấu giả tưởng đã thú vị,
có chú gấu - đặc biệt là gấu trúc chơi
cùng lại càng thú vị hơn. Hình ảnh chú
gấu trúc 팬더 곰¹⁵ thật đáng yêu trong
mắt các bạn nhỏ:

동그란 두 눈에 뚱뚱한 몸집으로 mắt to
tròn, người béo mập

달린다 달린다 신나게 시소를 타고 chạy

nào chạy nào chơi bập bênh vui vẻ

기운도 세지만 마음은 착해요. khí vận
khỏe nhưng lại rất hiền

우리들의 친구 착한 팬더 곰 gấu trúc
ngoan bạn của chúng tôi

동그란 두 눈에 뚱뚱한 몸집으로 mắt to
tròn, người béo mập

달린다 달린다 신나게 시소를 타고 chạy
nào chạy nào chơi bập bênh vui vẻ

Bài hát khắc họa hình ảnh chú gấu
trúc béo mập với cặp mắt to tròn, chạy
nhảy chơi bập bênh vui vẻ với các bạn
nhỏ. Chú to lớn, khỏe mạnh nhưng lại rất
hiền, rất hòa đồng với các bạn nhỏ trong
trò chơi dân gian thú vị...

3.3. Hình ảnh chú gấu dũng cảm, lạc quan

Bài hát *Tôi là gấu* 나는 곰이다¹⁶ của
tác giả Choi Hee Jun 최희준 khắc họa
hình ảnh chú gấu dũng cảm và lạc quan.
Có thể tạm dịch như sau:

¹⁵http://www.contentshub.co.kr/xe/?mid=kid_song&category=240&listStyle=webzine&document_url=2436,19/12/2017

¹⁶<http://www.boom4u.net/lyrics/view.php?id=10H34F79C2B9C,19/12/2017>

¹⁴http://listenmusiclyric33.blogspot.com/2014/07/various-artists_13.html 19/12/2017

와하하하 나는 꿈이다 oa ha ha ha tôi là gấu
미련하다 못났다 놀려도 좋다 cho dù ai có
trêu chọc là ngu là xấu cũng tốt
재주는 없다마는 할짓은 다한다 dù bất tài
nhưng tôi luôn cố gắng
태산이 높다해도 못오를게 무어나 dù Thái
sơn có cao tôi lại không lên được sao
험한길 자빠져도 웃으면서 일어나 dù ngã
trên con đường hiểm trở, lại cười và
đứng dậy
자빠져도 코를 다쳐도 울지 않겠다 dù có
ngã, dù mũi bị thương cũng không khóc
산만보고 올라가는 나는 꿈이다 tôi là chú
gấu cứ nhìn núi là leo lên
와하하하 나는 꿈이다 oa ha ha ha tôi là gấu
사람마다 못났다 웃어도 좋다 dù con
người có chê cười là xấu xí cũng được
재주는 없다마는 할짓은 다한다 tuy bất tài
nhưng tôi luôn cố gắng
하늘이 넓다마는 내마음에 비할까 bầu trời
rộng lớn nhưng có bằng tâm lòng tôi
가는길이 험해도 뛰어라 뛰어라 con đường
dù hiểm trở nhưng hãy chạy, hãy chạy
자빠져서 코를 다쳐도 울지 않겠다 dù có
ngã, dù mũi bị thương cũng không khóc
산만보고 올라가는 나는 꿈이다 tôi là chú
gấu chỉ nhìn núi và leo lên

Có thể thấy, trong nhận thức của người Hàn, gấu thường bị coi là loài vật ngu ngốc, xấu xí, bất tài... Tuy nhiên, cũng có cách nhìn khác, tích cực hơn về gấu. Đó là: là loài vật dũng cảm, lạc quan, không sợ khó khăn, nguy hiểm, thích leo trèo, luôn chấp nhận thử thách, chinh phục núi cao... Cũng có thể thấy môi trường sống của gấu là ở vùng núi cao, hiểm trở, khi ngã, cái mũi của gấu là bộ phận dễ bị thương nhất...

4. Hình tượng gấu trong tục ngữ tiếng Hàn

Theo Song Jae Seon (1997), có 45 đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ con gấu. Có thể thấy một số đặc điểm về gấu như sau: gấu bắt cua, gấu ăn cá nhưng không ăn cá ươn, gấu thường mút chân khi không có thức ăn, bàn chân gấu dày, âm hộ gấu nhiều lông... Gấu ở trong hang, gấu có mật - và cũng vì thế mà thường bị săn bắt để lấy mật, gấu có thể gây hại cho mùa màng, ví dụ như vào ruộng bẻ ngô... Qua tục ngữ gấu, có thể thấy rõ giá trị giáo huấn, truyền kinh nghiệm và giá trị phê phán, châm biếm của người Hàn xưa.

4.1. Giá trị giáo huấn, truyền kinh nghiệm của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ gấu

Mỗi loài đều có những điểm yếu, điểm mạnh nhất định để khẳng định giá trị của mình. Tuy nhiên, đôi khi những điểm mạnh đó lại làm hại đến sinh mạng của sinh linh đó. Người Hàn có câu: 꿈은 웅담 때문에 죽고, 사슴은 녹용으로 죽고, 사람은 혀로 망한다 *gấu chết vì mật, hươu chết vì lộc nhung, người chết bởi lưỡi*: Gấu bị bắt giết vì có mật có thể làm thuốc quý. Hươu chết vì bị bắt giết để lấy lộc nhung. Nhưng người lại chết vì cái mồm nói năng vô tội vạ - vạ miệng. Về kinh nghiệm trong quan hệ xã hội, người Hàn cho rằng: 꿈보다 여유가 낫다 *cáo thì hơn gấu*. Vì thế, 꿈하고는 못 살아도 여유하고는 산다 *không sống được với gấu nhưng sống được với cáo*: sống với người mềm mỏng, nhẹ nhàng hơn là sống với người chậm chạp, ngu dần, thô lỗ. Ở đời, quan trọng và hơn nhau là có phúc. Thường ở nửa cuộc đời đầu tiên, chúng ta hưởng phúc từ tổ tiên, từ kiếp trước.

Nhưng đến nửa sau của cuộc đời, nếu ta không tích đức, không hành thiện thì phúc sẽ cạn. Con người không có phúc thì làm việc gì cũng không may mắn: *꿈을 잡아도 응답 없는 꿈을 잡는다: dù có bắt được gấu thì cũng bắt được gấu không có mật, 복없는/ 재수없는 놈은 꿈을 잡아도 응답이 없다 người không có phúc/ người không có tài lộc thì có bắt được gấu cũng không có mật*: người đã đen đủi thì làm việc gì cũng thất bại, dù vất vả nhưng cũng không thu được lợi gì.

Gấu là thú dữ, dù không phải là loài ăn thịt. Gấu ăn mật ong, côn trùng, thực vật, cá... Tuy nhiên, vì vóc dáng to lớn và có thể lực tốt, dễ nóng giận và ngu ngốc, gấu có thể gây nguy hiểm cho các loài vật khác. Người Hàn xưa cảnh báo nguy hiểm: *곰 보고 아이 보라는 격이다 như giao trẻ cho gấu giữ*: Nếu giao việc cho người không tin cậy, dễ bị họa cũng giống như giao đứa trẻ non nớt, yếu đuối cho gấu trông giữ, dễ bị thương tổn hoặc mất mạng.... Trông vẻ ngoài của gấu có vẻ hơi bản nhưng gấu lại chỉ ăn cá tươi ngon, sạch sẽ: *곰은 썩은 고기를 먹지 않는다 gấu không ăn cá ươn*: câu tục ngữ này, người Hàn dùng để so sánh với người sành ăn so với vẻ ngoài bình thường, giản dị...

Nhu cầu ăn uống để tồn tại vô cùng quan trọng không chỉ đối với các loài động vật, con người cũng vậy. Trong tục ngữ, cả người Hàn và người Việt đều thể hiện rõ quan điểm: *có thực với vực được đạo, muốn đi núi kim cương thì cũng phải ăn đã* 금강산도 식후경. Tục ngữ gấu có câu: *곰이라면 발바닥이라도 핏아 먹지 nếu là gấu thì cũng liếm chân mà ăn chứ sao*, hay: *곰이 아니라 제 발바닥 핏아 먹고 살*

수는 없다 không phải gấu nên không thể liếm chân mà sống: Khi không có đồ ăn, gấu có thể liếm chân mà sống nhưng con người không có lương thực sẽ đói mà chết. Vì thế, con người sống, phải lao động chăm chỉ mới có cái ăn, không bị chết đói...

Trong cuộc sống, chúng ta thường không thể biết trước hoặc dự đoán chính xác một điều gì. Liên quan đến điều này, có thể tìm hiểu câu tục ngữ sau đây: *믿은 나무를 곰이 차지한다 cây từng tin tưởng bị gấu chiếm mất*: xưa có người vào rừng, thấy cây gỗ tốt, trở về nhà định ngày hôm sau quay lại để đốn. Không ngờ, khi quay lại thì cái cây đó đã bị gấu chiếm mất, không thể đốn được. Đôi khi, có việc mình tin tưởng, chắc chắn 100% rồi nhưng rốt cuộc lại thất bại, trở thành con số không... Đoàn kết làm nên sức mạnh của một tập thể, một dân tộc: *삼부자가 곰 잡듯 한다 (để) như ba bố con bắt gấu*: cho dù là việc khó và nguy hiểm, nhưng có nhiều người đoàn kết lại, chung sức chung lòng, được tổ chức tốt cùng làm thì cũng sẽ dễ dàng như ba bố con vây quanh gấu, đánh bắt gấu to lớn... Để khen ngợi lòng can đảm, dũng khí, người Hàn dùng hình ảnh: *배짱이 곰의 발바닥 같다 gan (dây) như bàn chân gấu*: Gan đây như bàn chân gấu nên can đảm. Cũng với ý nghĩa này nhưng người Việt thường dùng hình ảnh: *to gan, lớn mật*...

4.2. Giá trị phê phán, châm biếm của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ gấu

Tục ngữ không chỉ được coi là vũ khí sắc bén trong đấu tranh giai cấp, trong đấu tranh với những thói hư, tật xấu của người dân, nó cũng phát huy khá tốt sức mạnh

này. Với những người tham lam, ích kỉ, vô ý, người Hàn có câu: *꿈을 잡으니까 응답은 저 달라고 손 내민다* vì *bắt được gấu nên chìa tay xin: cho tôi mật gấu*: người tham lam thì chỉ biết thể hiện lòng tham mà không có ý tứ trong giao tiếp, cư xử. Giá trị của con gấu là ở mật gấu. Gấu lại là loài thú dữ, to khỏe, để bắt được chắc chắn sẽ phải có nhiều người hợp sức, vất vả mới bắt được. Thế nhưng, người không mất công sức gì lại hồn nhiên chìa tay xin bộ phận giá trị nhất - khó có thể chấp nhận được. Tục ngữ Hàn có câu *욕심이 꿈 발바닥같이 두껍다* *lòng tham dày như lòng bàn chân gấu*: phê phán người nhiều tham vọng như thế....Mùa đông, gấu thường ngủ đông, ở trong hang mà liêm chân: *발바닥 활아먹고 사는 꿈인 줄 아나? có biết là gấu liêm chân ăn mà sống không?*: Câu tục ngữ là lời xả giận của người vợ đối với chồng khi lương thực của nhà sắp hết mà vẫn không có động tĩnh, giải pháp gì... Gấu liêm chân ăn mà sống được, con người có làm được như thế không mà cứ ì ra như vậy? Không lo kiếm gạo thì cả nhà chết đói...

Tiếng cười châm biếm trong tục ngữ có yếu tố chỉ con gấu hướng đến đặc điểm nổi bật hoặc những hoạt động liên quan đến loài vật này: Khi chê ai đó chậm chạp, người Hàn nói: *꿈 가져 뒤지듯* *chậm như gấu bắt cua*; mắng người trơ trên: *낮가죽이 꿈 발바닥 같다* *da mặt (dày) như lòng bàn chân gấu*: Người vô liêm sỉ, không biết xấu hổ, mắng người gây âm ỉ: *꿈 사냥하듯 한다* *ồn ào như săn gấu*; châm biếm người vội vàng, hấp tấp: *꿈 굴 보고 응답 선금 내 쓴다* *mới nhìn hang gấu đã trả tiền mật*, *꿈도 잡기 전에 응답 선금*

내 쓴다 *trả tiền mật trước khi bắt gấu/chưa bắt gấu đã trả tiền mật*, thậm chí: *꿈 봤다는 말 듣고 응답 선금 내 쓴다* *mới nghe nói đến gấu đã trả tiền mật*; châm biếm về mặt nhân nhó: *똥 먹은 꿈 상이다* (nhân nhó) *như mật gấu ăn cứt*: Gấu rất sạch sẽ, thậm chí cá ươn, cá bẩn cũng không ăn, vì thế, nếu phải ăn cứt, chắc chắn sẽ rất khó chịu, sẽ nhân nhó khó coi...; chê người trông thì đứng đắn chỉnh tề mà lại là kẻ hẹp hòi như gấu: *희고도 꿈 같은 نوم이다* *là kẻ bảnh mà như gấu...*

Khác với hình ảnh gấu được sùng bái trong thần thoại, gấu trong tục ngữ bị coi là ngu ngốc. Điều này chính là nguyên nhân có khá nhiều câu tục ngữ dùng hình ảnh của gấu để phê phán, châm biếm những hành động ngu ngốc của con người: *꿈이 보면 "할아비" 하겠다* *nếu gấu thấy chắc sẽ gọi là ông*: cười người ngu ngốc, đến ngu như gấu cũng phải gọi người đó là ông; *꿈에게 아이 말긴 격이다* *như giao trẻ con cho gấu*: hành động ngu xuẩn khi giao nhiệm vụ quan trọng cho người không tin tưởng - *như gửi trứng cho ác*; *꿈 발바닥 같다* *như bàn chân gấu*: chê người ngu và bảo thủ như gấu; *꿈이 설거지하듯 한다* *như gấu rửa bát*: làm việc nhưng lại chẳng có ý nghĩa gì; *미련하기는 꿈이다* *ngu ngốc là gấu*: so sánh người ngu như gấu.... Hình ảnh thợ săn vào hang bắt gấu cũng được tái hiện qua câu tục ngữ: *꿈 창날 받듯* *như gấu bị đâm lao*: Khi bắt gấu trong hang, nếu người thợ săn hướng mũi lao vào gấu, gấu sẽ dùng hai chân trước nắm để giằng lại, lúc này, chỉ cần dùng sức đẩy mạnh mũi lao về trước sẽ đâm thẳng vào ngực gấu: muốn nói đây là hành động ngu ngốc, dại dột tự mình lại làm hại mình. Hay, hình

ảnh gấu vào ruộng phá ngô hiện ra khá sinh động: 꿈 옥수수 따듯 한다 *như gấu bẻ ngô*: Khi gấu bẻ ngô, bẻ ngô bằng tay phải, sau đó cắp bắp ngô vào nách trái, bẻ bằng tay trái thì cắp bắp ngô vào nách phải, cứ như vậy, bẻ cả ngày cũng không được hai bắp ngô: chê người không biết tính toán, chỉ làm việc ngu ngốc...

5. Hình tượng gấu qua cách giải đoán giấc mơ gấu¹⁷

5.1. Gấu biểu trưng cho người mẹ và sinh sản

Trong tâm lí học, gấu được đồng nhất với hình ảnh của mẹ. Vì thế, trong mơ, gấu tượng trưng cho mẹ, tình mẹ, mang thai. Mơ thấy gấu con hay chơi với gấu con, nếu là phụ nữ có chồng thì sẽ có thai, con gái chưa chồng thể hiện sự mong đợi hay bất an về việc sẽ trở thành mẹ. Mơ thấy mình chạy vào nhà đang cháy và cứu gấu con ra là thai mộng - điềm báo có thai và sinh con trai thuận lợi. Mơ thấy áo trẻ con hoặc đồng phục nhi đồng có vẽ hình gấu, có nhiều khả năng là thai mộng và sinh con trai, sinh được con trai cao lớn, giàu có hoặc trở nên nổi tiếng. Mơ thấy gấu sinh con - thai mộng, điềm báo sinh con giỏi giang, sự nghiệp phát triển, phát triển sản phẩm mới. Mơ thấy gấu hoặc chơi với gấu là điềm báo có giao lưu với người giàu hoặc người có quyền lực; nếu là thai mộng sẽ sinh con trở thành người giàu có hoặc người có trách nhiệm trong tổ chức lớn...

5.2. Gấu tượng trưng cho quyền lực, tài vật

Gấu cũng tượng trưng cho tài vật, sự sung túc, làm ăn thuận lợi. Giấc mơ liên

quan đến gấu, công việc chông chất, có quyền lực hay tài vận. Mơ thấy đàn gấu ngồi trên đồng lúa gạo là điềm báo một năm làm nông thuận lợi, được mùa lớn, trong nhà nhiều tài vật, tiền bạc, nếu làm trong giới kinh doanh thì trở thành doanh nghiệp lớn. Mơ thấy gấu trúc bắt cá ven suối sẽ có tiền tài, tình nguyện giúp đỡ vì người khác một cách vui vẻ, vận may trời cho và có niềm vui đến. Nếu mơ thấy có con gấu to như thùng nước ngồi không động đậy ở sân nhà thì nên đầu tư bất động sản, nếu xây dựng và tái thiết sẽ giàu có. Mơ thấy hàng chục con gấu đi vào nhà, nếu đầu tư sản xuất, kinh doanh sẽ có lợi, có tài vận. Mơ gấu trúc mẹ cho măng tre là điềm báo có quà đẹp từ bạn hay người yêu thể hiện tình bạn hay tình yêu. Trong mơ thấy gấu leo lên chỗ cao: mộng đẹp - việc đang làm tiến triển rất thuận lợi. Mơ gấu trúc cắn chân chảy máu sẽ có có tiền tài, công việc đang làm không có gì cần lo lắng. Trong mơ thấy mình bắt gấu, được mật sẽ tạo thành nghiệp lớn, có tài vật hay tác phẩm. Trong mơ thấy phân gấu có vàng bạc thì tiền và tài vật đến, đầu tư sản xuất hay buôn bán sẽ có lãi, kiếm nhiều tiền nhờ phát triển sản phẩm được yêu chuộng. Mơ thấy gấu đi thành đàn vào nhà thì việc đầu tư sản xuất, kinh doanh kiếm nhiều tiền...

Hình ảnh gấu cũng tượng trưng cho sức mạnh, quyền lực hay nhân vật có quyền lực và quyền uy bất kể là nam hay nữ. Mơ thấy gấu đi thông dong trong nhà mình, trong thực tế phải chịu áp lực hay sự chi phối của mẹ rất lớn. Mơ bị gấu tấn công là chịu áp lực bởi bố mẹ, người trên, thể hiện mong muốn được tự do, thoát khỏi sự bảo hộ của họ, muốn chống lại

¹⁷ <http://dreambible.kr/search/%EA%B3%B0> 21/1/2018

hay thoát khỏi thế lực hay môi trường của người có sức mạnh hoặc thế lực. Mơ giết gấu và lấy mật là điềm báo sẽ thành công lớn, nếu thi sẽ đỗ, có quyền lợi lớn trong tổ chức lớn. Trong mơ thấy gấu leo cây thì bản thân hoặc người trong gia đình thăng tiến hay nổi tiếng. Có thể lên vị trí đứng đầu tổ chức hoặc chiếm được vị trí trọng yếu nắm giữ quyền lực. Mơ thấy gấu trúc leo cây tre sẽ thăng tiến lên vị trí cao, lập thân dưỡng danh, có vận may và thành công trong thi cử, ứng cử, đỗ đạt, thành công. Nếu mơ thấy cưỡi gấu trúc đi vào rừng tre thì được phú quý vinh hoa, thành tựu mong ước...

Những gì không tốt với gấu xuất hiện trong giấc mơ cũng là điềm báo xấu. Cái bẫy đối với gấu là mối nguy hiểm, nếu mơ thấy gấu đang đi thì bị sa bẫy, vùng vẫy muốn thoát ra. Khi ra ngoài, đi công tác hay du lịch phải cẩn thận vì có thể sẽ gặp tai nạn, thường phát sinh khi tham gia giao thông hoặc đi máy bay... Mơ thấy cưỡi gấu và đi lại trên đường, có thể có va chạm với người có quyền thế và vì việc đó mà bị sa lầy, khốn đốn. Nếu mơ thấy gấu leo tèo từ cây này sang cây kia, có nhiều khả năng sẽ chuyển nơi ở hoặc văn phòng, luôn bận rộn bởi công việc. Trong mơ thấy gấu đi lòng vòng, đi lung tung có thể là điềm báo bản thân bị thương hoặc tai nạn đột ngột. Trong mơ thấy gấu làm cho nhà mình náo loạn, bản thân có thể đang đau lòng, muốn thoát khỏi sự can thiệp của mẹ hoặc người trên. Mơ thấy gấu tấn công mình là điềm có việc không tốt xảy ra. Nếu mơ thấy gấu đi vào nhà, có thể tinh thần không thoải mái, bất an vì mẹ hoặc người trên chi phối, giám sát, không thể độc lập, vẫn phụ thuộc...

6. Về tính phức tạp của hình tượng gấu trong tâm thức người Hàn

6.1. Gấu linh thiêng, thần thánh, biểu trưng cho quyền lực và tiền tài

Trong thần thoại kiến quốc, có thể thấy, gấu là động vật có tính nhẫn nại, kiên trì để đạt mục đích cuối cùng. Gấu là động vật được con người sùng bái và thờ cúng, đại diện và biểu trưng cho thể khí âm, có tính sinh sản, thuộc mẫu hệ. Gấu là động vật được chọn trong số rất nhiều loài vật trên trái đất được người Hàn chọn, coi là địa mẫu thần để kết hợp với thiên phụ thần, sinh ra Dangun - là tổ tiên của người Hàn. Vì thế, hình tượng gấu trong thần thoại kiến quốc của Choson cổ là linh thiêng, sự hóa thân từ loài động vật thành người mang ý nghĩa thần thánh, một sự lột xác, tiến bộ... Dù trong tục ngữ, hình ảnh gấu mang những phẩm chất, tính cách tiêu cực nhưng những giấc mơ có gấu xuất hiện, gấu leo hoặc tèo lên chỗ cao... lại tượng trưng cho điềm báo có quyền lực, có tiền tài, sung túc. Nếu là thai mộng, nhất định người phụ nữ sẽ sinh hạ được con trai khỏe mạnh, giỏi giang và sau này sẽ nổi tiếng, thành đạt, giàu có...

6.2. Gấu là giống cái tình cảm, kiên trì, dũng cảm, lạc quan

Trong thần thoại, truyền thuyết của dân tộc Hàn, gấu luôn là giống cái, có chức năng sinh sản. Để trở thành người, gấu đã chấp nhận chịu đựng ăn tòi và lá ngải đắng, kiên trì nhẫn nại ở trong hang tới 100 ngày đêm. Gấu cái luôn mong muốn có hạnh phúc đôi lứa, gia đình. Gấu trong thần thoại Dangun biết cầu khẩn trời ban cho mình hạnh phúc. Gấu trong truyền thuyết Gomnaru biết tự tìm và tạo dựng cho mình hạnh phúc, khi gia đình

tan vỡ thì tuyệt vọng và chọn cái chết bi kịch. Chú gấu trong đồng dao dù bị trêu chọc là ngu ngốc, bất tài, xấu xí nhưng vẫn mỉm cười, dũng cảm chịu đau dù vấp ngã, vẫn không bỏ cuộc ngẩng cao đầu nhìn trời xanh, hướng ngọn núi cao cần chinh phục và dần bước...

6.3. Gấu ngu ngốc, cổ chấp và cực đoan

Trong tục ngữ, có thể thấy, người Hàn coi gấu là loài động vật ngu ngốc, chậm chạp. Hình ảnh gấu mang sắc thái tiêu cực. Gấu ngu: *곰보다도 더 미련하다* *ngu hơn cả gấu*. *돔도 굴굴* *재주는 한다* *ngu như gấu cũng có (tài) khi lực*: Người ngu cũng có một biệt tài nào đó, ai cũng có sở trường... *곰 망작 받듯 한다* *như gấu bị va mangchac* - mảnh vải rách: (tích chuyện xưa): Nếu treo mangchac ở đường gấu đi sao cho đụng đầu gấu, gấu bị đụng mangchac sẽ nổi giận, lặp lại hành động va đụng đó, dùng tay đánh vào đầu mình và cuối cùng thì chết. Người ngu ngốc có thể hành động làm hại bản thân. *곰 발바닥 같다* *như bàn chân gấu* = ngu và bảo thủ như gấu. *곰은 곰이다* *gấu mãi cũng chỉ là gấu*: cũng như vậy, người ngu thì mãi cũng không thông minh lên được. *곰은 미련한 놈이 잡는다* *người ngu bắt gấu*: người ngu bắt gấu thì hợp. Người Việt có câu: *ngưu tầm ngưu mã tầm mã*. *곰의 재주다* *tài trí của gấu*: hành động ngu ngốc như cái tài chí của gấu: chê bai bằng nói mát mẽ, mỉa mai. Trong tục ngữ tiếng Hàn, chúng tôi không tìm thấy câu nào nói đến tài trí của gấu theo ý nghĩa tích cực... Trong truyền thuyết, hành động ôm con nhảy xuống sông tự vẫn của gấu mẹ khi không thuyết phục được chồng quay trở lại chung sống thể hiện cách nghĩ có

chấp và hành động cực đoan, cũng là sự tuyệt vọng của con người khi hạnh phúc tan vỡ, lòng tin không còn...

6.4. Gấu đáng yêu

Trong đồng dao, hình ảnh gấu được khắc họa mang tính ước lệ nhưng không kém phần sinh động. Với cặp mắt to tròn, cái mũi đen, to khỏe, leo trèo giỏi... Dù bị coi là ngu ngốc như trong tục ngữ, nhưng hình ảnh gấu trong đồng dao vẫn có nét tích cực, đó là tính kiên trì vượt khó, nỗ lực để hoàn thành việc phải làm. Đây cũng là phẩm chất tốt đẹp của gấu được thể hiện trong thần thoại kiến quốc. Ngay cả hình dáng béo mập, to lớn của gấu khi được nhập vào hình ảnh của gấu bố lại mang vẻ vững chãi, đáng tin cậy. Vì thế, dù vẻ ngoài xấu xí và hung dữ, nhưng khi được tạo hình dưới dạng gấu bông đáng yêu hay đưa vào các bài hát thiếu nhi - gấu vẫn được coi là người bạn thân thiết của trẻ em - nhất là các bé gái. Gia đình giả tưởng của 3 chú gấu cũng thể hiện mong muốn của người Hàn về một gia đình nhỏ hạnh phúc, vui vẻ...

Nghi vấn của chúng tôi ở đầu bài viết có thể tạm lí giải như sau: Gấu là loài thú dữ, to lớn và khá nguy hiểm - vì thế, nếu bắt gặp nó, con người thường tìm cách đối phó hoặc tiêu diệt nó nhằm bảo toàn tính mạng hoặc tránh nguy hiểm cho bản thân. Sống trong rừng nhưng gấu lại khá quen thuộc và gần gũi với người dân Hàn vì Bán đảo Hàn có tới 3/4 là rừng núi. Gấu thường là biểu trưng cho sự sinh sản, quyền lực và sự sung túc... Có lẽ chính sự phức tạp của hình tượng gấu trong tâm thức người Hàn chính là lí do để gấu xuất hiện trong câu chuyện hài hước về các nhà tài phiệt Hàn Quốc.

Kết luận

Gấu được coi là địa mẫu thần, tổ tiên của dân tộc Hàn trên Bán đảo Triều tiên. Tính phức tạp của hình tượng gấu không chỉ thể hiện trong phẩm chất và tính cách mà còn thể hiện trong hình ảnh biểu trưng của nó. Bên cạnh những phẩm chất tốt đẹp như dũng cảm, kiên trì, nhẫn nại, lạc quan...gấu cũng có khá nhiều nhược điểm như chậm chạp, dễ nóng giận, bị coi là ngu ngốc, cổ chấp, cực đoan. Dù trong tục ngữ, người dân Hàn vẫn chế giễu gấu là ngu ngốc, xấu xí...thì trong sâu thẳm tâm linh, khi giải đoán những giấc mơ, giấc mơ gấu lại được coi là cát mộng, gấu tượng trưng cho quyền lực, thành đạt và thần tài...Trong các bài đồng dao, hình ảnh gấu trở nên đáng yêu, chứ không phải là con vật dữ tợn khiến trẻ em khiếp sợ. Xét nguồn gốc của thần thoại kiến quốc - thường là do giai cấp thống trị muốn thần thánh hóa nguồn gốc xuất thân của mình và tính chất của tục ngữ - thường là kinh nghiệm được đúc kết từ nhiều thế kỉ của người dân lao động, hay truyền thuyết phản ánh quan niệm đạo đức xã hội có phân chia giai cấp, sự phức tạp trong thế giới tâm linh, trong tín ngưỡng dân gian...ta có thể lí giải được phần nào căn nguyên của những cách nhìn nhận, đánh giá khá khác biệt của các tầng lớp trong xã hội Hàn đối với gấu. Có thể thấy tính đa diện, phức tạp trong hình tượng gấu trong tâm thức người Hàn qua thần thoại, truyền thuyết, qua đồng dao và tục ngữ, giải đoán giấc mơ... Đây cũng chính là lí do hình tượng gấu trong đời sống văn hóa của dân tộc Hàn cần được tiếp tục nghiên cứu. Việc mở rộng phạm vi nghiên cứu hình

tượng gấu sang các câu chuyện cổ, tác phẩm văn học, truyện ngụ ngôn hay điều tra thực tế... là cần thiết và đó cũng là hướng nghiên cứu tiếp theo của chúng tôi về đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 김군태 외 (2000), 곰나루 전설의 변이와 의미, 설화와 역사, 집문당
2. 김군태·강현모 (1995), 부여의 구비설화 2, 보경문화사
3. 송재선 (1997) 동물속담 사전. 東文選.
4. 염 원 희(2011), 한국 곰 신화에 나타난 자연과 인간의 문제, 민속학연구 제29호, 29~47쪽
5. 이정재, (1997), 동북아의 곰문화와 곰신화, 민속원
6. 최래옥 (1982), 현지조사를 통한 백제설화의 연구, 동아시아 문화연구2, 한양대학교 동아시아문화연구소
7. 한국정신문화연구원 (1980-1988), 한국구비문학대계, 1-4, 123; 5-2, 781; 5-4, 36; 6-7, 395.

Trang web

<http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>
<http://namu.mirror.wiki>
<http://sayaka.tistory.com>
<http://news.khan.co.kr>
<http://raviandjune.tistory.com>
<http://genk.vn>
<https://vi.wikipedia.org>
<http://world.kbs.co.kr/vietnamese>
<https://ko.wikipedia.org>
<https://www.musixmatch.com>
<http://listenmusiclyric29.blogspot.com>
<http://www.boom4u.net>
<http://listenmusiclyric33.blogspot.com>
<http://www.contentshub.co.kr>
<http://folkency.nfm.go.kr>
<http://krdic.naver.com>

Bear image in Korean cultural life

The bear is considered goddess land, ancestor of the Korean in the Korean peninsula. It is possible to see the multifaceted, complexity of the Bear image in Korean minds through myths, legends, children's song and proverbs, dream interpretation.... The complexity of the bear image is not only reflected in the quality and personality but also in the symbolic image. Besides the good qualities such as courage, persistence, patience, optimism ... Bear also has many disadvantages such as slow, easy to get angry, be considered stupid, obstreperous, extreme. Even in the proverb, the Korean people are still

mocking the bears are stupid, ugly ... when interpreting dreams, dreaming about bear is considered fortune dream, bear images symbolize power, success and the mammon ... In the children's song, the bear image becomes lovely, not the fierce animal that makes children afraid. When considering the problem from the point of view of mythological anthropology, the nature of proverbs or legends ..., we can explain in part the origin of the differences in the Korean nation's assessment of bear image.

Key words: bear image, cultural life, the Korean people

KIẾN TRÚC KHU LĂNG MỘ VƯƠNG TRIỀU CHOSEON

Trần Mai Loan*

Lăng mộ Hoàng gia từ xưa đến nay luôn là đề tài thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Khi chọn nghiên cứu đề tài này, mục đích của tôi là tìm hiểu sâu hơn về Khu lăng mộ vương triều Choseon nói riêng và nền văn hoá Triều Tiên nói chung. Bài viết giới thiệu khái quát về những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng lăng mộ hoàng gia, cấu trúc của lăng mộ, giá trị văn hóa và mỹ thuật của khu lăng mộ vương triều Choseon. Các thông tin về Khu lăng mộ vương triều Choseon trong bài viết ngoài các nguồn tư liệu bằng tiếng Việt, phần lớn bằng tiếng Anh và tiếng Hàn trên một số sách, báo và Internet. Trong bài viết này, thuật ngữ Triều Tiên được sử dụng cho cả Hàn Quốc - (Nam Triều Tiên) và CHDCND Triều Tiên - (Bắc Triều Tiên).

Từ khóa: Lăng mộ, lăng mộ vương triều Choseon

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đã biết rằng mỗi dân tộc trên thế giới đều có nền văn hoá mang những đặc trưng riêng. Và nhờ những đặc trưng đó, ta có thể hiểu hơn về dân tộc đó, đất nước đó. Có người cho rằng việc nghiên cứu di sản văn hóa là vô cùng khô khan và không thực sự cần thiết đối với đời sống xã hội hiện nay. Nhưng thông qua việc nghiên cứu, chúng ta có thể hiểu thêm về quan điểm thẩm mỹ, nguyên tắc phong thủy, sự tôn vinh và tưởng nhớ tổ tiên của đất nước cũng như sự khẳng định quyền lực hoàng gia, bảo vệ linh hồn tổ tiên khỏi quỷ dữ và không cho phép bất kì ai phá hoại mà di tích lịch sử ấy có được. Lăng mộ Hoàng gia là một trong những di sản văn hóa đặc sắc của Hàn Quốc. Tuy nhiên, văn hóa của một quốc gia, nhất là một đất nước có lịch sử lâu đời trên Bán đảo Triều Tiên (Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên) là một đề tài vô cùng lớn. Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ xin đề cập đến Khu lăng mộ vương triều Choseon nổi bật trong di sản văn hóa thế giới của dân tộc Hàn (Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên).

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Giới thiệu chung về Lăng mộ vương triều Choseon

Khu lăng mộ vương triều Choseon là di tích đặc thù còn giữ lại được hình thái nguyên vẹn nhất trong số các lăng mộ hoàng gia hiện còn tồn tại ở Hàn Quốc. Mỗi lăng đều có sự hoàn thiện và toàn bộ lăng của vua và hoàng phi, những người đã trị vì vương triều của cả một triều đại đều được bảo tồn, khiến cho khu lăng mộ mang một giá trị to lớn hơn nữa.

Từ năm 1392 khi vương triều Kokuryo chấm dứt và vương triều Choseon được sinh ra cho đến năm 1910, một quãng thời gian dài 518 năm đã trôi qua. Một vương triều kéo dài hơn 500 năm trong lịch sử như thế là vô cùng hiếm thấy. Vương triều Choseon - vương triều mang lịch sử lâu đời như thế này có tất cả 27 đời vua và hoàng phi. Lăng mộ của những thành viên trong hoàng tộc này được gọi là Vương Lăng Choseon.

Dựa vào địa vị trong hoàng gia, mộ của những thành viên trong hoàng tộc được chia thành Lăng, Tẩm, Miếu. Lăng là nơi chôn cất vua và hoàng phi. Tẩm là nơi chôn cất hoàng tử, hoàng tử phi... Cuối cùng, miếu dành cho hoàng thân và công chúa, con của chính cung của vua, hoàng thân và công chúa con vợ lẽ của vua, và các quý nhân, hậu cung-vợ lẽ của vua. Hiện tại, còn 40 lăng, 13 tẩm và 64 miếu còn tồn tại nguyên vẹn ở ngoại ô Seoul (2 lăng có niên đại sớm của Hoàng hậu Sinui (chính thất của vua Taejo) và của vua Yeongjong nằm ở vùng Gaesong thuộc Bắc Triều Tiên).

3. Xây dựng Lăng mộ hoàng gia

3.1. Yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng Lăng mộ hoàng gia

Khi chọn địa điểm để xây dựng lăng mộ, vị trí thuận lợi cho phong thủy được chọn lựa rất thận trọng. Theo phong tục, thầy địa lí, người nắm rõ về phong thủy, sẽ chọn ra một vài nơi và sau cùng, vua sẽ chọn ra địa điểm có điều kiện tốt nhất. Nhiều địa điểm ở trong và ngoài thủ đô được chọn làm vị trí xây lăng đều là những địa điểm lí tưởng nhất, đáng giá trong hoàn cảnh mỗi thời đại. Không những thế, khi xây lăng, người ta đều cố gắng giữ nguyên vẹn điều kiện địa hình vốn có và thêm những đồ do con người làm ra càng ít càng tốt, trong phạm vi cho phép.

Khi xây dựng Vương lăng người ta dựa vào 5 yếu tố gió, nước, lửa, cây, đất để phòng tránh hỏa hoạn; phải có địa hình baesanimsu (lưng dựa núi, trước mặt có nước chảy). Thêm nữa, phần mộ chính phải nằm ở lưng núi, giữa nơi mà các dãy núi mở ra phía sau, và phải có các dãy núi bảo vệ 2 bên tả hữu gọi là thanh long và bạch hổ, có dãy núi ở đằng trước phần mộ chính thì mới được coi là vị trí tuyệt vời. Khi quyết định vị trí xây mộ phải đặt ở hướng nào, phải xây để nhìn về hướng nào, các yếu tố phong thủy cũng rất quan trọng. Vị trí xây dựng Vương lăng cho thấy sự quyền uy của lăng mộ hoàng gia nhưng vẫn tuân theo nghệ thuật xây dựng hài hòa với thiên nhiên (tôn trọng địa hình thiên nhiên).

Vì phải chọn lựa vị trí của lăng dựa trên rất nhiều yếu tố như thế này nên tốn rất nhiều thời gian. Hơn nữa việc tiến hành các thủ tục không chỉ để chọn ra một vị trí hợp phong thủy mà còn do phong thủy có thể gây ảnh hưởng đến chính trị.

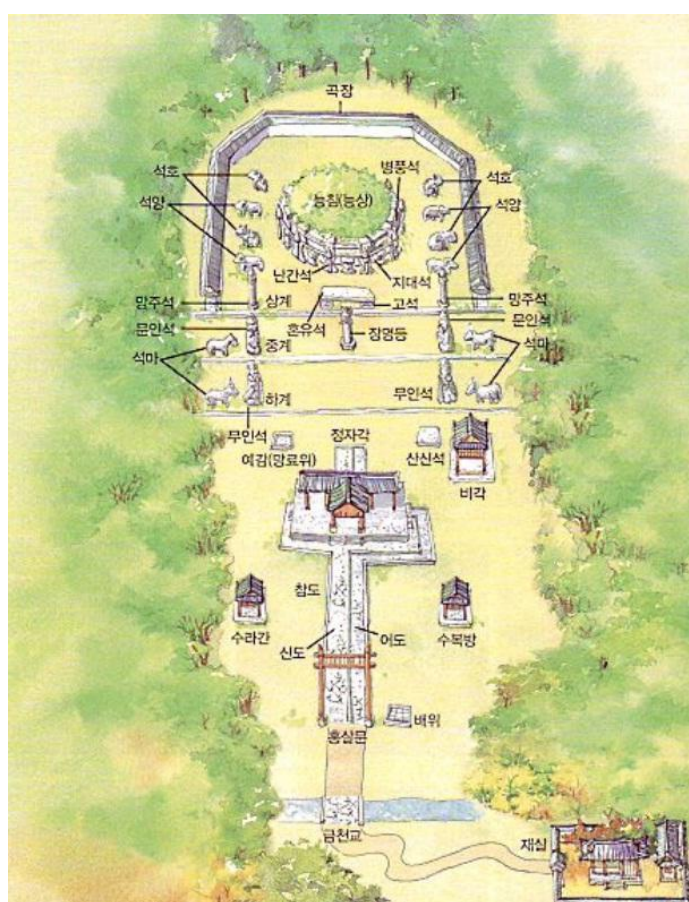
3.2. Cấu trúc không gian Lăng mộ vương triều Choseon

Bốn mươi ngôi mộ hoàng gia của triều đại Choseon đã được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới. Các ngôi mộ đều có hình dạng tương tự nhau, và các cấu trúc bằng đá và các tòa nhà cũng theo phong cách nhất định.

Lăng mộ hoàng gia là không gian làm nổi bật lên văn hóa của từng thời kì.

Trong số đó, lăng mộ hoàng gia vương triều Choseon là lăng mộ còn giữ lại được hình dáng hoàn chỉnh nhất ở Hàn Quốc. Bằng việc nhìn thấy tính chất không gian của lăng mộ này có thể hiểu được cách sống (cách sinh hoạt) của Hoàng gia.

Lăng mộ vương triều Choseon mang tiêu chuẩn độc đáo từ điều kiện thổ nhưỡng cho đến tính chất không gian lớn và nhỏ khác nhau.



Hình 1. Cấu trúc không gian

Dưới đây là bản giới thiệu các cấu trúc cơ bản và tên của ngôi mộ. Lăng mộ Hoàng gia được chia thành bốn phần: Không gian tiếp nhận, Không gian tế lễ, Không gian chuyển tiếp và Không gian mặt đất linh thiêng.

3.2.1. Không gian tiếp nhận

3.2.1.1. Geumcheongyo (금천교): Trước khi tiến vào cổng Hongsal mọi người đi qua cây cầu xây bằng đá, đó là Geumcheongyo. Geumcheon trong Geumcheongyo mang ý nghĩa dòng

suối cấm được đi qua. Cây cầu này mang ý nghĩa quan trọng trong lăng mộ Hoàng gia.

3.2.1.2. Hongسلمun (홍살문): Cổng có hai trụ cột trụ màu đỏ và không có mái. Khu vực qua cổng là một khu vực thiêng liêng, vì vậy du khách được yêu cầu cư xử

tôn trọng. Cổng gỗ sơn màu đỏ, bên trên ở trung tâm là hình tròn Thái cực, bên trong được chia thành ba phần đều nhau với màu đỏ, đen và vàng, trên hình tròn Thái cực tỏa ra 3 tia lửa. Bên cạnh hai bên của hình tròn Thái cực được đóng bằng những thanh gỗ dài 15-24 cm.



Hình 2. Hongسلمun

3.2.2. Không gian tế lễ

Đây là một không gian của trần thế và thánh vì đây là nơi các linh hồn của các vị vua và hoàng hậu gặp gỡ tín đồ của họ. Trong khi các nghi lễ tổ tiên tại hầu hết các ngôi mộ được thực hiện ở phía trước của các gò mộ, các nghi lễ tại ngôi mộ hoàng gia được tổ chức ở đây.

3.2.2.1. Baewi (배위): Bên cạnh cổng Hongسلمun là tấm đá hình chữ nhật. Đây là nơi vua và các quan chức quỳ xuống để tôn vinh và cầu nguyện cho vị vua được chôn cất trong ngôi mộ. Nó cũng được gọi Panwi (판위) hoặc Eobaeseok (어배석).



Hình 3. Baewi



Hình 4. Chamdo

3.2.2.2. Chamdo (참도): Những con đường đá bao phủ dẫn từ cổng Hongsal đến tòa nhà Đình Tự Các (Jeongjagak). Phần đường phía bên trái là hơi cao hơn được gọi là Sindo (신도), hoặc “Đường của các vị thần”, phần đường bên phải hơi thấp hơn được gọi là Eodo (어도), hoặc “Đường của nhà vua”.

3.2.2.3. Surabang (수라방): Tòa nhà này là nơi thức ăn cho nghi lễ cúng bái được

mang đến và chuẩn bị. Phòng nằm phía Tây Nam Đình Tự Các (Jeongjagak).

3.2.2.4. Subokbang (수복방):

Tòa nhà nằm ở bên trái Đình Tự Các (Jeongjagak), cụ thể đây là không gian phía trước hướng Đông Nam nơi người trông nom lăng mộ hoàng gia sống. Đối diện là phòng chuẩn bị thức ăn. Ngày nay chỉ còn lại 10 lẫm còn tồn tại căn nhà này.



Hình 5. Surabang (trái) và Subokbang (phải)

3.2.2.5. Jeongjagak (정자각): Nghi lễ cúng bái được tổ chức trong tòa nhà này. Tên của tòa nhà xuất phát từ hình dạng của nó, là ký tự Jeong ký tự Trung Quốc (丁). Vào

tòa nhà này bằng cầu thang bên phải (Phía Đông) và ra bằng cầu thang bên trái (phía Tây).



Hình 6. Jeongjagak

3.2.3. Không gian chuyển tiếp

Phần mặt đất linh thiêng của các gò mộ, tường, và các cấu trúc bằng đá. Khu vực thiêng liêng này là trung tâm của lăng mộ hoàng gia - bao gồm các gò mộ, tường và các cấu trúc bằng đá. Các khu vực thiêng liêng này được phân ra từ các khu vực trong các dịp lễ tổ tiên, và được xây dựng cao hơn rất nhiều để đảm bảo sự thần bí, quyền hành và sự trang trọng của khu vực mặt đất thiêng liêng.

3.2.3.1. Bigak (비각): Tượng đài bằng đá, trong đó có các tên của vua và hoàng hậu khắc ở mặt trước và một danh sách những thành tích của nhà vua được chạm khắc ở mặt sau. Nhà tưởng niệm nằm ở phía Đông của Đình Tự Các. Bia mộ của lăng vua được xây ở trong nhà tưởng niệm. Một bia mộ được xây trong nhà tưởng niệm là bình thường nhưng ở đây có cả bia mộ lăng Geonwon và bia Thần đạo. Bia Thần đạo được xây để ghi lại công lao của người đã mất. Bắt đầu từ

thời Goryeo đến thời vua SeJong Choseon được xây cất, sau đó việc xây dựng bia Thần đạo ở lăng vua bị cấm. Hiện tại chỉ còn lại bia Thần đạo của lăng Taejo Geonwonneung và lăng Taejong Heolleung.

3.2.3.2. Yegam (예감): Nơi này đã được sử dụng để ghi điều văn theo những nghi lễ cúng bái. Nó nằm phía sau Jeongjagak ở phía bên trái.

3.2.3.3. Sansinseok (산신석): Tất cả các yếu tố cấu thành của Lăng Vua bắt nguồn từ tư tưởng rất đa dạng. Không chỉ có tư tưởng địa lý phong thủy và tư tưởng đạo Khổng. Ta có thể đọc được ý nghĩa Phật giáo qua các hình mây và hoa súng v.v.. được chạm khắc trên bia mộ. Sansinseok là bia đá đặt trước mộ để cúng lễ tế bái thần núi.

3.2.3.4. Sojeondae (소전대): Đây là nơi thực hiện thủ tục cuối cùng của nghi lễ là lễ đốt điều văn.



Hình 7. Sojeondae

3.2.4. Không gian mặt đất linh thiêng

3.2.4.1. Muinseok (무인석): Đá chiến binh - Quan võ: Mộ vua chia làm 3 tầng: thượng, trung hạ. Phía dưới mộ vua là cặp chiến binh đá đứng, hai tay chắp trên chuôi kiếm chống thẳng xuống đất. Đa số khuôn mặt tượng đều lớn, thân hình lực lưỡng thể hiện được tính cách nguyên mẫu của quan quân.

3.2.4.2. Muninseok (문인석): Mộ vua chia làm 3 tầng: thượng, trung hạ. Ở tầng thứ hai là đôi tượng quan văn làm bằng đá được dựng ở phía bên trái và bên phải của đền lòng Jangmyeongdeung. Vì bầu không khí mang tính linh thiêng và trang nghiêm nên tượng được điêu khắc cao hơn so với chiều cao của người.



Hình 8. Tượng quan võ (trái) và tượng quan văn (phải)

3.2.4.3. Seokma (석마): Tượng ngựa làm bằng đá không tồn tại trong bất kỳ thời đại khác. Đây là yếu tố đặc trưng của ngôi mộ hoàng gia thời đại Choseon. Ngựa không mang dây cương, được đặt hoặc phía sau hoặc bên cạnh bức tượng của các học giả, chiến sĩ.

3.2.4.4. Jangmyeongdeung (장명등): Đèn lồng để an ủi và cầu nguyện cho linh hồn. Ban đầu đèn dầu được đặt ở phần thấp sáng của Jang Myeong Deung để làm sáng khu lăng mộ nhưng thời gian trôi đi dần trở thành vật biểu tượng. Jang Myeong Deung thấp sáng trước khu mộ để xua đuổi tà ma.



Hình 9. Jangmyeongdeung



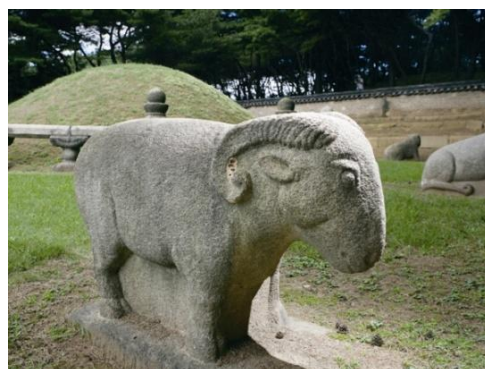
Hình 10. Mangjuseok

3.2.4.5. Mangjuseok (망주석): Cột đá Mang Ju Seok là vật trang trí bằng đá, được đặt ở cả phía bên trái và phải mặt trước của lăng mộ có hình dáng như một chân nến. Cột đá có chức năng cho biết khu vực cấm xâm phạm và nhờ có nó có thể dễ dàng phát hiện ra ngôi mộ từ đằng xa. Hình các con thú được chạm khắc trên cột đá này.

3.2.4.6. Honnyuseok (혼유석): Cái tên mang nghĩa là tấm đá để mời linh hồn ra chơi, tấm đá hình chữ nhật này được đặt ở ngay trước gò mộ. Phiến đá Honyuseok được nâng bởi 4-5 hòn đá có hình cầu phía dưới. Những hòn đá này có tác dụng bắt giữ các tà ma và phiến đá mang ý nghĩa nhốt giữ các tà ma đó.

3.2.4.7. Seogyang (석양) và Seokho (석호): Đại bộ phận diện tích quanh khu mộ Vương triều Choseon phía bên trái và bên phải đều có các linh vật là các con báo và con cừu đá và được bày trí thành 4 đôi. Những con linh vật này có từ thời kì đầu Koryo được lập nên. Tượng linh vật có trách nhiệm bảo vệ và tạo ranh giới cấm sự xâm nhập từ bên ngoài vào lăng mộ. Tuy là biểu tượng cho sự bảo vệ nhưng vị trí đặt tượng ở các ngôi mộ là hoàn toàn khác nhau.

Seogyang (석양) là con cừu làm bằng đá dùng để cầu nguyện cho sự yên nghỉ của linh hồn và chống đỡ các linh hồn quỷ dữ từ trái đất. Seokho (석호) là vị thần giám hộ làm bằng đá có hình dạng con hổ dùng để bảo vệ Bongbun. Mặt tượng hướng ra ngoài.



Hình 11. Seokho (trái) và Seogyang (phải)

3.2.4.8. Goktam (곡담): Bức tường ở 3 phía bao quanh gò mộ để bảo vệ cho vùng đất thiêng

3.2.4.9. Byeongpungseok (병풍석): Bức tường đá dùng để bảo vệ cho phần phía

dưới và xung quanh của Bongbun.

3.2.4.10. Nanganseok (난간석): Hàng rào làm bằng đá bên ngoài Byeongpungseok để bảo vệ cho Bongbun.



Hình 12. Byeongpungseok (bức tường đá bên trong) và Nanganseok (hàng rào bên ngoài)

3.2.4.11. Bongbun (봉분): Đây là nơi chôn cất của vua hoặc hoàng hậu. Nó cũng được gọi là Neungchim (능침) hoặc

Neungsang (능상). Có hình dạng vương miện, cao tầm 6m, có hình dạng khác nhau và thay đổi theo thời gian.



Hình 13. Bongbun

4. Giá trị văn hóa và giá trị mỹ thuật của Lăng mộ vương triều Choseon

4.1. Giá trị văn hóa

Vương lăng Choseon không chỉ tồn tại như là một di tích mà nó còn mang nhiều giá trị văn hóa đa dạng. Tang lễ và nghi lễ thờ cúng của hoàng thất không chỉ được tiến hành theo các nghi thức hoàn chỉnh và trang nghiêm mà các Uimul (bao gồm cả ý nghĩa và trình tự các nghi thức) không ngừng mang đến các câu chuyện giúp cho việc nghiên cứu về văn hóa và tư tưởng lúc bấy giờ. Không những thế, trình tự tất cả nghi lễ, bao gồm cả trình tự xây dựng Vương lăng đều được ghi chép cẩn thận, tỉ mỉ để truyền cho hậu thế; bản thân chúng cũng đã mang giá trị văn hóa rất lớn. Chúng ta có thể tìm hiểu về cuộc sống và cái chết của những vị vua, thủ tục tang lễ, việc xây dựng Vương lăng và tiếp cận gần hơn với tinh thần và văn hóa hoàng thất triều đại Choseon.

4.1.1. Nghi lễ cúng bái

Nghi lễ cúng bái Sanreung là một nghi thức cúng bái vua và hoàng phi các thế hệ của vương triều Choseon. Nó không phải là nghi thức Jongmyo mà là nghi lễ được tiến hành trực tiếp ở lăng. Theo Gukjoohryeui (국조오례의), nghi lễ này được diễn ra ở Vương lăng, là nghi lễ định kì, được tiến hành vào sasi (사시) (4 mùa), napil (납일) (ngày thứ 3 sau Đông chí), sokjeol (속절) (tế lễ theo các mùa trong năm), sakmang (삭망) (ngày đầu tháng và ngày rằm hàng tháng), được quy định rõ ràng, tỉ mỉ về việc do vua đích thân tiến hành. Sasi chỉ 4 mùa xuân, hạ, thu, đông, và 10 ngày đầu những tháng 1,4,7,10. Napil là chỉ dịp cuối năm, thường là khi đông chí qua đi. Sokjeol chỉ những tiết

được giữ gìn theo phong tục như Hàn thực, trung thu...

4.1.2. Nghi thức trang trọng diễn ra theo một trình tự đã quy định sẵn

Để đúng với ngày nghi lễ thì trước đó một ngày mọi thứ phải được chuẩn bị; trong ngày diễn ra nghi lễ, phải chuẩn bị thức ăn và rượu, hương để đốt và đoạn văn chukmun (축문) (đoạn văn được đọc trong khi tế lễ, thông báo với trời đất); sau đó cử hành nghi lễ thắp hương, dâng rượu và cúi lạy. Các nghi thức phải trang nghiêm và tuân theo một khuôn mẫu đã được định sẵn. Đọc chukmun là một lần nữa bày tỏ sự tôn vinh đối với công ơn của người đã mất, dâng rượu và đốt hương là biểu hiện sự kính trọng hết lòng đối với người đã mất. Tất cả đều được tiến hành bằng cả tấm lòng.

4.1.3. Nghi lễ Sanreung, Kí ức và sự kính trọng đối với người đã khuất

Nghi lễ cúng bái của vương triều Choseon là nghi lễ đã ăn sâu vào trong mỗi con người, từ hoàng gia cho đến thương dân, cho đến tận bây giờ. Nó là nghi thức để cho con người biết rằng sự tồn tại của bản thân mỗi người không phải là sự tồn tại đơn độc mà nó là cuộc sống được thừa kế từ tổ tiên. Trong đó, nghi lễ của Vương lăng không phải chỉ nói về sự tồn tại của riêng mỗi vị vua mà còn là di sản được tiếp nối từ rất những vị vua thế hệ trước.

4.1.4. Buổi tế lễ kỉ niệm 600 năm của lăng mộ hoàng gia Choseon

Cuối cùng xin đề cập đến buổi tế lễ kỉ niệm 600 năm của lăng mộ hoàng gia. Khi triều đại Choseon hoàn toàn sụp đổ năm 1910, các buổi tế lễ của hoàng gia gặp rất nhiều khó khăn để có thể tiếp tục tổ chức. Thế nhưng ngày nay các buổi tế lễ ở

Jongmyo và các buổi tế lễ hoàng gia khác vẫn được diễn ra cho đến tận bây giờ và đã tôn vinh truyền thống văn hóa của thời đại Choseon.

4.2. Giá trị mỹ thuật

Các giá trị mang tính phổ biến này cũng như các giá trị đặc biệt trong các Lăng mộ Vương triều Choseon không thể kéo dài mãi được. Hơn tất cả, có thể tìm thấy các giá trị đặc biệt này thông qua những biểu hiện mang tính nghệ thuật của các vật trang trí bằng đá hoặc các hình thái mang tính tổng quan tại các lăng mộ hoàng gia vương triều Choseon. Nếu so với các lăng mộ của Nhật Bản hoặc Trung Quốc thì phương pháp xây các gò chôn cất của lăng mộ Vương triều Choseon hay việc sắp xếp rất nhiều vị trí các vật trang trí bằng đá đã tạo nên những yếu tố độc đáo không thể nhìn thấy tại các quốc gia lân cận. Đặc biệt tạo hình của các bức tượng đá hay các hàng rào bằng đá đã đem lại cảnh trí độc nhất mang giá trị tạo hình cho lăng mộ Vương triều Choseon. Thêm vào đó sau phía sau cổng Hongsal, theo đường dẫn vào là hình thái kiến trúc hài hòa với thế giới tạo hình độc đáo và nghiêm trang chỉ có thể trải nghiệm tại lăng mộ Vương triều Choseon.

Kết luận

Lăng mộ hoàng gia thời Choseon đã thỏa mãn 3 tiêu chuẩn sau trong số 10 tiêu chuẩn mang giá trị phổ biến được quyết định trong hiệp ước di sản thế giới UNESCO.

Thứ nhất, nó phải trở thành một bằng chứng xuất sắc và độc đáo về nền văn minh đã mất hoặc tái hiện lại truyền thống văn hóa (theo tiêu chuẩn thứ 3). Liên quan đến điều này, ta có thể thấy nền văn hóa tang lễ độc đáo cùng với những lăng mộ Hoàng gia mang đậm chất văn hóa Nho

học thể hiện rõ nét thế giới quan, quan điểm tôn giáo cùng với quan điểm thiên nhiên của thời đại Choseon.

Thứ hai, nó phải là những yếu tố độc đáo về cảnh quan hay tổng thể kỹ thuật hoặc kiến trúc, loại hình kiến trúc cho thấy được những bước lịch sử quan trọng của nhân loại (theo tiêu chuẩn số 4). Liên quan về vấn đề này, lăng mộ vương triều Choseon được xây dựng và bảo tồn hơn 500 năm bởi các nhà chính trị gia và tư tưởng thời đại thời Choseon. Tòa nhà nghệ thuật với cấu trúc đặc biệt làm nổi bật lên tính sáng tạo trong nghệ thuật trang trí bằng đá (sokmul) và kiến trúc sáng tạo không gian.

Thứ ba, theo tiêu chuẩn số 6, nó phải có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với tác phẩm mang tính văn hóa, nghệ thuật, tâm linh, tư tưởng, truyền thống còn tồn tại. Liên quan về điều này, các nghi lễ tôn giáo quốc gia được nối tiếp định kỳ, xây dựng lăng mộ là không gian để thực hiện nghi lễ tôn giáo và thờ cúng bài vị của Vua và truyền thống thờ cúng tổ tiên đang được tiếp nối.

TAI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Amadou Mahtar M'Bow. Vì công cuộc bảo vệ, giữ gìn, tu sửa và tôn tạo di sản văn hóa của thành phố Huế, UNESCO Press, 1981.
2. Phan Thanh Hải, Lăng mộ Vương triều Joseon (Triều Tiên) và lăng mộ Hoàng gia thời Nguyễn tại Huế (Việt Nam), tạp chí nghiên cứu và pt số 4(81).2010 và số 5(82).2010

Tiếng Anh

3. Kim Sun-tae, Royal Tombs of the Choseon Dynasty, Legacies of Elegance. National Research Institute of Cultural Heritage of Korean, 2007.

Tiếng Hàn

4. 이우상 글 - 최진연 사진, 조선왕릉 잠들지 못하는 역사 (1 & 2), 다함미디어, 2009.

Trang web

[http:// www.antiquealive.com/ Korea_Tour /World_Heritage_Site / Royal Tombs Of The_Joseon_Dynasty. html](http://www.antiquealive.com/Korea_Tour/World_Heritage_Site/Royal_Tombs_Of_The_Joseon_Dynasty.html)
[http:// www.royaltombs.cha.go.kr/](http://www.royaltombs.cha.go.kr/)

**ROYAL TOMBS' ARCHITECTURE
OF THE CHOSEON DYNASTY**

Royal Tombs have always been the subject of much interest to researchers. Choosing this research topic, my goal is to help people better understand about Royal Tombs of the Choseon dynasty in particular and Korean culture in general. Through this scientific research, I would like to introduce an overview of factors affecting the construction of the royal tomb, the structure of Royal Tombs, the cultural and artistic value of Royal Tombs of the Choseon dynasty, and the analysis

of the Choseon Royal Tombs fulfilled the following three criteria out of the ten selection criteria universally accepted norms defined in the UNESCO World Heritage Treaty. Information about the tomb of the Choseon dynasty in this article, in addition to Vietnamese sources, is largely translated into English and Korean on some books, newspapers and the Internet. Through this scientific study, I hope to provide readers with some insight into the area of the Choseon dynasty's tombs. In this scientific study, the Korean term is used for both the Republic of Korea (South Korea) and Democratic People's Republic of Korea (North Korea).

Key words: Scientific research; tomb, tombs of Choseon dynasty

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN VŨ KHÍ HẠT NHÂN CỦA CHDCND TRIỀU TIÊN

*Lưu Hà Linh**

Trong nhiều thập kỷ trở lại đây, mối quan hệ giữa Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên luôn là một trong những tâm điểm gây sự chú ý của dư luận thế giới. Vấn đề hạt nhân trên Bán đảo này luôn là mối đe dọa tiềm tàng với an ninh khu vực nói riêng và an ninh thế giới nói chung. Do đó, cộng đồng quốc tế và các nước có liên quan như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Nga đã nỗ lực đưa vấn đề này lên bàn đàm phán nhằm tìm hướng giải quyết triệt để, đồng thời tìm một hướng đi cho CHDCND Triều Tiên song vẫn chưa đạt được nhiều kết quả khả quan. Vậy, tại sao CHDCND Triều Tiên lại ưu tiên phát triển vũ khí hạt nhân? Nguyên nhân của vấn đề này có thể được nhận định khái quát như sau: i) Bài toán hạt nhân là biện pháp tự vệ duy nhất của Triều Tiên trước sự đe dọa của các thế lực thù địch, điển hình là Mỹ; ii) Do sự thiếu tin tưởng lẫn nhau giữa các bên trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân ở Bán đảo Triều Tiên; iii) Mâu thuẫn về lợi ích tích tụ lâu dài làm tăng sự đối kháng giữa Mỹ, đồng minh của Mỹ và CHDCND Triều Tiên.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sẽ tập trung phân tích làm rõ hơn 3 nguyên nhân nêu trên.

Từ khóa: Bán đảo Triều Tiên, Vũ khí hạt nhân

1. Bài toán hạt nhân là biện pháp tự vệ duy nhất của Triều Tiên trước sự đe dọa của các thế lực thù địch, điển hình là Mỹ

Sau Chiến tranh thế giới II, Bán đảo Triều Tiên bị chia cắt, miền Bắc chịu ảnh hưởng của Liên Xô, còn miền Nam do Mỹ chi phối. Sau chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), một lần nữa, hai miền Nam Bắc Triều Tiên lại bị chia đôi ở vĩ tuyến 38. Trong khi Hàn Quốc được Mỹ hậu thuẫn, chủ trương đưa đất nước phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa thì CHDCND Triều Tiên lại đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với sự hỗ trợ của Liên Xô. Tuy nhiên, sự xuất hiện của 45.000 quân Mỹ với trang bị vũ khí hiện đại cùng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Hàn Quốc và các nước đồng minh xung quanh, với toan tính xóa bỏ chế độ miền Bắc đã khiến Bình Nhưỡng quan ngại về một cuộc chiến tranh có thể xảy ra. Do đó, phát triển chương trình hạt nhân trước hết là để tự vệ chính là ưu tiên hàng đầu của CHDCND Triều Tiên.

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Mỹ không chỉ áp dụng lệnh cấm vận kinh tế song phương với CHDCND Triều Tiên mà còn gây sức ép với cộng đồng quốc tế trong việc áp dụng các lệnh trừng phạt, cấm vận đa phương đối với nước này. Mỹ muốn cô lập Bình Nhưỡng bởi năm nguyên nhân sau:

1) CHDCND Triều Tiên được coi là mối đe dọa an ninh quốc gia Mỹ;

2) CHDCND Triều Tiên nằm trong danh sách các quốc gia tài trợ chủ nghĩa khủng bố quốc tế do Bộ ngoại giao Mỹ công bố vào năm 1988;

3) CHDCND Triều Tiên là một nước theo chế độ XHCN hà khắc;

4) CHDCND Triều Tiên bị cáo buộc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

5) CHDCND Triều Tiên không từ bỏ việc theo đuổi chương trình hạt nhân.

Đặc biệt là sau sự kiện ngày 11/9/2001, Mỹ đã thay đổi chiến lược toàn cầu nói chung và chính sách đối với CHDCND Triều Tiên nói riêng. Chính quyền Tổng thống Bush coi việc ngăn chặn phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là một trong những trụ cột của chính sách đối ngoại thời kỳ này. Vụ tấn công đã thúc đẩy Mỹ điều chỉnh lại chính sách đối ngoại đối với CHDCND Triều Tiên theo hướng cứng rắn hơn: đưa vấn đề Triều Tiên vào nội dung của "cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu". Chính quyền Bush cho rằng, việc CHDCND Triều Tiên giao nhiên liệu hạt nhân hoặc công nghệ hạt nhân cho các nước khác còn nguy hiểm hơn là việc sở hữu nó. Bởi vì, một khi vũ khí hạt nhân rơi vào tay các tổ chức khủng bố hoặc các quốc gia thù địch với Mỹ thì sẽ đe dọa nghiêm trọng đến an ninh nước Mỹ. Đỉnh điểm của việc bày tỏ lập trường cứng rắn trong chính sách của Mỹ với

CHDCND Triều Tiên chính là việc tổng thống Bush đã liệt kê CHDCND Triều Tiên vào liên minh "trục ma quỷ" (axis of evil) cùng với Iran và Iraq trong Thông điệp Liên bang phát biểu trước Quốc hội vào tháng 1/2001.¹

Trước những lập luận cáo buộc và quan điểm cứng rắn của Mỹ, CHDCND Triều Tiên càng kiên quyết duy trì phát triển chương trình hạt nhân như một biện pháp tự vệ, đồng thời tiến hành hàng loạt các vụ thử tên lửa tại vùng biển Nhật Bản và Hàn Quốc để thị uy sức mạnh quân sự của mình.

2. Sự thiếu tin tưởng lẫn nhau giữa các bên trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân ở Bán đảo Triều Tiên

Trước tình hình phổ biến vũ khí hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên và nguy cơ có thể diễn ra cuộc chiến giữa Mỹ và CHDCND Triều Tiên, cộng đồng quốc tế và các nước liên quan bao gồm: Mỹ, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc và Hàn Quốc đã nỗ lực để đưa vấn đề này lên bàn đàm phán, thương lượng nhằm tìm kiếm giải pháp thỏa đáng nhằm giải trừ hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên. Từ tháng 8 năm 2003 đến nay, sáu vòng đàm phán về vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên đã được các bên liên quan tiến hành.

Nỗ lực của Mỹ và cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên được ghi nhận bằng sự kiện ký kết thành công Hiệp định khung năm 1994. Tuy nhiên, Mỹ đã không chỉ ngừng việc cung cấp 50 vạn tấn dầu diesel mà còn chậm trễ trong việc xây dựng lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ ở CHDCND

¹ Nóng bỏng bán đảo Triều Tiên, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2004, tr. 84

Triều Tiên theo như cam kết.² Sau khủng hoảng hạt nhân năm 1998, Mỹ càng công khai cảnh giác với vũ khí hạt nhân của Bình Nhưỡng. Đồng thời, do lo ngại Bình Nhưỡng có thể lợi dụng lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ để luyện nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân, Mỹ đã thay đổi việc trợ giúp Bình Nhưỡng xây dựng lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ thành nhà máy nhiệt điện. Những tính toán và việc thực hiện thiếu nghiêm túc Hiệp định khung của Mỹ đã khiến cho Bình Nhưỡng vô cùng bức xúc. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Triều Tiên bí mật khôi phục chương trình hạt nhân sau đó.

Ngoài ra, sau khi Hiệp định khung và đàm phán 6 bên đạt được một số thỏa thuận, Mỹ vẫn không xóa bỏ lệnh cấm vận đối với CHDCND Triều Tiên, khiến cho quan hệ giữa hai nước càng trở nên căng thẳng. Về phía mình, CHDCND Triều Tiên cũng không tuân thủ các cam kết và các điều khoản khác của Hiệp định khung cũng như đàm phán sáu bên. Có thể nói, việc không thực thi đúng các điều khoản của các thỏa thuận đã ký kết là nguyên nhân tiềm ẩn khiến cuộc khủng hoảng hạt nhân vẫn chưa được giải quyết.

3. Mâu thuẫn về lợi ích tích tụ lâu dài làm tăng sự đối kháng giữa Mỹ, đồng minh của Mỹ và CHDCND Triều Tiên

Qua diễn biến của các cuộc khủng hoảng hạt nhân, có thể nhận thấy rằng con bài hạt nhân chính là phương tiện hữu hiệu để CHDCND Triều Tiên điều chỉnh quan hệ với Mỹ và các nước đồng minh. Con bài hạt nhân cũng là điều kiện trao đổi để Bình Nhưỡng đạt được những lợi ích về kinh tế trong quan hệ với những nước này. Trên

thực tế, Bình Nhưỡng đang phải chịu rất nhiều áp lực về cải cách nền kinh tế trong nước và mở cửa thị trường ra bên ngoài, hội nhập với môi trường quốc tế. Bài toán hạt nhân chính là biện pháp để quốc gia này vừa nhận được những lợi ích về kinh tế để từng bước cải cách kinh tế, cải thiện quan hệ với Mỹ và các nước đồng minh mà vẫn duy trì được chế độ xã hội của mình. Hơn nữa, trong tình hình diễn biến phức tạp và khó lường của an ninh thế giới hiện nay thì nhu cầu tự bảo vệ mình trước những thế lực thù địch càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Điều này đòi hỏi mỗi quốc gia phải tự trang bị những vũ khí tối tân và hiện đại nhất, trong đó vũ khí hạt nhân có thể được coi là con bài chiến lược để đảm bảo an ninh quốc gia. Vì vậy, rất nhiều quốc gia trên thế giới tìm mọi cách để phát triển công nghệ và sản xuất vũ khí hạt nhân, CHDCND Triều Tiên tất nhiên cũng không phải là ngoại lệ. Đây cũng chính là lý do CHDCND Triều Tiên chấp nhận sự trừng phạt, cô lập của cộng đồng thế giới và kiên quyết không từ bỏ việc phát triển vũ khí hạt nhân của mình.

Về phía Mỹ, vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên là cái cớ chính đáng để Mỹ có thể can dự vào khu vực có vị trí chiến lược trong khu vực này. Mỹ muốn tăng cường sự hiện diện của mình không chỉ ở Bán đảo Triều Tiên mà cả ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương để phối hợp với Hàn Quốc và Nhật Bản nhằm đối trọng với hai đối thủ tiềm tàng, đe dọa lợi ích lâu dài của Mỹ là Trung Quốc và Nga³. Tính toán chiến lược của hai bên

² Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 3 (85) 3 - 2008, tr. 31.

³ Văn Khoa (2014), Tranh cãi kịch bản tấn công hạt nhân Triều Tiên
<http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/tranh-cai-kich-ban-tan-cong-hat-nhan-trieu-tien-505238.html>

càng khiến cho vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên trở nên phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố diễn biến khó lường, đe dọa đến an ninh khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, không thể phủ nhận rằng do vị trí chiến lược của mình, Bán đảo Triều Tiên luôn nằm trong toan tính lợi ích của các nước lớn. Do đó, việc giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo này không đơn thuần là bài toán của hai nước Mỹ và CHDCND Triều Tiên mà còn chi phối bởi ý đồ và lợi ích của các nước xung quanh như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản và Nga. Điều này khiến cho tình hình an ninh trên Bán đảo Triều Tiên luôn là một thách thức đối với an ninh khu vực và thế giới.

Quan điểm của Trung Quốc: Tình hình bất ổn trên Bán đảo Triều Tiên sẽ trực tiếp đe dọa tình hình an ninh khu vực Đông Bắc Á và ảnh hưởng đến sự hoà bình, ổn định và kinh tế của vùng Đông Bắc Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc CHDCND Triều Tiên tiếp tục duy trì phát triển vũ khí hạt nhân rất có thể sẽ dẫn đến một cuộc chạy đua và phổ biến vũ khí hạt nhân giữa các nước và vùng lãnh thổ láng giềng như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan...đẩy Trung Quốc vào thế bất lợi. Do đó, lập trường của Trung Quốc là không tán thành việc CHDCND Triều Tiên phát triển vũ khí hạt nhân, đồng thời cũng không đồng ý để Mỹ và các nước đồng minh đe dọa vũ trang đối với CHDCND Triều Tiên.

Quan điểm của Nga: là đất nước láng giềng phía Bắc CHDCND Triều Tiên, tình hình bất ổn trên Bán đảo này không thể không tác động trực tiếp đến CHLB Nga. Cũng như Trung Quốc, Nga cũng lo ngại sẽ nổ ra một cuộc chạy đua và phổ biến vũ khí hạt nhân, đe dọa an

ninh khu vực, gây mất cân bằng sức mạnh quân sự và ảnh hưởng đến lợi ích quân sự của Nga. Vì vậy, lập trường của Nga cũng là ủng hộ phi hạt nhân hoá trên Bán đảo Triều Tiên thông qua đàm phán

Quan điểm của Nhật Bản: Nhật Bản là đất nước láng giềng phía Đông cách Bán đảo Triều Tiên một vùng biển, đồng thời là đồng minh quan trọng của Mỹ trong khu vực Đông Bắc Á. Những bất ổn của tình hình Bán đảo Triều Tiên sẽ tác động xấu đến an ninh, ổn định kinh tế của đất nước này. Do đó, Nhật Bản ủng hộ cơ chế đàm phán đa phương nhằm đưa những bất đồng giữa Nhật Bản và CHDCND Triều Tiên vào thương lượng.

Quan điểm của Hàn Quốc: Với Hàn Quốc, vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên là vấn đề ngoại giao nan giải nhất kể từ sau Chiến tranh Liên Triều (1950-1953). Hàn Quốc lo ngại chính sách quá cứng rắn của Mỹ có thể làm CHDCND Triều Tiên suy sụp kinh tế dẫn tới chiến tranh, đe dọa đến tình hình hoà bình và ổn định chung trên Bán đảo Triều Tiên đồng thời ảnh hưởng đến mục tiêu tái thống nhất đất nước mà cả hai miền Nam - Bắc Hàn đều theo đuổi. Hơn ai hết, Hàn Quốc muốn Mỹ và CHDCND Triều Tiên giải quyết vấn đề phi hạt nhân hoá bằng biện pháp hoà bình, để quá trình tái thống nhất đất nước được diễn ra suôn sẻ

Kết luận

Hiện nay, xu thế chung của tình hình thế giới và khu vực là hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nguy cơ an ninh phi truyền thống, bất ổn cục bộ gia tăng ở các khu vực ở Trung Đông, Châu Phi, vấn đề tranh chấp chủ quyền biên đảo ở Châu Á, những căng thẳng xung quanh vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên. Việc giải quyết vấn đề hạt

nhân trên Bán đảo Triều Tiên, tiến hành phi hạt nhân hóa để tiến tới thống nhất hai miền, xây dựng một Bán đảo Triều Tiên hòa bình, thịnh vượng không chỉ là mong muốn của nhân dân hai miền mà còn là nguyện vọng của cộng đồng quốc tế. Chúng ta cùng hy vọng trong một tương lai không xa sẽ được chứng kiến Bán đảo Triều Tiên hòa bình, thống nhất, ổn định, góp phần và sự ổn định và thịnh vượng chung của khu vực và trên toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, trên cơ sở có quan hệ tốt với Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên và các nước có liên quan đến Bán đảo Triều Tiên, mặc dù có những lúc rơi vào thế khó xử nhưng chúng ta đã làm tốt việc điều hòa quan hệ với hai miền, xử lý tốt mỗi khi có vấn đề phát sinh, được các bên đánh giá cao, đồng thời thể hiện được là một thành viên có trách nhiệm, công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, chúng ta cần có những dự đoán về diễn biến tình hình Bán đảo Triều Tiên trong tương lai để phục vụ cho quá trình hoạch định chính sách, chiến lược phát triển quốc gia trong thời gian tới. Việt Nam luôn ủng hộ hết mình cho công cuộc thống nhất Bán đảo Triều Tiên, vì một nền hòa bình, ổn định chung của khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nóng bỏng Bán đảo Triều Tiên, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2004, tr.84
2. Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 3 (85) 3 - 2008, tr.31.
3. Văn Khoa (2014), Tranh cãi kịch bản tấn công hạt nhân Triều Tiên
<http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/tranh-cai-kich-ban-tan-cong-hat-nhan-trieu-tien-505238.html>

4. Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu tham khảo đặc biệt, 08/10/2013
5. Viện Nghiên cứu Thống nhất Hàn Quốc (1997), Kinh tế Bắc Hàn và triển vọng thống nhất Bán đảo Hàn 민족 통일 연구원(1997), "북한 경제와 한반도 통일"
6. Viện Nghiên cứu Thống nhất Hàn Quốc (2011), Quan hệ Nam - Bắc Hàn theo thời gian từ 1948 - 2011. 한국통일연구원 (2011), "남북 관계 연표1948 - 2011"

Research on reasons why North Korea keep developing Nuclear weapon

Recently, the relationship between South Korea and North Korea is still in war situation, with the conflicts, tensions always standing in this peninsula. Be considered as a strategic position on the "geopolitical chessboard" of Northeast Asia area, the Korean peninsula has always attracted the attention and involvement of major powers such as Russia, Japan, China, and especially The United States (US). So, the aim of this article is finding out reasons why North Korea keeps developing Nuclear weapons. There are 3 main ideas for this questions: i) Nuclear weapon is the only defending solution of North Korea underthreat of hostileforces, the USA in particular; ii) There has been a lack of trust among members when it comes to the combat of nuclear issue in North Korea; iii) The conflict about sustainable benefits augments the contradiction among the USA, American allies and North Korea.

Keywords: Korean Peninsula, the nuclear weapon

VÌ SAO HÀN QUỐC THAM CHIẾN TRONG CHIẾN TRANH DO MỸ GÂY RA Ở VIỆT NAM

Huỳnh Kim Ngân*

Đương thời, với tư cách là một quốc gia đồng minh thân cận của Mỹ và gần như được Mỹ chi viện về mọi mặt, Hàn Quốc không tránh khỏi và không thể tự kiểm soát sức ảnh hưởng của Mỹ đối với mình, kể cả trong vấn đề tham chiến ở Việt Nam. Mặt khác, trong khi đối phó với tình hình bảo an, kinh tế trong nước khá rối rắm, Hàn Quốc vẫn e sợ nguy cơ nam tiến lần hai từ Triều Tiên trong trường hợp cuộc chiến tranh ở Việt Nam sẽ kết thúc với phần thắng nghiêng về phe cộng sản. So với nguồn lợi được hỗ trợ khổng lồ từ Mỹ thì quyền lựa chọn, quyết định của Hàn Quốc trong vấn đề chiến tranh ở Việt Nam gần như không đáng kể.

Từ khóa: Hàn Quốc, quân đội Hàn Quốc, chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam, tham chiến

1. Dẫn nhập

Ngày 22 tháng 12 năm 1992, Việt Nam và Hàn Quốc cùng hân hoan chính thức bắt tay xây dựng một mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp mới. Kể từ đó, một phần tư thế kỷ đã trôi qua, cả hai nước đều vui mừng vì mối quan hệ này ngày càng bền chặt, hiệu quả và hữu nghị. Minh chứng rõ nhất cho kết quả tốt đẹp này đó là hiện tại

Hàn Quốc đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam (1). Ngoài ra, theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp Hàn Quốc cho biết số lượng du học sinh nước ngoài tại Hàn Quốc tính đến cuối tháng 2/2016, trong tổng số du học sinh tại Hàn Quốc thì du học sinh Việt Nam là 8.293 người, chiếm 7,8% và chỉ xếp sau Trung Quốc (2). Quả thật, rất ít quốc gia có thể đạt mức độ hợp tác như Việt Nam và Hàn Quốc có được trong thời gian 25 năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng kinh ngạc mà cả hai quốc gia cùng xây dựng và gặt hái được thì cũng còn tồn tại những góc khuất nhạy cảm liên quan đến một phần lịch sử đau thương nhiều mất mát của Việt Nam, và cũng có thể của cả Hàn Quốc mà cả hai đều đang tránh nhắc đến. Không ít lần quan hệ giữa hai nước bỗng chốc trở nên nhạy cảm khi diễn ra các sự kiện bên lề liên quan đến vấn đề này. Gần đây nhất là lời phát biểu nhạy cảm của tân tổng thống Hàn Quốc Mun Jae-in tại nghĩa trang tưởng niệm quốc gia ở Seoul vào ngày 6 tháng 6 năm ngoái.

Từ thực tế đó, người viết mong muốn trình bày một số nghiên cứu, đánh giá của bản thân về vấn đề động cơ tham chiến của Hàn Quốc trong chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam. Có phải họ tham chiến chỉ vì được Mỹ trả rất nhiều tiền như người Việt Nam mình vẫn đang nhận thức

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

họ là “tay sai” hay “lính đánh thuê” của Mỹ hay không? Hy vọng bài viết này sẽ mang đến một hướng đi lạc quan hơn cho các nhà nghiên cứu về Chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam, cũng như về quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc, từ đó sẽ thúc đẩy được mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc bước sang một trang mới, cởi mở hơn, thân thiện hơn.

2. Tình hình Hàn Quốc sau chiến tranh liên Triều năm 1950 - 1953 (3)

Sau khi Hiệp định đình chiến được ký kết vào tháng 7 năm 1953, Hàn Quốc rơi vào tình cảnh nghìn cân treo sợi tóc. Một mặt ở phương Bắc, Triều Tiên liên tục thực hiện hàng loạt quá trình củng cố, hiện đại hóa quân sự nhằm tăng áp lực cho chính quyền tổng thống Lee Seung-man. Mặt khác, vào tháng 7 năm 1961, Trung Quốc và Liên Xô ký kết điều ước hợp tác hữu nghị giữa hai nước, góp phần xây dựng nên khối đồng minh Liên Xô - Trung Quốc - Triều Tiên vững chắc, bao vây và uy hiếp chính quyền tư bản Lee Seung-man non trẻ mới được thành lập trong sự bao bọc của Mỹ.

Trong khi đó sau Hiệp định đình chiến, chính quyền tổng thống Lee Seung-man đã ký Điều ước phòng vệ tương hỗ với Mỹ vào tháng 10 năm 1953 để thiết lập rào chắn bảo vệ an ninh, sinh tồn của quốc gia. Tuy nhiên việc tái thiết quân sự và đạt được sự tự chủ dường như nằm ngoài tầm tay của Hàn Quốc vì tất cả mọi việc đều phụ thuộc vào sự viện trợ của Mỹ.

Đặc biệt vào năm 1957 khi nguồn viện trợ từ Mỹ đột ngột giảm mạnh, tình hình kinh tế của Hàn Quốc rơi vào hỗn loạn. Lúc này chính quyền Lee Seung-man đã cho tiến hành một cuộc bầu cử gian lận

nhằm duy trì chế độ độc tài, quyền lực của mình, sự việc này đã gây ra một cuộc hỗn loạn chính trị toàn diện. Cuối cùng, chính quyền Lee Seung-man cũng sụp đổ do vấp phải cuộc Cách mạng 19 tháng 4. Hàn Quốc trải qua hơn một năm hỗn loạn chính trị, kinh tế, xã hội cho đến khi Park Jeong-hee lên nắm chính quyền sau cuộc chính biến quân sự 16 tháng 5 năm 1961.

Chính quyền của Park Jeong-hee lấy “phản cộng” làm chính sách hàng đầu của quốc gia, đồng thời vẫn tiếp tục giữ vững lập trường và chính sách đối ngoại cơ bản của Mỹ. Tuy nhiên chính quyền Park Jeong-hee cũng gặp không ít khó khăn trong việc xây dựng thể chế chính trị của mình khi mà không nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của người dân do chính quyền của ông không có được sự chính thống. Thêm vào đó, chính quyền Park Jeong-hee lo sợ phải đối mặt với sự uy hiếp của Triều Tiên và sự khó khăn về mặt kinh tế cần phải gấp rút giải quyết. Park Jeong-hee nhận thấy các vấn đề trên quyết định đến sự thành bại chính quyền của ông.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham chiến trong chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam của Hàn Quốc

Khi tạm gác yếu tố lợi ích kinh tế mà Hàn Quốc đã nhận được khi tham gia vào cuộc chiến tại Việt Nam của Mỹ và nhìn sang các đối tượng khách quan khác xung quanh Hàn Quốc, tôi cảm nhận được một số áp lực mà Hàn Quốc có thể đã gánh chịu khi đứng trước quyết định tham chiến lúc bấy giờ. Có thể nói rằng các áp lực này ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định tham chiến của họ.

Thứ nhất, Hàn Quốc không thể từ chối đề nghị tham chiến của Mỹ. Khi Mỹ phát động chiến dịch “More flags” vào tháng 4 năm 1964 sau khi chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ gần như thất bại ở Việt Nam với mục đích chính nhằm tập hợp và lôi kéo các nước khác vào tầm ảnh hưởng của mình, thay đổi bầu không khí châu Á phù hợp với xã hội, khái niệm dân chủ kiểu Mỹ, Hàn Quốc là một quốc gia đồng minh thân cận của Mỹ nên đương nhiên không thể từ chối lời đề nghị này. Họ thể hiện rõ quan điểm trên thông qua các ghi chép rất khiêm tốn về việc tham chiến vào cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam trong các sách giáo khoa lịch sử được giảng dạy tại các trường trung học trong nước hiện nay, đó là *quân đội Hàn Quốc tham chiến với tư cách bảo vệ chủ nghĩa tư bản và giữ gìn hòa bình thế giới* (4).

Thứ hai, Hàn Quốc không thể tự quyết định việc tham chiến nếu không có sự đồng ý của Mỹ. Trước khi Mỹ chính thức phát động chiến dịch “More flags”, tổng thống tiền nhiệm Lee Seung-man và tổng thống Park Jeong-hee đã từng vài lần đề nghị với Mỹ được phái quân tham chiến vào chiến trường Đông Dương bao gồm Việt Nam (5). Tuy nhiên, lần lượt các lời đề nghị này đều bị Mỹ từ chối. Mỹ cho rằng “Khi quân đội Mỹ vẫn đang đóng quân tại Hàn Quốc, nhưng Hàn Quốc lại gửi quân đội của mình đến một quốc gia khác thì thật vô lý” và hoàn toàn bác bỏ đề nghị điều động quân đội Hàn Quốc ra khỏi quốc gia cho đến sau thời điểm phát động chiến dịch “More flags” (6).

Thứ ba, mức độ viện trợ của Mỹ cũng ảnh hưởng đến việc tham chiến của các nước đồng minh. Có thể lấy ví dụ so sánh giữa Hàn Quốc và Thái Lan, cả hai trường

hợp đều là đồng minh của Mỹ nhưng thái độ tham chiến trong cuộc chiến tại Việt Nam rất khác nhau.

Sau hai năm kể từ khi hiệp định đình chiến được ký kết, miền nam Triều Tiên dưới sự xúi dục của Mỹ đã đơn phương tiến hành bầu cử và thành lập chính phủ riêng vào tháng 8 năm 1948. Ngay sau đó, Hàn Quốc ký với Mỹ Điều ước phòng vệ tương hỗ Hàn - Mỹ vào tháng 10 năm 1953. Ngoài nội dung khi một trong hai nước bị tấn công bằng vũ lực thì xem như xâm hại đến an ninh chung của hai nước và hai nước sẽ cùng đối phó với mối nguy hại đó thì có một nội dung đáng chú ý khác. Đó là Hàn Quốc cho phép Mỹ được bố trí lực lượng quân, hải quân và không quân trên lãnh thổ của mình. Như thế có thể cho rằng vấn đề bảo an, quốc phòng và chủ quyền của Hàn Quốc bị lệ thuộc khá nhiều vào Mỹ.

Về kinh tế, từ năm 1954 đến năm 1965 trung bình mỗi năm Mỹ đã chi viện cho Hàn Quốc khoảng 330 triệu USD để khôi phục đất nước và phục hồi nền kinh tế đã bị chiến tranh phá hủy (7). Như vậy, không chỉ về phương diện quân sự mà kinh tế Hàn Quốc cũng gần như hoàn toàn lệ thuộc vào Mỹ trong thập niên 50, thập niên 60.

Trong khi đó trường hợp của Thái Lan lại có phần tự chủ hơn. Tuy Thái Lan cũng chịu sự ảnh hưởng từ trật tự thế giới Đông - Tây, thuyết Domino, xem Mỹ là trụ cột an ninh và cần sự hỗ trợ từ phía Mỹ nhưng mức độ lệ thuộc vào Mỹ của Thái Lan không giống với Hàn Quốc. Nhìn chung, Thái Lan tiếp nhận ảnh hưởng từ Mỹ về hệ tư tưởng nhiều hơn là kinh tế, quân sự hay vấn đề an ninh. Lý do khác khiến Thái Lan phải suy nghĩ khi gửi quân sang tham chiến ở Việt Nam đó là vấn đề ranh giới và lãnh thổ. Thái Lan có chung đường biên giới

với Lào và Campuchia, trong khi đó Lào và Campuchia lại là một khối liên minh chống Mỹ cùng với Việt Nam. Do vậy dù muốn hỗ trợ Mỹ nhưng Thái Lan không thể mạo hiểm lãnh thổ của mình và phải đắn đo đến ảnh hưởng không tốt có thể mang lại do quyết định của họ. Về mặt kinh tế, Thái Lan cũng không bị lệ thuộc vào Mỹ nhiều như Hàn Quốc. Trung bình mỗi năm Mỹ chỉ viện trợ kinh tế cho Thái Lan khoảng gần 40 triệu USD trong những năm 50, 60 (8). Con số này thực sự không đáng kể so với số tiền Mỹ đã viện trợ cho Hàn Quốc trong thời gian tương tự.

So với Thái Lan, Hàn Quốc phụ thuộc nặng nề vào Mỹ cả về kinh tế lẫn quân sự, quốc phòng nên quyền quyết định tham chiến và tham chiến như thế nào tại Việt Nam của Hàn Quốc dường như có phần hạn hẹp nhiều, khi so sánh với Thái Lan và các nước đồng minh khác.

Cũng như khi so sánh với Nhật Bản, đồng minh thân thiết nhất của Mỹ lúc bấy giờ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, chúng ta sẽ không khỏi thắc mắc vì sao người Nhật lại không tham gia vào chiến tranh Việt Nam, trong khi Hàn Quốc hưởng ứng rất tích cực lời đề nghị của Mỹ? Giáo sư Park Tae-gun, đại học Quốc gia Seoul trả lời rằng: dù được Mỹ bảo hộ dưới chiếc ô hạt nhân nhưng Nhật Bản lại không tiếp nhận lời kêu gọi tham chiến của Mỹ một cách tích cực như Hàn Quốc; thông qua quá trình hiệp thương phái binh, chính phủ Hàn Quốc đã giải quyết được nhiều vấn đề khó khăn như vượt qua khủng hoảng của chính quyền tổng thống Park Jeong-hee, bình thường hóa quan hệ Hàn - Nhật, nhận được viện trợ kinh tế - quân sự, giải quyết tình hình chính trị căng thẳng trong nước.(9)

Thứ tư, Triều Tiên cũng góp phần tác động đến động cơ tham chiến của Hàn Quốc. Dù hiệp định đình chiến đã được ký kết nhưng sau đó giữa hai nước vẫn thường xuyên xảy ra các xung đột. Hiệp định đình chiến tuy đã ký kết nhưng không có nghĩa là “*chấm dứt chiến tranh*” mà được hiểu theo nghĩa “*tạm ngừng chiến tranh*”. Tức, tình hình ở Bán đảo Triều Tiên có thể tái chiến bất cứ lúc nào (10). Khi đó, Triều Tiên cũng nằm trong khối các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở châu Á và đã hỗ trợ vũ khí cùng 50 phi công cùng khoảng 300 cán bộ tham mưu quân sự cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - miền Bắc Việt Nam (11). Một mặt gửi vũ khí và số ít quân chi viện cho chiến trường Việt Nam, một mặt Triều Tiên gia tăng kích động mâu thuẫn với Hàn Quốc. So với thời điểm sau khi ký hiệp định đình chiến, đến những năm 60 số lần mà Triều Tiên kích động hai miền trở nên thường xuyên hơn hẳn (12).

Nếu như cách mạng Việt Nam thành công với sự giúp sức của Triều Tiên, đây sẽ là một mối nguy hiểm lớn đối với Hàn Quốc. Chính phủ Hàn Quốc xem áp lực từ Triều Tiên có thể khiến Bán đảo Hàn thành “chiến trường thứ hai” của chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam và nó sẽ mang đến một kết quả nghiêm trọng cho quốc gia. Do đó, nếu như Hàn Quốc không ủng hộ hết mình cho Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam, thì một mặt Hàn Quốc phải đối diện với nguy cơ rất cao là Mỹ sẽ rút quân đội ra khỏi Hàn Quốc chuyển sang chiến trường Việt Nam, mặt khác, theo chính phủ Hàn Quốc lúc đó, là thái độ lăm le nam tiến lần hai của Triều Tiên sẽ được thực hiện nếu cách mạng Việt Nam thống nhất được hai miền. Hàn Quốc thật sự không thể nào tránh khỏi cuộc chiến vô nghĩa tại Việt Nam.

Thay cho lời kết

Từ các áp lực khách quan phân tích nêu trên có thể thấy rằng quyền quyết định của Hàn Quốc trong vấn đề tham chiến ở Việt Nam rất hạn chế. Nó hoàn toàn nằm trong tầm ảnh hưởng, áp lực từ phía Mỹ và Triều Tiên. Nói cách khác, ở thời kỳ đầu mới thành lập chính phủ, Hàn Quốc đã rất chủ động đề nghị tham gia vào chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam nhưng sau khi trở nên lệ thuộc sâu sắc vào Mỹ và chịu nhiều áp lực tấn công từ phía Triều Tiên, việc quyết định tham chiến và tham chiến như thế nào đã vượt mất khỏi tầm kiểm soát của Hàn Quốc. Mặc dù không thể phủ nhận rằng nguồn lợi kinh tế mà họ nhận được từ Mỹ là rất đáng kể và có ý nghĩa lớn lao cho công cuộc tái thiết, phát triển đất nước sau này.

CHÚ THÍCH

- (1) Ban Thời sự, “Hàn Quốc là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam”, <http://vtv.vn/kinh-te/han-quoc-la-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-lon-nhat-vao-viet-nam-20170612142803735.htm>, 12/06/2017.
- (2) Thông tấn xã Việt Nam, “Việt Nam đứng thứ hai về số lượng du học sinh tại Hàn Quốc”, <https://www.vietnamplus.vn/rong-cua-co-hoi-du-hoc-dai-loan-cho-cac-ung-vien-viet-nam/377128.vnp>, 29/03/2016.
- (3) 최용호 (Choi Yeong-ho) (2004). ‘베트남전쟁과 한국군’, 국방부 군사편찬연구소, 130.
- (4) Các sách giáo khoa lịch sử Hàn Quốc cận - hiện đại:
 - 김한중·홍순권·김태웅·이인석·남궁원·남정란 (2002), 『고등학교 한국 근·현대사』, (주)금성출판사, 192.
 - 김신원·박준규·노경주 (2006), 『한국 근·현대사』, 이룸이앤비, 서울.
 - 하선용·이기항·윤원해 (2011), 『누드교과서 S E 한국 근·현대사』, 이투스교육(주), 서울.

- (5) Choi Yeong-ho (2004), sách trên, 132~144.
- (6) Choi Yeong-ho (2004), sách trên, 100.
- (7) Ku Su Jeong (2000), *Hàn Quốc và sự can dự trong chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học KHXH&NV Tp.HCM, 48.
- (8) Vũ Dương Ninh (1992), *Vương quốc Thái Lan lịch sử và hiện tại*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 121-122.
- (9) 박태균 (2007), 「한국군의 베트남 참전」, 『역사비평』, 특권80호, 역사비평사, 291~295.
- (10) 조성훈 (Jo Seong-hoon) (2015), 『대남도발사』, 백년동안, 파주, 11.
- (11) Lê Đức Hạnh (2004), *Quân đội Hàn Quốc trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ gây ra ở Việt Nam từ năm 1964~1973*, Luận văn Thạc sĩ, ĐH KHXH&NV Hà Nội, 34.
- (12) Jo Seong-hoon (2015), sách trên, 31.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đức Hạnh (2004), *Quân đội Hàn Quốc trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ gây ra ở Việt Nam từ năm 1964~1973*, Luận văn Thạc sĩ, ĐH KHXH&NV Hà Nội.
2. Vũ Dương Ninh (1992), *Vương quốc Thái Lan lịch sử và hiện tại*, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
3. Ku Su Jeong (2000), *Hàn Quốc và sự can dự trong chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học KHXH&NV Tp.HCM.
4. Choi Yeong-ho (2004), *Chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam và Quân đội Hàn Quốc*, Viện nghiên cứu xuất bản quân sự Bộ Quốc phòng Hàn Quốc.
최용호 (2004). ‘베트남전쟁과 한국군’, 국방부 군사편찬연구소.
5. Jo Seong-hoon (2015), *Lịch sử chống phá Hàn Quốc của Triều Tiên*, NXB Beaknyeon Dongan, Paju.
조성훈, 『대남도발사』, 백년동안, 파주, 2015.

6. 박태균, 「한국군의 베트남 참전」, 『역사비평』, 특권80호, 역사비평사, 2007.
Park Tae-gun (2007), “Sự tham chiến của quân đội Hàn Quốc ở Việt Nam”, Phê bình lịch sử, quyển 80, NXB Phê bình lịch sử.
7. Các sách giáo khoa lịch sử Hàn Quốc cận-hiện đại:
- 김한중·홍순권·김태웅·이인석·남궁원·남정란 (2002), 『고등학교 한국 근·현대사』, (주)금성출판사.
- 김신원·박준규·노경주 (2006), 『한국 근·현대사』, 이룸이앤비, 서울.
- 하선용·이기항·윤원해 (2011), 『누드교과서 S E 한국 근·현대사』, 이투스교육(주), 서울.
8. Ban Thời sự, “Hàn Quốc là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam”, <http://vtv.vn/kinh-te/han-quoc-la-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-lon-nhat-vao-viet-nam-20170612142803735.htm>, 12/06/2017.
9. Thông tấn xã Việt Nam, “Việt Nam đứng thứ hai về số lượng du học sinh tại Hàn Quốc”, <https://www.vietnamplus.vn/rong-cua-co-hoi-du-hoc-dai-loan-cho-cac-ung-vien-viet-nam/377128.vnp>, 29/03/2016.

Abstract

At the time of Vietnam War, as a close ally of the United States and almost universally supported by the United States, South Korea was almost unable to control US's influence, included the entering of war in Vietnam. In addition, at the same time, South Korea was not only dealing with the national security, the difficult domestic economy, but also worrying about the risk of a North Korea second invasion of the South in case the war in Vietnam will end with victory of the communist side. Comparing to the huge US-backed resources, South Korea's choice and decision in Vietnam War was almost negligible.

Key word: South Korea, South Korea's army, the Vietnam War, enter of war

HÌNH ẢNH VỀ NGOẠI HÌNH CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ HÀN QUỐC QUA TỤC NGỮ

Mai Thị Mỹ Trinh*

Từ ngàn xưa nét đẹp của người phụ nữ luôn là một đề tài muôn thuở được nhắc đến trong thi ca cũng như trong ca dao tục ngữ. Qua quá trình khảo sát và tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy trong tục ngữ của người Hàn Quốc có một số lượng lớn các câu tục ngữ viết về người phụ nữ. Hình ảnh về ngoại hình, tính cách hay tính dục của người phụ nữ được thể hiện một cách sinh động thông qua những câu tục ngữ ngắn gọn và súc tích. Đặc biệt, nổi bật lên là những câu tục ngữ nói về tiêu chuẩn nét đẹp ngoại hình của người phụ nữ, kèm theo đó là những câu đánh giá về hình ảnh người phụ nữ đẹp và người phụ nữ xấu. Thông qua các thao tác thống kê, phân loại và dịch nghĩa các câu tục ngữ, chúng tôi lần lượt làm rõ các vấn đề như sau: người Hàn quan niệm như thế nào mới là một người phụ nữ đẹp, mối quan hệ giữa ngoại hình và vận mệnh của người phụ nữ, người phụ nữ đẹp và người phụ nữ xấu được nhìn nhận như thế nào trong xã hội Hàn Quốc xưa.

Từ khóa: Hàn Quốc, Ngoại hình, Phụ nữ, Tục ngữ

Dẫn nhập

Tục ngữ là những câu nói đúc kết kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất, về con người và xã hội. Tục ngữ ẩn chứa những nội dung phong phú về văn hóa dân tộc, nhận thức của con người, những lời khuyên răn, tri thức, kinh nghiệm và chiêm biếm. Trong bối cảnh hiện nay, mối quan hệ giao lưu giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp và đang trên đà tiến đến những bước ngoặt mới. Việc tìm hiểu về văn hóa, đặc biệt là văn hóa của một quốc gia đang có mối quan hệ giao lưu khăng khít với quốc gia mình là một việc thiết thực và có ý nghĩa. Chúng tôi tìm hiểu một phần nhỏ những quan điểm của người Hàn về nét đẹp ngoại hình của người phụ nữ qua tục ngữ. Kết quả của việc tìm hiểu này sẽ trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho những người có quan tâm đến văn hóa Hàn, biết thêm những suy nghĩ và sự đánh giá của người Hàn xưa dành cho người phụ nữ đẹp cũng như tầm quan trọng của ngoại hình trong cuộc sống thường nhật và cuộc sống hôn nhân.

1. Tiêu chuẩn về ngoại hình của người phụ nữ

Chuẩn mực về nét đẹp của một người phụ nữ đẹp ở mỗi quốc gia, mỗi nền văn hóa không nơi nào giống nơi nào. Cùng trong một nền văn hóa truyền thống Á Đông, nếu như người Trung Quốc quan

*Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

niệm một người con gái đẹp phải tao nhã và có đôi chân nhỏ nhắn như quan niệm “gót sen ba tấc”. Người Việt xưa và nay vẫn giữ quan niệm con gái đẹp là người có vóc dáng mảnh mai, cao vừa phải, thân hình đầy đặn, nước da trắng hồng và mái tóc dài đen nhánh. Đối với người Hàn, họ quan niệm như thế nào mới là một người phụ nữ đẹp? Người Hàn xưa có một câu tục ngữ rất hay:

- 여자는 인물이 밑천이다.

(Phụ nữ thì dung mạo là tiền vốn)

“Dung mạo” là thứ đáng quý đối với mỗi người phụ nữ. Trong xã hội Hàn truyền thống, địa vị của người phụ nữ thấp hơn nam giới. Người phụ nữ sống cả đời theo ý chí của nam nhân “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Thế nên, đối với họ, “dung mạo” được xem là tiền vốn, là phương tiện hữu ích nhất trong việc đi lấy chồng và xin việc. Trong số những câu tục ngữ miêu tả về các đặc điểm ngoại hình, số lượng câu miêu tả về vẻ đẹp của khuôn mặt chiếm số lượng đa số. Người Hàn Quốc có trang phục truyền thống là Hanbok, những bộ Hanbok với độ rộng thùng thình đã che kín toàn bộ các bộ phận trên cơ thể ngoại trừ khuôn mặt. Vì vậy, điểm thu hút cái nhìn của người đàn ông duy nhất chính là khuôn mặt. Nên người Hàn Quốc xem vẻ đẹp của khuôn mặt là tiền vốn:

- 여자는 얼굴이 밑천이다.

(Phụ nữ thì khuôn mặt là tiền vốn)

Tác giả Bang Un Kyu cũng nhấn mạnh rằng: “Nếu có một khuôn mặt đẹp, không những nhận được sự quan tâm của tất cả các đàn ông mà còn có lợi khi đi lấy chồng hoặc xin việc. Điều này, trên thực tế có tính thuyết phục rất cao. Trước tiên, khuôn mặt phải đẹp thì mới có thể đi lấy

chồng ở những gia đình có điều kiện tốt, trong khi đi xin việc, dầu rằng năng lực có phần hạn chế, nhưng ngoại hình, đặc biệt là khuôn mặt, nếu đẹp thì cũng dễ dàng được nhận hơn” [Bang Un Kyu 2004: 65]. Khuôn mặt là tiền vốn của người phụ nữ nên phải đẹp như hoa và mặt trăng:

- 꽃 같은 얼굴에 달 같은 몸매다.

(Khuôn mặt tựa hoa, thân hình giống trăng)

- 떠오르는 달 같다.

(Khuôn mặt đẹp như trăng mọc phía trời đông)

Để tô điểm thêm cho vẻ đẹp của khuôn mặt, người Hàn cũng nhấn mạnh đến nét đẹp của các bộ phận trên khuôn mặt như hàng lông mày, đôi môi và hàm răng. Người Hàn quan niệm rằng: Một người phụ nữ phải có hàng lông mày dài, nhỏ nhắn thanh mảnh như cành liễu, trên sắc mặt đỏ hồng như quả đào mới chín sẽ được xem là đẹp:

- 버들 같은 눈썹에 복숭아 같은 얼굴이다.

(Lông mày tựa liễu, khuôn mặt tựa trái đào)

Cặp lông mày tựa cành liễu, mảnh mai đầy đặn càng tô điểm thêm cho sự hài hòa và nét đẹp của đôi mắt. Theo nhân tướng học, một hàng lông mày đẹp còn giúp cho bản thân mỗi người gặp được nhiều may mắn, phúc khí hơn trong cuộc sống.

Về đôi môi và hàm răng, người xưa đã đúc kết lại một câu rằng người phụ nữ đẹp là phải có một đôi môi đỏ, căng mọng như trái anh đào và hàm răng trắng đều như hạt bầu:

- 앵두 같은 입술에 박씨 같은 이빨이다.

(Răng trắng như hạt bầu trên đôi môi như anh đào)

Môi màu đỏ như trái anh đào làm tôn lên vẻ cao sang quý phái và rạng rỡ khuôn mặt của người phụ nữ mỗi khi xuất

hiện. Điều này cũng dễ được nhìn thấy ở trong các bộ phim cổ trang xưa của Hàn Quốc. Các nữ nhân hay hoàng hậu mỗi khi tiếp kiến vua được trang điểm với một đôi môi đỏ rực, hay những người con gái trong ngày thành hôn luôn được trang điểm một đôi môi hồng thắm.

Một người phụ nữ đẹp, phải đạt được sự cân đối giữa khuôn mặt và hình thể. Bên cạnh việc sở hữu một khuôn mặt đẹp, thì hình thể của họ cũng phải thon thả. Người Hàn xem trọng hình ảnh một người phụ nữ có thân hình mảnh mai và đẹp như chim én lượn trên mặt nước lúc chiều tà. Đôi chân thì thon thả như rễ củ cải được xem là một đôi chân đẹp:

- 석양에 물찬 제비다.

(*Én lượn trên mặt nước lúc hoàng hôn*)

- 무뿌리처럼 늘씬하다.

(*Thon thả như rễ củ cải*)

Để tôn lên toàn thể khuôn mặt và ngoại hình của người phụ nữ, tục ngữ cũng nhắc đến làn da. Làn da được so sánh, ẩn dụ với các yếu tố như tuyết, băng, ngọc... Đây là những sự vật vốn mang trên nó một màu trắng, màu của sự tinh khiết và cũng toát lên cảm giác thanh tao, mượt mà và quyến rũ:

- 눈 같은 살결에 꽃 같은 얼굴이다.

(*Da trắng như tuyết, mặt đẹp như hoa*)

- 옥 같은 살에 붉은 얼굴이다.

(*Sắc mặt đỏ trên nền da trắng như ngọc*)

- 얼음 같은 살결에 옥 같은 뼈다.

(*Da trắng như băng, dáng đẹp như ngọc*)

Đặc biệt, trong tục ngữ còn có một câu nhấn mạnh đến làn da. Nếu như người phụ nữ có một làn da trắng thì nhìn sẽ đẹp và nổi bật hơn, dù cho có nhiều khuyết điểm:

- 살결이 희면 열 허물이 묻힌다.

(*Làn da trắng che được mười khuyết điểm*)

Vậy nên, người phụ nữ cần phải giữ gìn và nuôi dưỡng cho mình một làn da trắng hồng hoàn hảo, mịn màng và tràn đầy sức sống. Tương tự như quan niệm:

- 쌀밥과 여자 흰수룩 좋다.

(*Com và phụ nữ càng trắng càng tốt*)

- 희어야 미인이다.

(*Phải trắng mới là mỹ nhân*)

Một làn da trắng mịn không tì vết không chỉ là tiêu chuẩn nét đẹp của phụ nữ Hàn mà còn là tiêu chuẩn của rất nhiều người con gái Á Đông từ xưa đến nay luôn ước ao và mong muốn có được. Để hội tụ đầy đủ những tiêu chuẩn nét đẹp của một người phụ nữ, tục ngữ của người Hàn còn có một câu rằng:

- 여자는 서울 말씨에, 평양 인물에, 강원도 살결이래야 미인이다.

(*Phụ nữ phải có giọng nói Seoul, dung mạo của vùng Pyeongyang và làn da trắng của vùng Gangwon thì mới là mỹ nhân*)

“Trong tiếng Hàn có một câu là: 남남북녀 - Trai Nam, gái Bắc hoặc là Gisaeng Pyeongyang. Ý nói đến người con trai ở phía Nam (thường là con trai ở vùng Gyeong Sang) rất nam tính và con gái ở phía Bắc thì rất đẹp. Lời nói gọi là Gisaeng Pyeongyang (Gisaeng Bình Nhưỡng - 평양 기생) có nghĩa là trong số những Gisaeng, Gisaeng xuất thân từ thủ đô Pyeongyang (Bình Nhưỡng - 평양) ở phía Bắc là mỹ nhân đẹp nhất. Cuối cùng có một câu nói rằng: ở phía Bắc có rất nhiều mỹ nhân. Về điều này, nếu nhìn qua phần địa hình của Hàn Quốc, ở phía Bắc có nhiều núi hơn. Thủ đô Pyeongyang có dòng sông Đại Đồng chảy ngang qua, đây là dòng sông được tạo thành từ nguồn nước của nhiều dãy núi. Nguồn nước từ tự nhiên thì chất lượng nước sẽ tốt. Chất lượng nước tốt thì làn da cũng trở nên đẹp nên có nhiều mỹ nhân” [Park Han Na 2010: 79].

Nước da thì theo chuẩn của tỉnh Kangwon. Kangwon nằm ở phía Đông Bắc Hàn Quốc, một tỉnh có tới 82% các dãy núi bao phủ. “Nổi tiếng là thành phố du lịch của núi và biển, có nhiều núi đẹp như là núi Seorak (설악산), Taebaeksan (태백산)” [Park Han Na 2010: 79]. Với những ngọn núi hùng vĩ như vậy đã tạo ra nhiều cảnh đẹp và không khí rất trong lành và mát mẻ. Nơi đây còn nổi tiếng với suối nước nóng Cheoksan ở thành phố Sokcho (Gangwon). Với sự ưu ái của thiên nhiên, một nơi với bầu không khí trong lành và nhiều suối nước nóng, đã giúp cho nước da của phụ nữ vùng Kangwon đẹp và sáng hơn những vùng khác.

Ngoài những tiêu chuẩn về nét đẹp ngoại hình dường như là khuôn vàng thước ngọc ở trên, người Hàn còn nhắc đến ba yếu tố khác làm tăng thêm nét đẹp của người phụ nữ là mái tóc, cách trang điểm và trang phục:

- 여자의 미는 첫째가 머리오, 둘째가 화장이요, 셋째가 옷이다.

(Về đẹp của người con gái: thứ nhất là tóc, thứ nhì là trang điểm, thứ ba là trang phục)

Ba yếu tố này kết hợp và hòa quyện vào nhau để thấy được cái đẹp hoàn mỹ về ngoại hình của mỗi người phụ nữ. Có thể nói rằng, người Hàn cũng rất coi trọng đến mái tóc. Trong thời đại Joseon, mái tóc đối với cả nam lẫn nữ còn dùng để thể hiện tầng lớp xã hội, mức độ giàu có và tình trạng hôn nhân. Chỉ cần nhìn vào hình dạng của mái tóc là người ta có thể biết được người này thuộc tầng lớp nào, làm nghề gì và đã có nơi chốn hay chưa. Về trang điểm, tục ngữ cũng có câu:

- 기름 바른 머리에 분 바른 얼굴이다.

(Tóc bôi dầu, khuôn mặt bôi phấn)

- 여자와 집은 손질하기에 달렸다.

(Phụ nữ đẹp nhờ trang điểm, nhà đẹp nhờ trang trí)

Một người phụ nữ có khuôn mặt, mái tóc và những đường nét trên khuôn mặt đã đẹp tự nhiên rồi, nhưng để quyến rũ và hấp dẫn hơn, họ còn bôi thêm dầu vào mái tóc để mái tóc thêm mượt mà và mềm mại hơn. Việc trang điểm không những giúp khuôn mặt tôn lên được nét đẹp vốn có mà còn gia tăng thêm sự sắc sảo cũng như thần thái tuyệt vời khi được trang điểm. Mục đích trang điểm của người phụ nữ là để cho nam nhân chiêm ngưỡng:

- 여자의 화장은 남자를 위한 화장이다.

(Sự trang điểm của con gái là dành cho nam nhân)

Về màu sắc và kiểu dáng của trang phục, “Người Hàn ví đất nước mình đẹp như gắm thêm hoa vì thiên nhiên ở Korea luôn phô diễn vẻ đẹp diễm lệ của hoa lá, cỏ cây trên những rừng núi xanh mướt đan chéo khắp Bán đảo Korea” [Trần Thị Thu Lương 2016: 255]. Những bộ Hanbok của các thiếu nữ thường là các màu đỏ, hồng cánh sen, vàng chanh, xanh lá thắm, xanh dương đậm,... phản ánh sự chan hòa màu sắc, hùng vĩ của núi sông, hoa lá suốt bốn mùa xuân - hạ - thu - đông. Kiểu dáng trang phục Hanbok nữ thường dài và rộng, mảng màu sáng trải đều trên bề mặt trang phục tạo nên sự rực rỡ, nổi bật cho người mặc. “Độ rộng thùng thình của Hanbok thoát nhìn có vẻ thiếu sự thanh thoát, linh hoạt nhưng lại rất hợp với văn hóa lễ nghi của người Hàn. Hanbok buộc người mặc phải có phong thái khoan thai,

lễ độ và cho phép họ dễ dàng thực hiện các lễ nghi quỳ lạy hay sinh hoạt trên sàn nhà theo phong cách “tọa thực” của văn hóa Hàn” [Trần Thị Thu Lương 2016: 257]. Hanbok làm người phụ nữ đã đẹp lại còn đẹp hơn, làm toát lên phong thái kiêu diễm và tô điểm thêm cho nét đẹp ngoại hình của người phụ nữ. Người phụ nữ nếu biết khéo léo mặc trang phục, nhìn sẽ đẹp hơn và che được những khuyết điểm trên cơ thể:

- 여자는 옷 속에 감춰졌을 때 모른다.

(Không biết được phụ nữ khi ẩn mình trong trang phục)

- 여자는 옷으로 감춰져야 미인이다.

(Phụ nữ phải ẩn mình trong trang phục mới là mỹ nhân)

Thời kỳ đẹp nhất trong cuộc đời của người phụ nữ chính là lứa tuổi đôi mươi, đó được xem là khoảng thời gian giúp cho người phụ nữ sở hữu được một ngoại hình đẹp cùng với nét trẻ trung. Bởi vậy, tục ngữ cũng nhắc đến rằng: phụ nữ càng trẻ thì càng đẹp giống như áo càng mới thì càng đẹp:

- 여자 이십은 꽃이다.

(Phụ nữ hai mươi tuổi như hoa)

- 여자와 옷은 새 것일수록 좋다.

(Phụ nữ và áo càng mới càng tốt)

Như vậy, tiêu chuẩn về một khuôn mặt đẹp của người Hàn là da trắng, mặt mịn, môi đẹp đỏ mọng như trái anh đào, răng trắng đều như hạt bầu, đôi chân thon nhỏ, thân hình mảnh mai. Bên cạnh đó, còn thêm những yếu tố như sự trang điểm và trang phục để trau chuốt thêm vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ. Người Hàn xưa thích những người phụ nữ trẻ hơn, vì tuổi càng trẻ thì càng sở hữu một ngoại hình đẹp.

2. Đánh giá về ngoại hình của người phụ nữ

2.1. Quan hệ giữa ngoại hình và vận mệnh

Ngoại hình qua mỗi thời kỳ thì tiêu chuẩn có ít nhiều thay đổi mà bất kỳ người phụ nữ nào cũng mong muốn đạt được sự chuẩn mực về hình dáng để có thể được ngợi khen và dễ dàng hòa nhập vào cuộc sống một cách tự tin. Người Hàn còn quan niệm rằng: ngoại hình là một yếu tố quan trọng để họ nhận biết được tính cách cũng như dự đoán số phận của một người phụ nữ. Những biểu cảm bên ngoài của người phụ nữ như là hình ảnh của khuôn mặt, mái tóc hay những nếp nhăn trên khóe mắt có thể dễ dàng giúp họ nhận ra được tính cách của người phụ nữ đó như thế nào. Trong câu tục ngữ:

- 여자의 얼굴색이 자주 변하면, 마음도 자주 변하다.

(Sắc mặt của phụ nữ luôn đổi thì lòng cũng luôn thay đổi)

Tình cảm là một dạng cảm xúc được bộc lộ ra bên ngoài, phản ánh rõ tâm trạng của người phụ nữ như là vui, buồn, hạnh phúc, đau khổ. Những cảm xúc đặc biệt đó, họ không thể tự che dấu mà được thể hiện ra trên khuôn mặt nên thông qua những biểu cảm trên nét mặt của người phụ nữ, mà có thể nhận biết được nội tâm của người phụ nữ đó như thế nào. Tục ngữ nhấn mạnh đến yếu tố: “sắc mặt phụ nữ thay đổi thì tâm cũng thay đổi”. Tức là phụ nữ có sắc mặt thay đổi thì tâm cũng không định. Một người có tính cách hay thay đổi thì sẽ không chung thủy và không toàn tâm toàn ý với chồng. Tính cách ghen tuông được nhận biết qua sắc mặt của người phụ nữ:

- 여자의 얼굴이 누르면 질투심이 강하다.

(Phụ nữ nét mặt vàng vọt, ghen tuông nhiều)

Hay người phụ nữ dễ ngoại tình được xác định qua hình dáng của cái mũi:

- 여자 코가 짧으면 바람나기가 있다.

(Phụ nữ mũi thấp dễ ngoại tình)

Người Hàn quan niệm rằng, những người phụ nữ có mũi thấp, nhu cầu sinh lý của họ cao hơn những người bình thường. Một người đàn ông không thể làm cho họ thỏa mãn được nhu cầu sinh lý, nên họ có xu hướng tìm thêm người tình để giải quyết nhu cầu tình dục của họ. Người phụ nữ đa tình hay thích tình dục được xác định qua những nếp nhăn trên khóe mắt khi cười hoặc màu xanh của mí mắt:

- 눈두덩이 푸르면 호색이다.

(Phụ nữ có mí mắt màu xanh là người thích tình dục)

- 눈꼬리에 주름지면 색골이다.

(Trên đuôi mắt của phụ nữ có nhiều nếp nhăn là người thích tình dục)

- 여자가 웃을 때 눈꼬리에 주름이 많으면 애정이 강하다.

(Phụ nữ khi cười, xuất hiện nhiều nếp nhăn trên khóe mắt thì đa tình)

Người Hàn còn quan niệm rằng: người phụ nữ mang các đặc điểm ngoại hình của đàn ông như bờ vai rộng, thân hình to mập thì tính cách cũng như đàn ông: không tỉ mỉ và cẩn thận. Hai người có đặc điểm chung về tính cách như vậy nếu sống cùng nhau, sẽ khó đạt được sự hòa thuận và đồng cảm lẫn nhau, dẫn đến gia đình không hạnh phúc và dễ biệt ly:

- 여자 어깨가 넓으면 팔자가 세다.

(Phụ nữ vai rộng thì bất hạnh)

- 여자가 뚱뚱하면 성미가 거칠다.

(Phụ nữ mập, tính cách cọc cằn)

- 뚱뚱한 여자는 세심하지 않다.

(Phụ nữ mập, tính cách không cẩn thận)

Số phận của người phụ nữ sẽ hạnh phúc hay bất hạnh cũng phụ thuộc rất nhiều vào ngoại hình. Phụ nữ có ngoại hình đẹp, sẽ tăng thêm phúc đức cho chồng con. Phụ nữ mắt đẹp thì ích tử. Đó là những người phụ nữ sở hữu đôi mắt to tròn, sáng long lanh, sẽ sinh được những đứa con hiếu thảo, hiền lành và chính những đứa con đó sẽ mang lại niềm tự hào và hạnh phúc cho người mẹ:

- 여자는 눈이 잘 생겨야 자식 복이 있다.

(Phụ nữ mắt đẹp thì ích tử)

Phụ nữ mũi đẹp thì vượng phu. Mũi đẹp là những cái mũi nhỏ nhắn xinh xắn, sóng mũi cao thẳng, không vết sẹo hay tàn nhang, sóng mũi không lộ cốt, chóp mũi tròn đầy đặn, cánh mũi dày nhỏ gọn và lỗ mũi kín, nằm nổi bật một cách hài hòa trên khuôn mặt. Người phụ nữ mũi đẹp sẽ gặp được một người chồng tốt giỏi giang, họ mang lại may mắn cho chồng và sống một cuộc sống hạnh phúc, viên mãn tới cuối đời:

- 여자는 코가 잘 생겨야 남편 복이 있다.

(Phụ nữ mũi đẹp thì vượng phu)

Ngược lại, theo nhân tướng học, nếu như trên khuôn mặt của người phụ nữ xuất hiện nhiều tàn nhang hoặc sở hữu một khuôn mặt dài, khuôn mặt giống như đàn ông, họ có thể gặp chuyện bất hạnh. Biểu hiện này được thể hiện qua những câu tục ngữ sau:

- 여자 얼굴에 주근깨가 많으면 팔자가 세다.

(Con gái trên mặt có nhiều tàn nhang thì bất hạnh)

- 여자가 말상이면 팔자가 세다.

(Người con gái có khuôn mặt dài thì bất hạnh)

- 여자가 남상지면 팔자가 세다.

(Người con gái mang dáng mạo của đàn ông thì bất hạnh)

Ngoài ra, các đặc điểm ngoại hình khác cũng quyết định đến số phận của người phụ nữ. Theo quan điểm của nhân tướng học, người phụ nữ có xương gò má nhô ra một cách bất thường là người ngang ngạnh, lấn lướt chồng, là tướng sát phu. Người có gò má dạng này lại thêm lời nói, ngữ điệu thô kệch, giọng nói ồm ồm thì càng sát phu, phải trải qua nhiều lần hôn nhân:

- 여자가 광대뼈가 나오면 팔자가 세다.

(Con gái nếu như xương gò má nhô ra thì bất hạnh)

- 여자 음성이 크면 과부 된다.

(Phụ nữ giọng vang thành góa phụ)

- 여성 목소리가 남성지면 재혼한다.

(Phụ nữ mang giọng nam thì tái hôn)

Hay như câu, người phụ nữ có tóc nhiều thì đa tình đa cảm:

- 여자의 머리숱이 많으면 감정이 강하다.

(Phụ nữ tóc nhiều thì đa tình)

Cũng có quan niệm rằng, tay chân của người phụ nữ phải nhỏ mới đẹp, nên họ không thích có bàn tay hoặc bàn chân to, vì đó là hình tướng của sự không may:

- 여자 손발이 크면 고생을 많이 한다.

(Phụ nữ tay chân to, nhiều vất vả)

Tục ngữ cũng cho ta thấy rằng ngoại hình có mối quan hệ với chức năng sinh lí của người phụ nữ:

- 여자의 유방이 작으면 자손 복이 적다.

(Phụ nữ ngực nhỏ, con ít phúc)

Sữa mẹ vừa là thức ăn chính của trẻ sơ sinh vừa là nguồn dinh dưỡng tự nhiên và hoàn hảo nhất dành cho bé. Người mẹ có bầu ngực nhỏ, lượng sữa sẽ ít hơn và không có khả năng cung cấp đủ sữa cho bé, nên người phụ nữ ngực nhỏ làm con cái của họ cũng chịu thiệt thòi.

Như vậy, ngoại hình không những là tiền vốn giúp cho người phụ nữ thuận lợi hơn trong cuộc sống mà còn có mối quan hệ sâu sắc tới số mệnh của người phụ nữ.

2.2. Đánh giá về phụ nữ đẹp và phụ nữ xấu

Trong các nền văn hóa, qua mỗi giai đoạn lịch sử, người phụ nữ đáp ứng được chuẩn mực của cái đẹp trong xã hội, đều chính là “mỹ nhân” (미인). Trong tục ngữ, người phụ nữ đẹp được gọi với các tên như: mỹ nhân (미인), phụ nữ đẹp (고운 여자), cô gái đẹp (예쁜 년), người đẹp (예쁜 사람), mỹ nữ (미녀). Thỉnh thoảng xuất hiện một số câu sử dụng từ hoa đẹp (고운 꽃) để nói đến mỹ nhân. Như đã đề cập ở phần trên: “Nhà đẹp nhờ trang trí, người đẹp nhờ trang điểm”, nhưng những người bản chất đã đẹp thì không cần trang điểm hay làm dáng họ vẫn đẹp:

- 미인은 가꾸지 않아도 예쁘다.

(Mỹ nhân dù không trang điểm vẫn đẹp)

Người phụ nữ đã đẹp rồi thì dù mang trên người những thứ không đẹp như cái giỏ đan bằng rom (떡, 떡서리), hay cái giỏ đan bằng dây thùng (망태), là những loại giỏ với kích thước lớn và hình dáng thô kệch vốn dùng để đựng thóc vào ngày xưa nhưng nhìn vẫn đẹp:

- 예쁜 사람은 떡서리를 써도 예쁘다.

(Người đẹp thì dù mang giỏ đan bằng rom cũng đẹp)

- 고운 여자는 망태를 씌워도 곱다.

(Người đẹp dù mang giỏ đan bằng dây thùng vẫn đẹp)

Người phụ nữ đẹp luôn nhận được sự ưu ái như quan niệm hoa đẹp được hái trước, phụ nữ đẹp được đi lấy chồng trước:

- 고운 꽃이 먼저 꺾인다.

(Ngắt trước hoa đẹp)

- 미인은 가까이 보아도 미인이고, 먼데서 보아도 미인이다.

(Mỹ nhân thì nhìn gần cũng là mỹ nhân mà nhìn xa cũng là mỹ nhân)

Bởi trong tâm thức mỗi người, bất cứ ai cũng muốn cưới được một người vợ đẹp và kiếm thật nhiều tiền, đây là lẽ thường tình của con người:

- 미인 싫다는 사람 없고, 돈 마다는 사람 없다.

(Không ai ghét mỹ nhân, không ai từ chối tiền)

Người phụ nữ đẹp rất dễ dàng có được một tấm chồng tốt, một công việc thuận lợi. Nhưng người đời vẫn hay nói, hồng nhan bạc mệnh, bên cạnh vẻ đẹp trời ban cho, họ cũng chịu nhiều đắng cay, tủi cực và bất hạnh:

- 예쁜 여자는 팔자가 사납다.

(Người con gái đẹp số phận thường hẩm hiu)

- 미인은 박명하고, 재주 있는 사람은 병이 많다.

(Hồng nhan bạc mệnh, thiên tài nhiều bệnh)

- 미인은 옛날부터 불행한 사람이 많다.

(Từ xưa đến giờ hồng nhan thì bạc mệnh)

Người phụ nữ xấu xuất hiện trong tục ngữ được gọi với các tên như đàn bà xấu (못난 계집), phụ nữ xấu xí (추녀, 못난 년, 못 생긴 여자, 미운 년), người vợ xấu (못난 여편네). Người phụ nữ xấu cũng được ví như hoa, nhưng chỉ là hoa bí (호박꽃):

- 꽃은 꽃이라도 호박꽃이다.

(Dù gọi là hoa nhưng chỉ được gọi là hoa bí)

Phụ nữ xấu nhận sự đối xử không bình đẳng so với người phụ nữ đẹp:

- 미운 사람은 앞에서 봐도 밉고, 고운 사람은 뒤에서 봐도 곱다.

(Người xấu dù nhìn trước cũng xấu, người đẹp dù nhìn sau vẫn đẹp)

- 미운 사람은 웃어도 밉고, 고운 사람은 울어도 곱다.

(Người xấu thì cho dù cười cũng ghét, người đẹp thì cho dù khóc cũng đẹp)

Họ tuy không đẹp về ngoại hình nhưng nếu có một tâm hồn đẹp, một nhân cách tốt vẫn sẽ được xem là đẹp. Hoa thiên hương đẹp, nhưng không có hương thì bướm không tìm đến. Phụ nữ chỉ đẹp về khuôn mặt, tâm hồn không đẹp thì đàn ông sẽ không chọn:

- 얼굴 일색이 마음 일색만 못하다.

(Nét đẹp khuôn mặt không sánh bằng nét đẹp tâm hồn)

- 모란꽃은 고와도 향기가 없다.

(Hoa thiên hương dầu đẹp nhưng không có hương)

Việt Nam cũng có câu tục ngữ có nghĩa tương tự: “Cái nét đánh chết cái đẹp”. Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn lấn át vẻ đẹp bên ngoài.

Họ luôn phải nỗ lực và cố gắng nhiều hơn trong mọi việc so với những người có sẵn nhan sắc trời phú:

- 예쁜 여자는 보기만 해도 예쁘지만 못난 여자는 정이 들어야 예뻐진다.

(Người phụ nữ đẹp chỉ nhìn thôi cũng thấy đẹp, nhưng người phụ nữ xấu phải thể hiện tình cảm thì mới trở nên đẹp)

Dẫu rằng không được tỏa sáng, không được sự yêu thương chào đón từ mọi người như người đẹp nhưng trong một xã hội coi trọng gia đình, coi trọng bàn tay săn sóc gia đình của người phụ nữ như Hàn Quốc, người phụ nữ xấu vẫn nhận được sự đón nhận:

- 추녀는 밤 친구다.

(Phụ nữ xấu là bạn ban đêm)

Những người phụ nữ có khuôn mặt không đẹp, khi sống cùng nhau, người đàn ông nhận ra rằng tình cách của họ hiền và

giỏi quán xuyến công việc nhà nên tình cảm dần dần trở nên gần bó hơn. Đối với những người phụ nữ đẹp, lúc đầu người đàn ông đến với họ vì sắc đẹp, càng sống với nhau, càng thấy người phụ nữ đẹp chỉ lo làm đẹp, trang điểm, không quan tâm đến công việc nhà nên người đàn ông không còn hứng thú với họ:

- 추녀는 살수록 정이 들고, 미인은 살수록 정이 떨어진다.

(Phụ nữ xấu càng sống tình cảm càng sâu đậm, mỹ nhân càng sống tình cảm càng xa cách)

Qua những đánh giá về sự phân biệt giữa những người có nhan sắc và không có nhan sắc, cho chúng ta thấy tầm quan trọng của dung mạo, vẻ đẹp bên ngoài ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống vật chất và cả tinh thần của mỗi người phụ nữ xưa và nay.

Kết luận

Bài viết đã phác họa hình ảnh về ngoại hình của người phụ nữ Hàn thông qua tục ngữ. Trong lịch sử hàng ngàn năm, mỗi thời kì, quan niệm về nét đẹp lại khác nhau. Thông qua tục ngữ, chúng ta biết được, trong xã hội xưa, người Hàn luôn chú trọng đến khuôn mặt của người phụ nữ. Hàng lông mày cánh liễu, đôi môi mọng đỏ như trái anh đào, hàm răng trắng đều như hạt bầu, làn da trắng như tuyết, kết hợp lại với nhau tạo nên một khuôn mặt đẹp. Tục ngữ cũng đã đúc kết được những kinh nghiệm về nhân tướng học. Điều này thể hiện rõ trong mối quan hệ giữa ngoại hình và số mệnh của người phụ nữ. Một người phụ nữ có những ưu điểm về ngoại hình, luôn gặp được nhiều điều hạnh phúc. Một người phụ nữ với những khuyết điểm trên cơ thể, có thể gặp nhiều điều bất hạnh không mong muốn. Quan điểm xem trọng ngoại hình còn được thể

hiện thông qua hai hình ảnh đối ngược nhau đó là người phụ nữ xấu và người phụ nữ đẹp. Phụ nữ đẹp luôn được mọi người chú ý đến, đi đến đâu cũng nhận được sự tiếp đón nồng nhiệt. Người phụ nữ xấu luôn chịu thiệt thòi hơn những người phụ nữ nhưng trong một xã hội đặt gia đình lên hàng đầu như Hàn Quốc, thì họ vẫn được coi trọng với những đức tính tốt, tình cảm sâu nặng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A - Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Thị Thu Lương (2016), *Đặc trưng văn hóa Hàn Quốc tương đồng và khác biệt*, NXB Chính trị Quốc gia.

B - Tài liệu Tiếng Hàn

2. 방운규 (2004), *여성 관련 속담에 나타난 한국인의 의식구조*, 겨레어문학회, <겨레어문학> 32 권0호, pp. 51- 83. (Bang Un Kyu (2004), *Cấu trúc nhận thức của người hàn xuất hiện trong tục ngữ liên quan đến phụ nữ*, Viện ngôn ngữ và văn học quốc gia Hàn Quốc, <Ngôn ngữ và văn học quốc gia Hàn Quốc> tập 32 số 0, tr 51 - 83).
3. 박한나 (2010), *외국인과 다문화 가족을 위한 한국 입문서 - 통으로 읽는 한국 문화*, 박이정 도서출판 (Park Han Na (2010), *Nhập môn Hàn Quốc dành cho người nước ngoài và gia đình đa văn hóa - Văn hóa Hàn Quốc toàn tập*, Nxb.Pagijong).
4. 송재선 (1998), *여성속담사전*, 동문선 (Song Jae Seon (1998) *Từ điển tục ngữ về phụ nữ*, Dongmunseon).
5. 조혜진 (2011), *한국어와 스페인어 속담에 나타난 여성의 역할에 대한 고찰*, 이베로아메리카 제13권 1호 [2001.6]: 319 ~ 350 (Cho Hye Jin (2011), *Khảo sát về vai trò của người phụ nữ xuất hiện trong tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Tây Ban Nha*, số 1 tập số 13, tr 319 ~ 350).

Abstract: From past to present, the beauty of women has been an eternal theme in poetry as well as in proverbs. During our survey and investigation, we found that there were a large number of Korean proverbs describing women. “Proverbs of Women” (1998) written by Song Jae Seon is a typical example. The images of women’s appearance, personality and sexuality are lively expressed through these concise proverbs. The proverbs about the standards of woman beauty were

particularly remarkable. Accompanied with these proverbs are the ones that evaluate the images of beautiful and ugly women. With the methods of statistics, classification, translation and interpretation, the following issues were in turn clarified in our study: A beautiful woman from the viewpoints of Korean people, the relations between the appearance and the destiny of a woman, and how the beautiful and ugly women were assessed in Korean old society.

Key words: Korea, woman, proverb

ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐOÀN NGỮ ĐỘNG TỪ TRONG TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Thanh Hoa*

Cụm động từ (còn gọi là động ngữ) là loại cụm chính phụ, trong đó thành tố trung tâm là động từ còn các thành tố phụ có chức năng bổ sung ý nghĩa về cách thức, mức độ, thời gian, địa điểm... cho động từ trung tâm đó. Trong động ngữ tiếng Việt, thành tố chính đứng ở vị trí trung tâm, các thành tố phụ phân bố ở hai phía của thành tố chính ở phía trước (thường là phó từ) và ở phía sau (thường là các từ loại thực từ). Trong động ngữ tiếng Hàn thì thành tố chính luôn luôn đứng ở vị trí cuối cùng, tất cả các loại thành tố phụ đều đặt ở trước thành tố chính. Nghiên cứu nhằm tìm ra những tương đồng và dị biệt về cấu tạo chung, các phương thức biểu thị ý nghĩa ngữ pháp, thời thể, tình thái... của cụm động từ tiếng Hàn và tiếng Việt để giúp cho việc giảng dạy và học tập tiếng Hàn, giúp tìm ra cách tiếp cận với lối tư duy, diễn đạt của người bản ngữ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng tạo tiền đề, cơ sở cho các nghiên cứu ngữ pháp sau này.

Từ khóa: Động ngữ tiếng Hàn, đoàn ngữ động từ, nghiên cứu động ngữ tiếng Hàn

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, cùng với xu hướng giao lưu và hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực thì nghiên cứu so sánh đối chiếu các ngôn ngữ của các quốc gia khác nhau đang trở thành một vấn đề cần thiết. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác đã đạt được những thành tựu đáng kể thì việc nghiên cứu đối chiếu tiếng Việt và tiếng Hàn lại còn khá khiêm tốn. Xuất phát từ sự cần thiết nêu trên thì việc so sánh đối chiếu tiếng Hàn với tiếng Việt nói chung, và so sánh đối chiếu động ngữ trong tiếng Hàn và tiếng Việt nói riêng sẽ có ý nghĩa rất lớn. Trật tự từ là vấn đề quan trọng của cấu trúc ngữ pháp và là một trong những phương thức ngữ pháp đã được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên việc đối chiếu hai ngôn ngữ Hàn - Việt trong lĩnh vực này còn chưa được đề cập đến nhiều, và chưa mang tính chất hệ thống. Bởi vậy nghiên cứu đề tài này là hết sức cần thiết, kết quả của nghiên cứu sẽ giúp làm sáng tỏ những đặc điểm loại hình của tiếng Hàn và tiếng Việt - hai ngôn ngữ mang tính phân tích ở những mức độ khác nhau. Thông qua việc đối chiếu hai ngôn ngữ về trật tự từ, chủ yếu trên bình diện cấu trúc và một phần trên bình diện ngữ nghĩa của các thành tố trong

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

động ngữ, chúng tôi mong muốn góp phần vào việc đào tạo tiếng Hàn cũng như đào tạo tiếng Việt như một ngoại ngữ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là trật tự từ trong động ngữ của hai ngôn ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt. Trong khi nghiên cứu, chúng tôi sẽ mô tả và xây dựng mô hình động ngữ, tập trung vào thành tố trung tâm trong động ngữ của mỗi ngôn ngữ đồng thời tiến hành so sánh, đối chiếu tìm hiểu sự biến đổi cấu trúc sẽ dẫn đến sự biến đổi về ý nghĩa như thế nào và cuối cùng sẽ đưa ra những nhận xét trên cơ sở những kết quả nghiên cứu mà chúng tôi đạt được. Để hoàn thành nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các phương pháp chủ yếu dưới đây:

- Phương pháp phân tích thành tố: Để phân tích cấu tạo của động ngữ trong hai ngôn ngữ.

- Phương pháp miêu tả: Được dùng để miêu tả đặc điểm, cấu tạo động ngữ trong hai ngôn ngữ.

- Phương pháp so sánh - đối chiếu: Được dùng để tìm ra những điểm giống và khác biệt trong cấu trúc động ngữ của hai ngôn ngữ.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng một số tài liệu của các nhà ngôn ngữ học trên thế giới cũng như các nhà Việt ngữ học. Đồng thời, chúng tôi cũng trích dẫn những ví dụ minh họa từ các tác phẩm văn học bằng bản ngữ của các tác giả Hàn Quốc, Việt Nam.

Một điều nữa cần giới thiệu đó là khi dịch các ví dụ minh họa từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại, chúng tôi dịch đúng và sát nghĩa chứ không chú ý đến việc diễn đạt trau chuốt câu chữ theo lối văn dịch nhằm mục đích tìm ra những

điểm giống và khác nhau về trật tự từ trong cấu trúc động ngữ giữ tiếng Hàn và tiếng Việt.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát chung về nghiên cứu đối chiếu tiếng Hàn với tiếng Việt

Động từ là một trong những từ loại cơ bản trong mọi ngôn ngữ và cũng là từ loại phức tạp nhất, được sử dụng rộng rãi nhất trong hệ thống các loại từ của các ngôn ngữ. Có nhà ngôn ngữ học đã cho rằng “Động từ cũng như động ngữ là trung tâm cấu trúc của câu, không có sự phân tích cú pháp nào có thể tiến hành nếu không nghiên cứu kỹ vấn đề này”. Về đề tài nghiên cứu động từ trong các ngôn ngữ, hầu như ngôn ngữ nào cũng đã có khá nhiều tác giả đề cập đến như Nguyễn Thị Thu Hà với luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học “Nhóm động từ chỉ hoạt động nhận thức trong tiếng Việt”, Thạc sĩ Trịnh Minh Hải có nghiên cứu “Khảo sát nhóm động từ chỉ hướng vận động trong tiếng Hán (so sánh với tiếng Việt), Luận án tiến sĩ “Động từ phức tiếng Nhật với các đơn vị tạo nghĩa tương đương trong tiếng Việt” của tác giả Trần Thị Chung Toàn, ...

Riêng về động từ tiếng Hàn, một ngoại ngữ mới được đưa vào giảng dạy tại Việt Nam không được bao lâu cũng là đề tài được nhiều tác giả quan tâm. Từ khi tiếng Hàn được đưa vào giảng dạy tại Việt Nam, đã có nhiều bài viết, nghiên cứu phân tích đối chiếu các vấn đề liên quan đến hai ngôn ngữ Hàn - Việt. Trong “Bước đầu nghiên cứu về từ tính lược trong tiếng Hàn đối chiếu với tiếng Việt”, tác giả Trần Thị Hương đề cập đến nội dung khái quát nhất về khái niệm từ tính lược (wan - gok - eo) của tiếng Hàn qua

đó quy chiếu sang tiếng Việt. Tác giả Trần Văn Tiếng cũng bàn “về hiện tượng tương đương về nghĩa trong tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt”. Việc phân tích, so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt cũng là đề tài khóa luận hay luận văn tốt nghiệp của rất nhiều sinh viên chuyên ngành Hàn Quốc học. Khóa luận tốt nghiệp “Bước đầu tìm hiểu những khó khăn trong việc học tiếng Hàn - nhìn từ góc độ loại hình ngôn ngữ” của Nguyễn Đông Thục (ĐH KHXH & NV Hà Nội, 2003) đã phân tích, so sánh đối chiếu tiếng Hàn và tiếng Việt về mặt ngữ âm, ngữ nghĩa, từ loại, cấu trúc ngữ pháp để từ đó rút ra những khó khăn mà người Việt thường mắc phải trong việc học tiếng Hàn. Tác giả Đào Hoài Thu với luận văn thạc sỹ “Phân tích đối chiếu từ chỉ quan hệ họ hàng Hàn - Việt từ góc độ ngôn ngữ và văn hóa” (1/2012) đã chỉ ra rằng “Từ chỉ quan hệ họ hàng là một bộ phận từ vựng đặc biệt trong mỗi ngôn ngữ. Những đặc điểm về cấu tạo, ngữ nghĩa của lớp từ này không chỉ thể hiện nhiều đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa - giao tiếp của mỗi ngôn ngữ mà còn thể hiện phần nào chiều sâu văn hóa của dân tộc là chủ nhân của ngôn ngữ đó”. Nghiên cứu nhằm tìm ra những tương đồng, dị biệt về cấu tạo, ngữ nghĩa và văn hóa giữa lớp từ chỉ quan hệ họ hàng trong tiếng Hàn và tiếng Việt để giúp cho việc giảng dạy và học tập tiếng Hàn, giúp tìm ra con đường ngắn nhất để tiếp cận với lối tư duy, cách diễn đạt và ứng xử có văn hóa của người bản ngữ. Nghiên cứu đối chiếu tiếng Hàn và tiếng Việt thu hút sự quan tâm không chỉ của người Việt mà bên cạnh đó các tác giả người Hàn cũng góp phần không nhỏ vào lĩnh vực này. Tác giả SONG JAE HEE (Hàn Quốc)

đã trình bày nghiên cứu “So sánh về hệ thống phụ âm đầu giữa tiếng Việt - tiếng Hàn”. Nghiên cứu cho rằng khi tiếp xúc với một ngôn ngữ, điều đầu tiên và quan trọng nhất mà người học phải tiếp xúc là ngữ âm. Để góp phần lý giải và so sánh ngữ âm giữa hai ngôn ngữ Việt - Hàn, nghiên cứu chỉ ra hệ thống phụ âm đầu của hai ngôn ngữ và so sánh, những lỗi phát âm của học viên Hàn Quốc khi học tiếng Việt đối với phụ âm đầu. Từ đó người Hàn học tiếng Việt cũng như người Việt học tiếng Hàn hiểu rõ hơn về những tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ. Tác giả Nguyễn Thị Thu Hương lại tập trung nghiên cứu về động từ bị động giữa tiếng Hàn và tiếng Việt. Tác giả phân tích đặc điểm cấu tạo của thể bị động trong hai ngôn ngữ, đồng thời so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa chúng. Trong tiếng Hàn, cấu tạo điển hình thể bị động dựa trên dạng căn tố của động từ kết hợp với các từ “-ㅁ/-히/-기/-리” và dạng “-어지다”. Ngoài ra, cách cấu tạo với “-당하다” cũng là một cách thông dụng trong các câu văn thể bị động tiếng Hàn. Đối với cấu trúc bị động của tiếng Việt, chỉ có một cách duy nhất đó là sử dụng “bị/ được”. Cách này được gọi là “tù trống bị động” (피동허사). “Bị” là bị động tiêu cực, còn “được” là bị động tích cực. Thay đổi cấu trúc chủ động sang bị động tiếng Hàn dẫn tới sự liên kết động từ. Điều này không xảy ra đối với trường hợp của tiếng Việt. Tiến sỹ Trần Thị Hương với rất nhiều nghiên cứu liên quan như “Nghiên cứu phân loại động từ trong tiếng Hàn”, “Ba tiểu loại động từ tiếng Hàn qua một phương diện phân loại (có đối chiếu với tiếng Việt)”, tác giả Trần Thu Hằng với nghiên cứu khoa học “Động từ kép trong tiếng Hàn”, giáo sư Ahn

Kyong Hwan thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu ngôn ngữ với luận án tiến sỹ ngôn ngữ viết bằng tiếng Việt “Trật tự từ trong tiếng Hàn so với tiếng Việt”...

3.2. Khái quát chung về động ngữ

3.2.1. Khái quát chung về động từ và động ngữ

Để khảo sát trật tự từ của các thành tố trong cấu trúc của động ngữ tiếng Hàn và so sánh nó với trật tự từ trong cấu trúc của động ngữ tiếng Việt thì trước tiên phải xác lập một cách hiểu chung về khái niệm “động ngữ”.

Trong các ngôn ngữ biến hình với tiếng Anh là đại diện tiêu biểu, động từ được nhận biết nhờ những phụ tố đặc

trung cho chúng và nhờ khả năng biến dạng theo ngôi, thời, dạng, thức. Tiếng Hàn thuộc loại hình ngôn ngữ chắp dính, có biến hình, cấu trúc câu trong tiếng Hàn hoàn toàn ngược lại so với tiếng Việt. Động từ trong tiếng Hàn cũng giống như động từ tiếng Anh đều được nhận biết nhờ khả năng biến dạng theo ngôi, thời, thức nhưng điều đặc biệt là nhờ vị trí luôn luôn đứng cuối câu của nó. Còn trong các ngôn ngữ không biến hình mà đại diện là tiếng Việt thì theo tác giả Nguyễn Thiện Giáp viết trong “Dẫn luận ngôn ngữ học”: “tiêu chí nhận diện động từ là khả năng làm trung tâm một loại cụm từ chính - phụ gọi là cụm động từ”.

Tiếng Việt:	(Tôi) muốn học tiếng Hàn.
Tiếng Hàn:	(제가) 한국어를 공부하기 원합니다. (chê ka) hankukolul kongpuhaki wonhapnita. (Tôi) tiếng Hàn học muốn. [(Tôi) muốn học tiếng Hàn].

Trong ví dụ trên của tiếng Việt, “muốn học tiếng Hàn” là một động ngữ gồm động từ “muốn” là thành tố chính - thành tố trung tâm, còn “học tiếng Hàn” là thành tố phụ. Ngay trong bản thân thành tố phụ ấy cũng là một động ngữ với động từ “học” là thành tố chính, “tiếng Hàn” là thành tố phụ.

Xét trong tiếng Hàn, chúng ta cũng nhận thấy cấu trúc tương tự như vậy. Ở động ngữ “한국어를 공부하기 원합니다” (“hankukolul kongpuhaki wonhapnita” → “muốn học tiếng Hàn”) quan hệ kết hợp các từ như sau:

한국어를	공부하기	원합니다.
hankukolul	kongpuhaki	wonhapnita.
Tiếng Hàn	học	muốn.
[Muốn học tiếng Hàn].		

Như vậy, động từ 원합니다 “wonhapnita” (“muốn”) là thành tố chính, 한국어를 공부하기 “hankukolul kongpuhaki” (“học tiếng Hàn”) là thành tố

phụ. Và thành tố phụ đó cũng là một động ngữ với 공부하기 “kongpuhaki” (“học”) là thành tố chính, còn 한국어를 “hankukolul” (“tiếng Hàn”) là thành tố phụ.

Tiếng Việt	(Tôi) đã mặc cái áo đỏ.
Tiếng Hàn	(제가) 그옷을입었습니다. (Chê ka) ku otul ipotsumnita. (Tôi) đỏ áo đã mặc [(Tôi) đã mặc cái áo đỏ)]

Xét ví dụ thứ hai trên đây, trong tiếng Việt chúng ta xác định động ngữ là “đã mặc cái áo đỏ” với “mặc” là động từ làm trung tâm, “đã” là thành tố phụ trước và “cái áo đỏ” là thành tố phụ sau.

Như vậy, động ngữ là một nhóm từ được tổ chức theo quan hệ ngữ pháp chính phụ mà động từ giữ chức năng là thành tố chính, thành tố trung tâm. Cấu trúc cơ bản của động ngữ bao gồm: phần phụ trước, phần trung tâm và phần phụ sau. Ở phần trung tâm có thể gặp một động từ hoặc những tổ hợp gồm nhiều động từ. Các thành tố phụ của động từ có thể chia thành hai loại: thành tố phụ là các hư từ và thành tố phụ là các thực từ. Về cơ bản phần phụ trước của động ngữ có tác dụng định tính mối quan hệ về thời gian, trạng thái của hành động nêu ở động từ thành tố chính. Phần phụ sau về cơ bản có tác dụng mở rộng nội dung từ vựng của động từ - thành tố chính.

3.2.2. Khái niệm động ngữ trong tiếng Hàn

Nhà ngôn ngữ học Ahn Kyong Hwan trong nghiên cứu “Trật tự từ trong tiếng Hàn so sánh với tiếng Việt” (한국어어순배트남어와의비교) cho rằng “mỗi động từ tiếng Hàn, khi giữ chức năng là thành tố chính kết hợp với một hay một số thành tố phụ để cấu tạo nên động ngữ, thường mang thêm ở sau nó những phụ tố hình thái có giá trị cấu tạo dạng thức của động từ”. Ví dụ:

(나는) 밥을먹다. (thời hiện tại)

[(nanun) papul mokta.]

[(Tôi-(n)) com(ul) ăn(ta).]

[(Tôi) ăn com.]

Trong động từ 먹다- mokta (ăn) thì 먹- mok (ăn) là gốc từ/căn tố, 다- ta là phụ tố biểu thị vị ngữ tính.

Xét ví dụ trên chúng ta thấy động ngữ tiếng Hàn là cụm từ chính phụ (밥을먹다 → papul mokta → com ăn → ăn com) trong đó thành phần chính là động từ (먹다- mokta - ăn) luôn đứng sau, và thành phần phụ (밥을- papul - com / ul) đứng trước thành phần chính. Một điều đáng lưu ý là trong từng thành phần của động ngữ tiếng Hàn, chúng ta lại thấy xuất hiện một cụm từ chính phụ nữa được cấu tạo từ căn tố và phụ tố (phụ tố tình thái, phụ tố chức năng...) hoặc căn tố và tiểu từ (tiểu từ biểu thị chủ cách, tiểu từ đối cách biểu thị bổ ngữ đối tượng, tiểu từ chỉ tặng cách, tiểu từ vị trí cách biểu thị nơi chốn, tiểu từ công cụ cách biểu thị bổ ngữ chỉ công cụ...).

Để nghiên cứu trật tự từ của các thành tố trong cấu trúc động ngữ tiếng Hàn và so sánh nó với trật tự từ trong cấu trúc động ngữ tiếng Việt thì điều trước tiên phải xác lập một cách hiểu “động ngữ tiếng Hàn”. Tác giả Ahn Kyong Hwan cho rằng “Động ngữ là một nhóm từ được tổ chức theo quan hệ ngữ pháp chính phụ mà động từ giữ chức năng là thành tố chính, thành tố trung tâm”. Như vậy, động ngữ tiếng Hàn cũng là một nhóm từ được tổ chức theo quan hệ ngữ pháp chính phụ mà động từ giữ chức năng là thành tố chính.

Có thể đưa ra cấu trúc tổng quát của động ngữ tiếng Hàn như sau:

Động ngữ = Thành tố phụ trước + Thành tố trung tâm

밥을	먹다.
(papul	mokta.)
[cơm(ul)	ăn.]
(Ăn cơm.)	

3.2.3. Khái niệm động ngữ trong tiếng Việt

Như chúng ta đã biết động từ là một loại từ rất có khả năng kèm thêm những thành tố phụ để phát triển thành đoản ngữ. Loại đoản ngữ có động từ làm trung tâm như thế gọi là động ngữ. Đoản ngữ có động từ làm trung tâm còn được gọi là cụm động từ (hay động ngữ). Vậy động ngữ tiếng Việt là loại cụm chính phụ, trong đó thành tố trung tâm là động từ còn các thành tố phụ có chức năng bổ sung ý nghĩa về cách thức, mức độ, thời gian, địa điểm...cho động từ trung tâm đó. Ví dụ: Các động từ chính: Học, đi, nói...

Học: (Sinh viên) học tiếng Hàn. (“học tiếng Hàn” là cụm động từ trong đó “học” là thành tố trung tâm, “tiếng Hàn” là thành tố phụ).

Đi: (Ông ấy) luôn luôn đi trước mọi người. (“luôn luôn đi trước mọi người” là cụm động từ trong đó “đi” là thành tố trung tâm, “luôn luôn” là thành tố phụ trước và “trước mọi người” là thành tố phụ sau).

Nói: (Nó) rất hay nói chen ngang. (“rất hay nói chen ngang” là cụm động từ trong đó “nói” là thành tố trung tâm, “rất hay” là thành tố phụ trước, “chen ngang” là thành tố phụ sau).

Khả năng kết hợp của động từ tiếng Việt hết sức đa dạng và phong phú. Các khả năng kết hợp của động từ được khái quát trong cấu trúc của động ngữ. Có thể mô tả cấu trúc động ngữ tiếng Việt ở dạng đầy đủ nhất như sau:

Động ngữ = Thành tố phụ trước + Thành tố trung tâm + Thành tố phụ sau
 (Từ phụ động từ) (Động từ chính) (Bổ ngữ, trạng ngữ)
 (Biểu thị thời, thể; tiếp thụ - bị động) (Thành tố bắt buộc)

Ví dụ:

- (Lái xe) đã hỏi người đi đường. (“đã” là thành tố phụ trước; “hỏi” là thành tố trung tâm; “người đi đường” là thành tố phụ sau).

- (Chúng ta) sẽ làm trong hôm nay. (“sẽ” là thành tố phụ trước; “làm” là thành tố trung tâm; “trong hôm nay” là thành tố phụ sau).

Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng gặp dạng đầy đủ của cấu trúc động ngữ. Ở

dạng đơn giản nhất, động ngữ chỉ có thành tố trung tâm xuất hiện. Ví dụ:

- (Tôi) ngủ. (động từ “ngủ” là thành tố chính)

- (Nó) chạy. (động từ “chạy” là thành tố chính)

- (Em bé) hát. (động từ “hát” là thành tố chính)

Động ngữ cũng có thể bao gồm hai thành phần như bảng dưới đây:

Động ngữ =	Thành tố phụ trước	+ Thành tố trung tâm
	Đang	+ làm
	Đều	+ hoạt động
	Vẫn cứ	+ đi
Hoặc: Động ngữ =	Thành tố trung tâm	+ Thành tố phụ sau
	Hiểu	+ hết
	Biết	+ rõ
	Đi	+ rất nhanh

Trong quan hệ ngữ pháp, các thành tố phụ của cấu trúc động ngữ góp phần tạo nên quan hệ chính - phụ giữa chúng (các thành tố phụ) và thành tố trung tâm.

3.3. Đặc điểm của động ngữ tiếng Hàn

Mỗi động từ tiếng Hàn, khi giữ chức năng là thành tố chính kết hợp với một hay một số thành tố phụ để cấu tạo nên động ngữ, thường mang thêm ở sau nó những phụ tố hình thái có giá trị cấu tạo dạng thức của động từ. Ví dụ:

a.	Thời quá khứ:	
(나는)	밥을	먹었다.
(nanun)	papul	mekkossta.
[Tôi (nun)	com (ul)	ăn-đã (ta)]
	[Tôi đã ăn cơm rồi].	

Xét động từ 먹었다 thì 먹 là căn tố, 었 là phụ tố biểu thị ý nghĩa quá khứ, và 다 là hậu tố biểu thị vị ngữ tính.

b.	Thời hiện tại:	
(나는)	밥을	먹다.
(nanun)	papul	mekta.
[Tôi (nun)	com (ul)	ăn (ta)]
	[Tôi ăn cơm].	

Trong động từ 먹다 (ăn) thì 먹 (ăn) là gốc từ (căn tố), 다 là phụ tố biểu thị vị ngữ tính.

c.	Thời hiện tại tiếp diễn:	
(나는)	밥을	먹는다.
(nanun)	papul	meknunta.
[Tôi (nun)	com (ul)	ăn - đang(ta)]
	[Tôi đang ăn cơm.]	

Trong động từ 먹는다 thì 먹 (ăn) là căn tố, 는 là phụ tố biểu thị ý nghĩa tiếp diễn (đang), 다 là hậu tố biểu thị vị ngữ tính.

d.	Thời tương lai:	
(나는)	밥을	먹겠다.
(nanun)	papul	mekkessta.
[Tôi (nun)	com (ul)	ăn - sẽ (ta)]
	[Tôi sẽ ăn cơm].	

Trong động từ 먹겠다 thì 먹 (ăn) là căn tố, 겠 là phụ tố biểu thị ý nghĩa tương lai, còn 다 là hậu tố biểu thị vị ngữ tính.

Trong tiếng Hàn, căn tố kết hợp với phụ tố (으)시 để biểu thị sự kính trọng. Các phụ tố biểu thị sự kính trọng đứng trước các phụ tố biểu thị ý nghĩa về thời. Ví dụ:

1) 아버지께서거실에서신문을읽는다. Apejikkeso kosileso sinmunul <u>iknun</u> ta. Bố (kkeso) phòng khách (eso) báo (ul) đọc - đang (ta). Bố đang đọc báo trong phòng khách.	2) 아버지께서거실에서신문을읽으신다. Apejikkeso kosileso sinmunul <u>ikusin</u> ta. Bố (kkeso) phòng khách (eso) báo (ul) đọc - đang (ta). Bố đang đọc báo trong phòng khách.
--	--

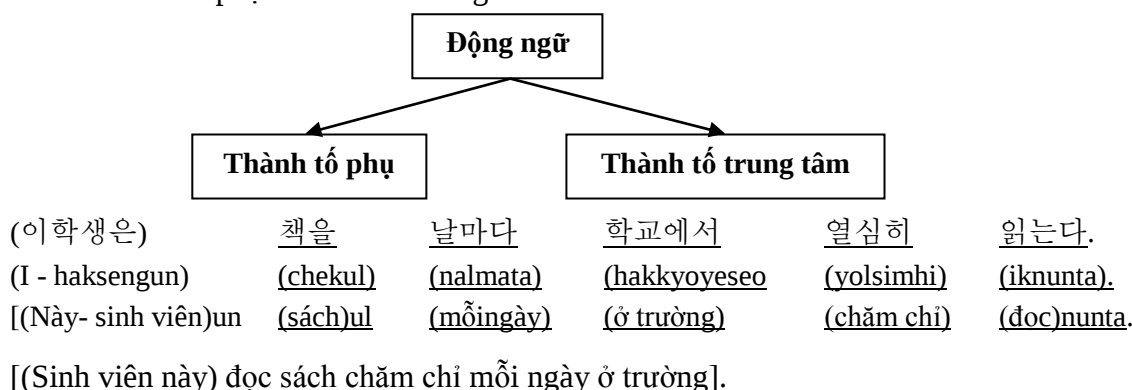
Xét ví dụ (2) ở bảng trên, trong động từ 읽으시다 (ikusinta) thì 읽 (ik) là căn tố, 으시 (usi) là phụ tố biểu thị sự kính trọng, ㄴ (niun) là phụ tố biểu thị ý nghĩa tiếp diễn, 다 (ta) là phụ tố biểu thị vị ngữ tính.

3.3.1. Trật tự chung và việc xác định trung tâm và thành tố phụ trong cấu trúc động ngữ tiếng Hàn

Chúng ta thấy rằng động ngữ tiếng Hàn là tổ hợp từ tự do không có kết từ đứng đầu, giữa các thành tố có quan hệ chính phụ, và thành tố chính là động từ. Cấu trúc của động ngữ tiếng Hàn gồm 2 phần: thành tố phụ và thành tố trung tâm.

Thành tố phụ do các phó từ, thực từ (danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ) đảm nhiệm. Thành tố trung tâm do động từ chính đảm nhiệm. Cấu trúc tiếng Hàn không giống như tiếng Anh, tiếng Việt,... Tiếng Hàn có cấu trúc động ngữ bao gồm 3 phần là thành tố phụ trước, thành tố trung tâm và thành tố phụ sau nên động ngữ thường có dạng đầy đủ và không đầy đủ. Nhà nghiên cứu Ahn Kyong Hwan (Hàn Quốc) cho rằng trong tiếng Hàn do động từ chính luôn đứng ở cuối cùng của động ngữ nên cấu trúc của động ngữ chỉ có thành tố phụ trước và thành tố trung tâm.

Như vậy, có thể khái quát cấu trúc động ngữ tiếng Hàn có trật tự như sau:
Thành tố phụ + Thành tố trung tâm.



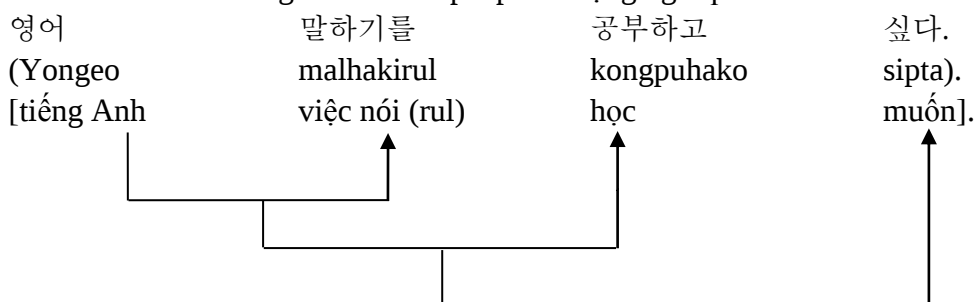
Trong động ngữ này của tiếng Hàn, “책을날마다학교에서열심히” (“chekul namata hakkyoyeseo yolsimhi → sách - hàng ngày - ở trường - chăm chỉ”) là thành tố phụ, “읽는다” (“iknunta → đọc”) là thành tố chính bao gồm từ gốc 읽 (“ik → đọc”) với phụ tố tình thái 는 (“nun → phụ tố chỉ thời hiện tại tiếp diễn”) và phụ tố chức năng 다 (“ta → phụ tố chỉ vị ngữ tính”) đều đứng sau từ gốc động từ. Tất cả các thành tố phụ của động ngữ đều đặt trước thành tố trung tâm.

3.3.2. Trung tâm động ngữ tiếng Hàn

Trong nghiên cứu “Trật tự từ trong tiếng Hàn so sánh với tiếng Việt”, tác giả Ahn Kyong Hwan nhận định: “Cấu trúc cú pháp của động ngữ tiếng Hàn như sau: động từ giữ vai trò là thành tố trung tâm - thành tố chính đứng ở cuối động ngữ, tất cả các thành tố phụ đều đặt ở trước thành tố trung tâm. Như vậy, trong tiếng Hàn, việc xác định thành tố trung tâm của động ngữ tương đối dễ dàng”. Ví dụ:

나는 영어 말하기를 공부하고 싶다.
(nanun yongeo malhakirul kongpuhako sipta).
[Tôi(nun) tiếng Anh việc nói(rul) học muốn(ta)].
= (Tôi muốn học nói tiếng Anh).

Vị ngữ của câu là một động ngữ do động từ “muốn” (싶다) làm thành tổ trung tâm. Có thể hình dung cấu trúc cú pháp của động ngữ qua sơ đồ sau:



= [Muốn học nói tiếng Anh]

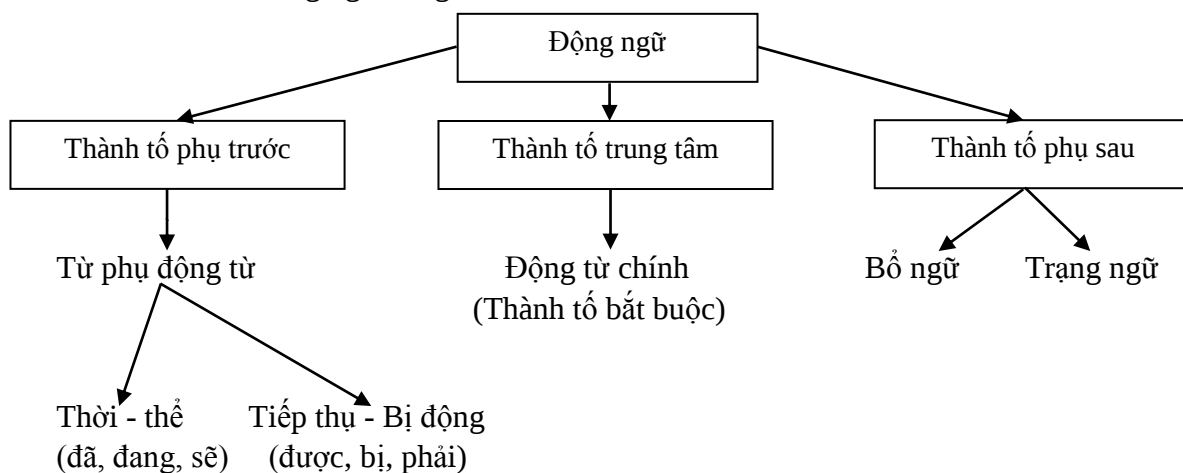
3.4. Đặc điểm của động ngữ tiếng Việt

3.4.1. Trật tự chung và việc xác định thành tổ trung tâm và thành tổ phụ trong động ngữ tiếng Việt

Như đã biết, động ngữ là một cụm từ do động từ làm thành tổ chính. Hay nói cách khác động ngữ là tổ hợp từ tự do không có kết từ đứng đầu, có quan hệ chính phụ giữa thành tổ chính và thành tổ phụ, và thành tổ chính là động từ. Trong tiếng Việt, khi một động từ đứng làm

thành tổ chính của động ngữ thì trước và sau nó có thể có những thành tổ phụ. Khả năng kết hợp của động từ tiếng Việt hết sức đa dạng và phong phú. Các nhà Việt ngữ học đều có chung một quan điểm rằng “ở dạng đầy đủ nhất, động ngữ cũng chia làm ba phần: phần giữa dành cho trung tâm và phần đầu, phần cuối dành cho các thành tổ phụ”. Các khả năng kết hợp của động từ được khái quát trong cấu trúc và các ví dụ dưới đây:

Cấu trúc động ngữ tiếng Việt:



Chức vụ của động ngữ trong câu có thể làm vị ngữ, chủ ngữ. Ví dụ:

- Tôi đang đi học. (Động ngữ “đang đi học” làm chức vụ vị ngữ)

- Đi học là quyền lợi của mọi người. (Động ngữ “đi học” là chủ ngữ)

Thành phần phụ trước của động ngữ có vai trò bổ sung cho động từ các ý nghĩa như sau: i) Quan hệ thời gian: đã, sẽ, đang; ii) Sự tiếp diễn, tương tự: còn, cũng; iii) Khuyến khích, ngăn cản: hãy, đừng, chớ;

iv) Khẳng định, phủ định: không, chưa, chẳng... Thành phần trung tâm của động ngữ là động từ thể hiện hành động chính. Thành phần phụ sau có vai trò bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức hành động.

Về mặt cấu tạo, ở dạng đầy đủ nhất, động ngữ tiếng Việt chia làm 3 phần: Thành tố trung tâm, các thành tố phụ trước và thành tố phụ sau.

Động ngữ = Thành tố phụ trước + Thành tố trung tâm + Thành tố phụ sau
 Đã ăn cơm = đã + ăn + cơm
 Đang học say sưa = đang + học + say sưa
 Sẽ thông báo sau = sẽ + thông báo + sau

+ Thành tố trung tâm + Thành tố phụ sau
 + ăn + cơm
 + học + say sưa
 + thông báo + sau

Phần trung tâm có thể là một động từ (ví dụ: đang viết thư, đã mắc bệnh), một ngữ khứ hồi (ví dụ: vừa đi Sài Gòn về hôm qua) hoặc một thành ngữ (ví dụ: cứ chỉ tay năm ngón hoại). Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng gặp dạng đầy đủ của cấu trúc động ngữ. Có thể thấy dạng đơn giản nhất của động ngữ chỉ có thành tố trung tâm như ví dụ dưới đây:

Động ngữ = Thành tố trung tâm

(Tôi) hiểu = hiểu; (Nó) biết = biết;
 (Họ) làm = làm

Nhưng không phải động ngữ có thể bao gồm hai phần và trật tự của động ngữ lúc này sẽ là: thành tố phụ trước + thành tố trung tâm, hoặc thành tố trung tâm + thành tố phụ sau.

Động ngữ = thành tố phụ trước + thành tố trung tâm

Đang xem = đang + xem; Cũng nghe = cũng + nghe

Động ngữ = Thành tố trung tâm + thành tố phụ sau

Nói lí nhí = nói + lí nhí; Uống bằng bát = uống + bằng bát

Có thể thấy ngay rằng quan hệ giữa thành tố trung tâm và các thành tố phụ là quan hệ chính phụ. Trong hai thành tố của động ngữ thì thành tố trung tâm là quan trọng nhất, cần thiết nhất và không thể lược bỏ (trừ một số trường hợp thành tố phụ trở nên cần thiết khi thành tố trung tâm hư hóa). Trong quan hệ nội bộ động ngữ, thành tố trung tâm chi phối tất cả các thành tố phụ trực tiếp phụ thuộc vào mình.

Thành tố phụ trước thường có vẻ bề ngoài đơn giản hơn thành tố phụ sau, thành tố phụ sau thường phong phú đa dạng về mặt ý nghĩa cũng như về mặt từ loại. Các thành tố phụ trước mang tính chất hư nhiều hơn thực, trong khi đó, các thành tố phụ sau chủ yếu là các thực từ, mang tính chất cú pháp rõ rệt trong kết hợp làm cho một trong số vị trí của phần cuối trở thành vị trí mở. (Hư từ là

những từ không có ý nghĩa từ vựng mà chỉ có ý nghĩa ngữ pháp, hay nói chính xác hơn là chúng chỉ có chức năng ngữ pháp. Những từ này được dùng để biểu thị các mối quan hệ giữa các thực từ trong ngôn ngữ. Tùy vào chức năng ngữ pháp của chúng, ta có thể phân biệt các loại hư từ như giới từ, liên từ, quán từ. Theo GS. Hoàng Trọng Phiến trong cuốn “Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt” thì “Hư từ là “những từ rỗng nghĩa, tức là không có ý nghĩa chân thực - không nhằm chỉ các sự vật, hiện tượng, mà là những từ có giá trị ngữ pháp, ngữ dụng. Hư từ có vai trò như một thứ “nhựa” gắn kết các dạng cấu trúc phát ngôn. Cũng vì thế mà ở mọi ngôn ngữ, số lượng hư từ không nhiều. Thực từ là những từ có ý nghĩa từ vựng. Giữa các nhóm từ loại này có sự khác nhau về cách thức biểu đạt hiện thực khách quan: định danh, chỉ định hoặc liệt kê xếp dãy. Nhóm từ định danh biểu đạt các lớp sự vật, hiện tượng hay khái niệm, ví dụ như: bàn, ghế, lợn, gà, ngủ, ăn, chăm chỉ, lười biếng. Cần lưu ý rằng từ định danh không đồng nghĩa với danh từ. Định danh là chức năng gọi tên sự vật, hiện tượng, hành vi, tính chất... của một loạt từ chứ không phải là chức năng riêng của danh từ. Nhóm từ chỉ định (hay còn gọi là đại từ) có giá trị biểu thị hướng chỉ định trong khuôn khổ của một tình huống hay ngữ cảnh cụ thể. Ví dụ: tôi, ta, tớ, bạn, chị ấy... Nhóm từ liệt kê, xếp dãy (hay còn gọi là số từ) có giá trị xác định dãy các sự vật hiện tượng. Ví dụ: Khi nói “mười con gà” là xác định một dãy gồm 10 con gà.)

Các thành tố phụ trong động ngữ tiếng Việt có loại có trật tự cố định, có

loại có khả năng di động từ phía trước ra phía sau trung tâm và ngược lại.

Ví dụ:

(nước) chảy ào ào → (nước) ào ào chảy

(nó) học say sưa → (nó) say sưa học

(mây) trôi bồng bênh → (mây) bồng bênh trôi

Các thành tố phụ này cũng có thể di động trong quan hệ đối đãi với nhau.

Ví dụ: (Nó) cũng đi tìm lá điều bồng như bao người con trai khác.

cũng+V+V

Mãi mãi về sau này, chắc vẫn sẽ còn yêu em.

vẫn+sẽ+còn+V

Chính điều này làm cho việc sắp xếp, quy định vị trí nhất định cho các thành tố phụ trước hay thành tố phụ sau trong động ngữ tiếng Việt là rất khó. Tương tự như vậy, khó có thể đưa ra một dạng cấu trúc lý tưởng như đối với Danh ngữ.

Động từ là một loại từ lớn bao gồm rất nhiều kiểu khác nhau, thường thường mỗi kiểu lại có những loại thành tố riêng của mình. Trên thực tế không thể nào tìm được trường hợp có một động từ mà lại tập trung được đầy đủ tất cả mọi khả năng kết hợp có ở các kiểu động từ khác. Hơn nữa số lượng thành tố phụ ở động ngữ rất lớn.

3.4.2. Trung tâm động ngữ tiếng Việt

Trung tâm động ngữ là động từ, thành tố quan trọng nhất của cả đoạn ngữ về mặt tổ chức ngữ pháp và toàn bộ cấu trúc đoạn ngữ là sự thể hiện các khả năng kết hợp của động từ. Ở đây chúng ta có thể chia làm hai trường hợp:

- Thành tố chính là một động từ.

Ví dụ: Tôi làm bánh. (thành tố chính là động từ “làm”)

V

- Thành tố chính là một chuỗi động từ. Trường hợp này thường lệ thuộc vào hoàn cảnh sử dụng.

Ví dụ: Tôi sợ làm bánh. (Thành tố chính là hai động từ “sợ”, “làm”.)

V V

Tác giả Bùi Trọng Ngoãn khi khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt đã đưa ra nhận định “trong thực tế lại có không ít những động ngữ có nhiều động từ đi liền thành chuỗi. Bên cạnh chuỗi động từ khứ hồi, chuỗi động từ song tồn là chuỗi bao gồm một động từ trung tâm và một động từ đi kèm.”

Việc xác định trung tâm động ngữ trong trường hợp động ngữ chỉ có một động từ khá đơn giản. Trung tâm động ngữ chính là động từ duy nhất trong động ngữ (ví dụ: “nhìn”). Ngược lại, việc xác định trung tâm trong những động ngữ có hai, ba động từ đi liền nhau không hề đơn giản. Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng chúng tôi dựa vào quan điểm của nhà nghiên cứu Đinh Văn Đức (Giải pháp thiên về ngữ pháp cho động từ) cho rằng khi có nhiều động từ đi liền nhau trong cùng một động ngữ, thì động từ nào đứng trước là động từ chính về mặt ngữ pháp (động từ trung tâm).

Như vậy, trong ví dụ “Tôi sợ làm bánh” thì động từ “sợ” là động từ chính về mặt ngữ pháp, còn “làm” là động từ phụ về mặt ngữ pháp.

3.5. Nét tương đồng và khác biệt của động ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt

3.5.1. Những nét tương đồng và khác biệt về cấu trúc chung

a) Điểm tương đồng

Động ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt ở dạng đơn giản nhất chỉ có một thành tố trung tâm xuất hiện. Ví dụ:

- Tiếng Hàn: (제가) 간다.

TTTT

[(jeka) katta.][(Tôi) đi.]

Trong động ngữ này “간다” là thành tố chính bao gồm từ gốc “가” (ka- đi) với phụ tố tình thái “ㄴ” (chỉ thời hiện tại tiếp diễn) và phụ tố chức năng “다” (ta- chỉ vị ngữ tính) đều đứng sau từ gốc.

- Tiếng Việt: (Tôi) đi.

TTTT

b) Điểm khác biệt

Ở dạng đầy đủ nhất của động ngữ tiếng Việt, thành tố chính đứng ở vị trí trung tâm, các thành tố phụ phân bố ở hai phía của thành tố chính, ở phía trước (thường là phó từ) và ở phía sau (thường là các từ loại thực từ). Ví dụ:

Động ngữ tiếng Việt dạng đầy đủ có ba phần: thành tố phụ trước, thành tố trung tâm, thành tố phụ sau:

(Tôi) đã đi Hàn Quốc.

TTPT TTTT TTPS

Hoặc động ngữ tiếng Việt có hai phần: thành tố phụ trước (viết tắt TTPT), thành tố trung tâm (TTTT); hay thành tố trung tâm (TTTT), thành tố phụ sau (TTPS):

(Tôi) đã đi. (có thành tố phụ trước, thành tố trung tâm).

TTPT TTTT

(Tôi) đi Hàn Quốc. (có thành tố trung tâm, thành tố phụ sau).

TTTT TTPS

Nhưng trong động ngữ tiếng Hàn thì thành tố chính luôn luôn đứng ở vị trí cuối cùng, tất cả các loại thành tố phụ đều đặt ở trước thành tố chính. Ví dụ:

(제가) 한국에 갔다.

TTP TTTT

[(jeka) hankuke katta.]

[(Tôi) đã đi Hàn Quốc.]

Trong động ngữ này “한국에” (hankuke- Hàn Quốc đến) là thành tố phụ diễn đạt ý nghĩa về nơi chốn bao gồm “한국-hankuk- Hàn Quốc” là thành tố phụ là thực từ và “에” là tiểu từ kết hợp với từ chỉ địa điểm biểu thị ý nghĩa điểm đích đến của hành động; “갔다” (katta-đi) là thành tố trung tâm (thành tố chính), bao gồm từ gốc “가” (ka-đi) với phụ tố tình thái “았” (att-chỉ thời quá khứ: đã) và phụ tố chức năng “다” (ta-chỉ vị ngữ tính) đều đứng sau từ gốc.

Như vậy, đối chiếu cấu trúc động ngữ ở dạng đầy đủ nhất thì tiếng Hàn chỉ có hai phần là thành tố chính và thành tố phụ, thành tố phụ luôn đứng trước thành tố chính còn tiếng Việt có ba phần với thành tố chính đứng ở vị trí trung tâm, các thành tố phụ thường là phó từ đứng ở vị trí trước, thành tố phụ thường là thực từ đứng ở vị trí sau thành tố chính.

3.5.2. Những nét tương đồng và khác biệt về thành tố trung tâm của động ngữ

a) Điểm tương đồng

Cấu trúc cú pháp của động ngữ tiếng Hàn như sau: động từ giữ vai trò là

thành tố trung tâm - thành tố chính đứng ở cuối động ngữ, tất cả các thành tố phụ đều đặt ở trước thành tố trung tâm. Do đó, việc xác định thành tố trung tâm của động ngữ tương đối dễ dàng cho dù trong câu có một động từ, hai động từ hay nhiều hơn thế. Ví dụ:

- Trường hợp câu có một động từ:

(나는) 한국어 숙제를 한다.

[(nanun) hankukeo sukjerul **hanta**.]

[(Tôi) nun (tiếng Hàn) (bài tập) rul **làm**.]

[(Tôi) **làm** bài tập tiếng Hàn.]

- Trường hợp câu có hai động từ:

(나는) 집을 사고 싶다.

[(nanun) jipul **sako sipta**.]

[(Tôi) nun (nhà) ul (mua) (muốn)]

[(Tôi) **muốn mua** nhà].

Trong ví dụ trên, vị ngữ của câu là một động ngữ do động từ 싶다 - sipta (muốn) làm thành tố trung tâm. Có thể hình dung cấu trúc cú pháp của động ngữ qua sơ đồ:



Trong tiếng Việt cũng giống tiếng Hàn, việc xác định thành tố trung tâm của động ngữ chỉ có một động từ khá đơn giản. Cấu trúc động ngữ dạng đầy đủ có ba thành phần hay có hai thành phần thì trung tâm động ngữ chính là động từ duy nhất trong động ngữ. Ví dụ:

- Dạng đầy đủ có ba thành phần:

(Tôi) cũng làm bài tập tiếng Hàn.

TTPT TTTT TTPS

- Dạng có hai thành phần: thành tố phụ trước + thành tố trung tâm:

(Tôi) cũng làm.

TTPT TTTT

- Dạng có hai thành phần: thành tố trung tâm + thành tố phụ sau:

(Tôi) làm bài tập tiếng Hàn.

TTTT TTPS

b) Điểm khác biệt

Như đã phân tích ở phần trên, động từ chính làm thành tố trung tâm trong động ngữ tiếng Hàn luôn luôn đứng ở vị trí cuối cùng của câu. Cho dù câu tiếng Hàn có một động từ, hai động từ hay nhiều hơn thế. Nhưng đối với tiếng Việt việc xác định trung tâm trong những động ngữ có hai, ba động từ đi liền nhau không hề đơn giản. Theo tác giả Đinh Văn Đức trong phần “Giải pháp thiên về ngữ pháp cho động từ”

cho rằng khi có nhiều động từ đi liền nhau trong cùng một động ngữ thì động từ nào đứng trước là động từ chính về mặt ngữ pháp (động từ trung tâm). Ví dụ:

- Trường hợp có hai động từ:

(Tôi) muốn mua nhà.

V + V

Trong ví dụ trên, vị ngữ là động ngữ có hai động từ “muốn” và “mua”. Động từ “muốn” đứng trước là thành tố trung tâm.

Tương tự như vậy, trường hợp động ngữ có ba động từ:

(Tôi) thích đi xem phim một mình. (“thích” là thành tố trung tâm).

V + V + V

Và trường hợp động ngữ có bốn động từ:

(Tôi) sợ đến sống ở nơi đó. (“sợ” là thành tố trung tâm).

V + V + V + V

Như vậy, đối với động ngữ tiếng Hàn, động từ làm thành tố trung tâm luôn luôn đứng ở vị trí cuối cùng của câu. Do đó, động ngữ tiếng Hàn không có thành tố phụ sau. Còn trong tiếng Việt động ngữ chỉ có thành tố trung tâm hoặc động ngữ có thành tố phụ trước và thành tố trung tâm thì vị trí của thành tố trung tâm giống tiếng Hàn là đứng ở cuối câu. Động ngữ tiếng Việt có hai, ba

hay nhiều hơn số lượng động từ thì động từ nào đứng trước sẽ là thành tố trung tâm của động ngữ.

Kết luận

Như trên đã phân tích, cấu trúc động ngữ tiếng Hàn bao gồm hai thành phần là thành tố phụ và thành tố trung tâm đứng cuối. Cấu trúc động ngữ tiếng Việt ở dạng đầy đủ luôn luôn có ba thành phần là thành tố phụ trước, thành tố trung tâm và

thành tố phụ sau. Tuy nhiên, động ngữ tiếng Việt không phải lúc nào cũng gặp dạng đầy đủ, có những trường hợp động ngữ chỉ có thành tố phụ trước và thành tố trung tâm hoặc chỉ có thành tố trung tâm và thành tố phụ sau. Việc xác định động từ trung tâm trong động ngữ tiếng Việt cũng là một vấn đề, bởi tiếng Việt là ngôn ngữ không biến đổi hình thái. Bản chất ngữ pháp của các tiểu loại động từ ở trung tâm có ảnh hưởng sâu rộng đối với việc tiếp nhận các thành tố phụ, có liên quan đến khái niệm bổ ngữ (đối tượng, địa điểm...) làm cho các thành tố phụ này có giá trị phân loại trở lại đối với trung tâm. Nghiên cứu để tìm hiểu về sự khác biệt giữa hai loại hình ngôn ngữ để từ đó tìm ra nguyên nhân của những khó khăn trong việc học ngoại ngữ là một việc làm khó song rất thú vị và có ý nghĩa. Song đến thời điểm hiện nay thì các công trình nghiên cứu khoa học về đề tài này còn ít, đặc biệt là so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ Hàn - Việt. Trong phạm vi bài nghiên cứu này, chúng tôi mới chỉ đưa ra một vài điểm tương đồng và dị biệt về cấu trúc đoạn ngữ động ngữ trong tiếng Hàn và tiếng Việt, còn rất nhiều vấn đề đang bỏ ngỏ chờ sự nghiên cứu của những người quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) (1995), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục
2. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt*
3. Cao Xuân Hạo (chủ biên) (1998), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt - Câu trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Cao Xuân Hạo (chủ biên) (1991), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb. KHXH.

5. Song Jae Hee (2006), *So sánh về hệ thống phụ âm đầu giữa tiếng Việt - tiếng Hàn Quốc*, Hội thảo khoa học sinh viên năm 2006, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Tp HCM, khoa Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài.

6. Trần Thị Hương (2009), *Bước đầu nghiên cứu về từ tính lược trong tiếng Hàn đối chiếu với tiếng Việt*, Kỷ yếu khoa học

7. Ahn Kyong Hwan (1997), *Trật tự từ trong tiếng Hàn so sánh với tiếng Việt*, Luận án Tiến sỹ khoa học ngữ văn, ĐHQG Tp.HCM, Nxb Giáo dục.

8. Bùi Trọng Ngoãn (2004), *Khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt*, Luận án tiến sỹ khoa học ngữ văn, ĐHQGHN

9. Nguyễn Kim Thản (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt tập II*, Nhà xuất bản khoa học.

10. Nguyễn Kim Thản (1977), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb. KHXH, Hà Nội.

11. Đào Hoài Thu (2012), *Phân tích đối chiếu từ chỉ quan hệ họ hàng Hàn - Việt từ góc độ ngôn ngữ và văn hóa*, Luận văn Thạc sỹ ngôn ngữ học, ĐH KHXH NV Hà Nội.

12. Nguyễn Đông Thục (2003), *Bước đầu tìm hiểu những khó khăn trong việc học tiếng Hàn - nhìn từ góc độ loại hình ngôn ngữ*, Khóa luận tốt nghiệp khoa Đông Phương học, ĐH KHXH NV Hà Nội.

Tiếng Hàn

1. Nguyễn Thị Thu Hương (2009), *한국어와 베트남어 피동법 비교연구*, 경희대학교, 학위논문석사.
2. 고려대학교 (2007), *한국어교수법*, 고려대학교출판부
3. 흰상 (2001), *한국어와베트남어와의어순비교연구*, 동의대학교출판부.

CHARACTERISTICS OF VERB PHRASES IN KOREAN AND IN VIETNAMESE

Verb phrase is a major - subordinate phrase in which the major component is Verb and the subordinate components has functions of supplementing meanings in terms of manner, level, time, place... for the major one. In Vietnamese verb phrase, the main component is placed in centre of the phrase and the subordinate components are located before (normally adverb) and after (normally real word). In Korean Verb phrase the main component always stands at last and all subordinate components are

placed before the main one. The study is to find out the similarity and difference in common structure, ways of presenting grammatical meanings, time, modality, state... of verb phrase in Korean and in Vietnamese in order to make teaching and studying Korean better, to help find out accessment to native ways of thinking and presenting. Additionally, the study is to create premise and basis for the followed grammatical studies.

Key words: Korean verb phrase, Verb phrase, study Korean verb phrase

MỘT VÀI Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CHO NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾNG HÀN TẠI VIỆT NAM - DỰA TRÊN KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN DU HỌC SINH TỐT NGHIỆP NGÀNH HÀN QUỐC HỌC ĐHKHXH&NV TPHCM ĐANG THEO HỌC CAO HỌC TẠI HÀN QUỐC

Hoàng Thị Trang*

Bài nghiên cứu này đưa ra những ý kiến đề xuất cho ngành đào tạo tiếng Hàn tại Việt Nam trong bối cảnh ngày càng nhiều sinh viên Việt Nam tốt nghiệp tại Việt Nam và tiếp tục theo học tại Hàn Quốc. Đối tượng nghiên cứu của nghiên cứu này được giới hạn trong nhóm sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Hàn (Hàn Quốc học) và đang theo học chương trình cao học tại Hàn Quốc bằng chương trình tiếng Hàn. Đặc điểm của nhóm sinh viên này là chưa được trang bị đầy đủ kiến thức cơ sở của chuyên ngành. Trong trường hợp này, người viết nhận định năng lực tiếng Hàn được tích lũy trong quá trình đào tạo tại Việt Nam đóng vai trò rất lớn trong việc tiếp thu kiến thức của sinh viên.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, người viết đã tiến hành khảo sát ý kiến của 55 sinh viên về những khó khăn mà họ gặp phải khi theo học. Đây là những sinh viên đã tốt nghiệp ngành Hàn Quốc học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh và đang theo học các chuyên ngành như MBA, Thương mại Quốc tế, Giáo dục học, Sư phạm tiếng

Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc... Những khó khăn mà sinh viên gặp phải được chia thành 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết để lấy cơ sở đưa ra các ý kiến đề xuất cho công tác đào tạo tiếng Hàn tại Việt Nam.

Từ khoá: Du học sinh Việt Nam, Năng lực tiếng Hàn, Đào tạo tiếng Hàn, Kỹ năng Nghe tiếng Hàn, Kỹ năng Nói tiếng Hàn, Kỹ năng Đọc tiếng Hàn, Kỹ năng Viết tiếng Hàn

1. Lời mở đầu

Với chính sách thu hút du học sinh của Bộ Giáo dục Hàn Quốc, lượng du học sinh tại Hàn Quốc có xu hướng ngày càng tăng với tỷ lệ nhanh và ổn định trong những năm gần đây. Theo thống kê, đến đầu năm 2016 số du học sinh tại Hàn Quốc lần đầu tiên vượt quá 100.000 đạt 104.262 người; và cuối năm 2017 tổng số du học sinh tại Hàn Quốc đạt 128.858 người, tăng 18,8% so với năm trước đó¹.

Du học sinh đến từ Việt Nam cũng gia tăng đáng kể trong những năm gần đây và được chia thành hai nhóm chính. Một là, nhóm sinh viên theo học các chương trình cấp bằng như cử nhân, cao học. Hai là, nhóm sinh viên theo học các chương trình không cấp bằng như sinh viên học tiếng, sinh viên trao đổi...

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Tuy nhiên, nghiên cứu này giới hạn đối tượng nghiên cứu trong phạm vi những sinh viên đã tốt nghiệp ngành Hàn Quốc học tại ĐHKHXH&NV TPHCM đang theo học các chương trình cao học tại Hàn Quốc. Đối với nhóm sinh viên này, người viết nhận định năng lực tiếng Hàn được đào tạo tại Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng khi sinh viên theo học cao học. Qua bài nghiên cứu, người viết dự định làm sáng tỏ những ảnh hưởng của năng lực tiếng Hàn được đào tạo tại Việt Nam lên quá trình học cao học của sinh viên tại Hàn Quốc. Nói cách khác trong nghiên cứu này, người viết sẽ khảo sát những khó khăn khi học bằng tiếng Hàn của các sinh viên, từ đó đưa ra những ý kiến đề xuất, kiến nghị đối với ngành đào tạo tiếng Hàn hiện nay tại Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, người viết đã tiến hành khảo sát ý kiến của 55 sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Hàn Quốc học tại trường ĐHKHXH&NV TPHCM đã và đang theo học cao học tại các trường thuộc khu vực Seoul và các vùng lân cận.

2. Hiện trạng du học sinh Việt Nam tại Hàn Quốc

Nhờ vào ảnh hưởng của làn sóng Hàn Quốc Hàn lưu (Hanlyu), hình ảnh về đất nước và con người Hàn Quốc đã được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới. Làn sóng Hàn lưu cùng với sự phổ biến mạnh mẽ về văn hoá, kinh tế, giáo dục Hàn Quốc thực sự lan toả rộng khắp hơn 10 năm nay đã mang lại rất nhiều thành quả đáng kể cho Hàn Quốc nói chung và ngành giáo dục Hàn Quốc nói riêng. Ngày càng nhiều sinh viên nước ngoài từ nhiều quốc gia trên thế giới chọn Hàn Quốc là đất nước để học tập và nghiên cứu. Sinh viên

Việt Nam cũng không nằm ngoài ảnh hưởng của làn sóng này.

Tính đến năm 2016 lượng du học sinh Việt Nam đạt 7.459 người (trong đó có 3.466 người theo học các chương trình cấp bằng và 3.993 người theo học các chương trình không cấp bằng), chiếm 5,5% trong tổng số sinh viên nước ngoài đang theo học tại Hàn Quốc. Con số này tăng cao một cách kỷ lục vào năm 2017 với tổng số du học sinh Việt Nam ước đạt 14.614 người (4.698 người theo học chương trình cấp bằng và 9.916 người theo học các chương trình không cấp bằng), chiếm 11,79% tổng số du học sinh tại Hàn Quốc. Xu hướng tăng liên tục này cho thấy ngày càng nhiều học sinh, sinh viên Việt Nam chọn Hàn Quốc là điểm đến tiếp theo cho quá trình học lên của mình.

Một thống kê khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho thấy tính đến cuối năm 2015, tổng số lượng du học sinh người Việt đang theo học tại nước ngoài ước đạt 120.000 sinh viên. 120.000 sinh viên này đang theo học trên 49 quốc gia trên thế giới. Theo thống kê năm 2014, các quốc gia có nhiều du học sinh Việt Nam nhất là Úc (26.015 người), Mỹ (19.591 người), Nhật (13.328 người), Trung Quốc (13.000 người), Singapore (10.000 người), Pháp (6.670 người), Anh (5.118 người), Nga (5.000 người). Theo đó, đến năm 2014, Hàn Quốc chưa nằm trong danh sách các quốc gia có lượng du học sinh Việt Nam đông nhất. Tuy nhiên, với lượng du học sinh thống kê năm 2017 (146.164), Hàn Quốc nằm trong danh sách các quốc gia có lượng du học sinh Việt Nam theo học nhiều nhất.

Tính đến nay, lượng sinh viên Việt Nam tại Hàn Quốc chỉ đứng thứ hai sau Trung Quốc. Số lượng sinh viên Việt Nam tại Hàn Quốc từ năm 2010 đến năm 2017 có thể được tổng kết qua bảng sau:

Bảng 1: Thống kê số lượng du học sinh Việt Nam tại Hàn Quốc từ 2010 đến 2017

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Lấy học vị	1.667	1.940	1.889	2.153	2.148	2.579	3.466	4.698
Không lấy học vị	252	392	569	860	1,033	1,872	3,993	9,916
Tổng cộng	1.919	2.332	2.458	3.013	3.181	4.451	7.459	14.614

Theo số liệu ghi nhận, từ 1.919 sinh viên năm 2010, lượng du học sinh Việt Nam tại Hàn Quốc đã tăng lên 14.614 vào năm 2017. Có thể thấy lượng sinh viên tăng gần tám lần trong bảy năm qua. Đặc biệt, khi so sánh lượng sinh viên trong hai năm 2016 và 2017, lượng sinh viên năm 2017 tăng gần gấp đôi so với năm 2016. Điều đó một lần nữa khẳng định trong những năm gần đây, ngày càng nhiều sinh viên Việt Nam chọn Hàn Quốc là điểm đến theo học của mình.

Đồng thời, qua bảng số liệu có thể thấy sinh viên theo học các chương trình không cấp bằng tăng đột biến từ 3.993 người năm 2016 lên 9.916 người năm 2017. Song song đó, lượng sinh viên theo học các chương trình cấp bằng cũng tăng hơn 1.000 người từ 3.466 người lên 4.698 người.

Các sinh viên đang theo học chương trình cấp bằng chủ yếu học tập và nghiên cứu theo hai dạng. Một là, học tập và nghiên cứu bằng tiếng Anh. Hai là, học tập và nghiên cứu bằng tiếng Hàn. Trong nhóm hai, có một số lượng không nhỏ các sinh viên đã hoàn thiện chương trình tiếng Hàn tại Việt Nam. Nhóm đối tượng này có đặc điểm là sẽ học thẳng chương trình đại học hoặc cao học tại Hàn Quốc mà không thông qua giai đoạn học tiếng Hàn. Có thể hiểu, sau khi tốt nghiệp ngành Hàn Quốc

học hoặc tiếng Hàn tại Việt Nam, sinh viên sẽ nhập học thẳng đại học, cao học bằng vốn tiếng Hàn có được từ quá trình đào tạo tại Việt Nam. Sinh viên sẽ nghe giảng bằng tiếng Hàn, đọc và tham khảo tài liệu bằng tiếng Hàn, soạn thảo các bài viết bằng tiếng Hàn và phát biểu, thảo luận trên lớp bằng vốn tiếng Hàn này.

Trong chương tiếp theo, người viết sẽ dựa trên nội dung khảo sát, sắp xếp những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi học tập và nghiên cứu bằng tiếng Hàn. Có thể nói đặc điểm chung của các sinh viên này là chưa được đào tạo kiến thức nền liên quan đến chuyên ngành đang học một cách có hệ thống. 45 trong tổng số 55 sinh viên² chọn chuyên ngành cao học khác với chuyên ngành cử nhân, còn lại 10 sinh viên học tiếp chuyên ngành Hàn Quốc học với chuyên ngành phụ được đào tạo sâu hơn. Khi đó, vốn tiếng Hàn tích lũy đóng vai trò quan trọng trong quá trình học hiện tại của sinh viên. Sau bốn năm đào tạo chính quy, sinh viên được đánh giá có năng lực tiếng Hàn trung, cao cấp; tuy nhiên sự thiếu hụt kiến thức nền gây ra những khó khăn nhất định, trở thành trở ngại trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của sinh viên. Người viết sẽ sắp xếp nội dung khảo sát theo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và đưa ra các ý kiến đề xuất đi kèm.

3. Kết quả phỏng vấn sinh viên và các ý kiến đề xuất

Nhằm tìm hiểu khó khăn, vấn đề của các sinh viên đã tốt nghiệp ngành Hàn Quốc học ĐHKHXH&NV khi học tập và nghiên cứu bằng tiếng Hàn, người viết đã tiến hành khảo sát ý kiến các đối tượng trên nền tảng là những câu hỏi sau:

- 1) Khi sang Hàn Quốc học bằng tiếng Hàn, bạn thấy gặp khó khăn nhất về kỹ năng tiếng Hàn nào? (Nghe, Nói, Đọc, Viết ...)
- 2) Bạn có gặp khó khăn gì trên lớp trong việc Nghe giảng không? Nếu có, đó là gì?
- 3) Về kỹ năng Nghe, bạn thấy cần bổ sung gì để có thể Nghe giảng tốt trên lớp?
- 4) Bạn cho rằng nếu được học thêm điều gì hay kỹ năng gì trong giờ học môn Nghe thời đại học thì sẽ giúp ích nhiều cho việc nghe giảng của mình hiện tại?
- 5) Bạn có gặp khó khăn gì trong việc Đọc tài liệu học tập không? Nếu có, đó là gì?
- 6) Về kỹ năng Đọc, bạn thấy cần bổ sung gì để có thể Đọc tốt tài liệu mình đang học?
- 7) Bạn cho rằng nếu được học thêm điều gì hay kỹ năng gì trong giờ học môn Đọc thời đại học thì sẽ giúp ích nhiều cho việc đọc tài liệu học tập của mình hiện tại?
- 8) Bạn có gặp khó khăn gì trong việc Phát biểu trên lớp không? Nếu có, đó là gì?
- 9) Về kỹ năng nói và phát âm, bạn thấy cần bổ sung gì để phát biểu, thảo luận tốt trước lớp?

- 10) Bạn cho rằng nếu được học thêm điều gì hay kỹ năng gì trong giờ học môn Nói thời đại học thì sẽ giúp ích nhiều cho việc phát biểu, thảo luận trên lớp của mình hiện tại?
- 11) Bạn có gặp khó khăn gì trong việc Viết bài phát biểu, báo cáo bằng tiếng Hàn không? Nếu có, đó là gì?

Trong tổng số 55 sinh viên tham gia khảo sát, có 23 sinh viên (chiếm 51%) trả lời rằng trong quá trình học tập và nghiên cứu, việc nghe giảng trên lớp là điều khó khăn nhất vấp phải. Từ đó có thể cho rằng kỹ năng nghe là điều khiến sinh viên Việt Nam gặp trở ngại nhiều nhất trong quá trình học. Tiếp đó, 13 sinh viên (chiếm 28,8%) cho rằng việc phải viết bài phát biểu hoặc bài báo cáo bằng tiếng Hàn là điều khó khăn nhất. Có 12 sinh viên (26,6%) cho rằng kỹ năng nói là khó nhất, và chỉ duy nhất 7 sinh viên (12,7%) cho rằng việc đọc và tham khảo tài liệu là điều khó khăn nhất. Từ những con số thống kê như trên, có thể thấy rằng đối với các du học sinh Việt Nam kỹ năng Nghe vẫn là kỹ năng các sinh viên thiếu tự tin nhất, tiếp đến là kỹ năng Viết, Nói và Đọc.

3.1. Kỹ năng Nghe

Kết quả phỏng vấn cho thấy, khi nghe bài giảng bằng tiếng Hàn, những khó khăn của sinh viên có thể được chia thành hai nhóm chính như sau:

Một là, 80% sinh viên gặp khó khăn liên quan đến việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành. Các đối tượng trả lời phỏng vấn đều là những sinh viên tốt nghiệp, có năng lực tiếng Hàn cao cấp tuy nhiên do chuyên ngành đại học của các sinh viên chủ yếu là Hàn Quốc học nên việc sinh viên thiếu các kiến thức chuyên ngành của ngành đang theo học là điều

không thể tránh khỏi. Việc hổng kiến thức nền dẫn đến trong quá trình nghe giảng, sinh viên không thể tiếp thu đầy đủ các kiến thức trong lớp. Việc hổng các kiến thức nền này xuất phát từ việc thiếu vốn từ vựng chuyên ngành bằng tiếng Hàn, thiếu các kiến thức chuyên ngành cơ bản vốn chưa được truyền thụ hoặc tìm hiểu trước bằng tiếng Việt.

Hai là, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc nghe giảng do giảng viên sử dụng và phát âm giọng địa phương. Đa phần trong quá trình học tại Việt Nam, các sinh viên đều được thực hành nghe tiếng Hàn giọng chuẩn. Do chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với giọng địa phương trong quá trình học nên sinh viên còn bỡ ngỡ khi gặp giáo viên nói giọng địa phương. Đồng thời, nếu giảng viên dạy trên lớp với tốc độ nhanh sẽ khiến sinh viên gặp không ít khó khăn trong quá trình nghe giảng. Điều này đã được tìm thấy trong kết quả phỏng vấn, 23 sinh viên đồng tình với việc các giáo sư sử dụng giọng địa phương, từ ngoại lai quá nhiều trong buổi giảng.

Từ kết quả trên có thể đưa ra kết luận rằng, đối với những sinh viên vốn chỉ được luyện nghe bằng tiếng Hàn giọng chuẩn thì giọng địa phương sẽ là trở ngại lớn trong quá trình nghe giảng. Khó khăn này liên quan trực tiếp đến kinh nghiệm học tập của các sinh viên thời đại học. Để khắc phục được điều này, trong quá trình học môn tiếng Hàn Nghe tại trường đại học, sinh viên ngoài việc được nghe các giọng phát âm và nói chuẩn, cần được tiếp xúc với những giọng địa phương khác nhau. Việc giáo viên cho sinh viên nghe nhiều giọng của các vùng khác nhau sẽ giúp ích cho sinh viên về sau.

Theo nội dung phỏng vấn trên, ngoài giọng địa phương, vấn đề liên quan đến kiến thức chuyên ngành cũng là khó khăn rất lớn với sinh viên khi nghe giảng. Sinh viên thiếu kiến thức nền sẽ phải mất một khoảng thời gian nhất định để bổ sung kiến thức nền còn thiếu. Đồng thời, những nội dung trên lớp học đa phần là những nội dung chuyên sâu và nâng cao sẽ gây ra cho sinh viên rất nhiều khó khăn và bỡ ngỡ. Từ đó, trong lớp học kỹ năng tiếng Hàn cao cấp sinh viên cần được tiếp xúc với những tài liệu nghe liên quan đến nhiều chủ đề đa dạng khác nhau, hoặc liên quan đến những chuyên ngành cơ bản, chủ yếu như kinh tế, lịch sử, xã hội... Thông qua đó, sinh viên sẽ có cơ hội và tiếp thu những từ vựng cao cấp liên quan đến những chuyên ngành đa dạng khác nhau từ đó giúp sinh viên bớt bỡ ngỡ và có thái độ học tập tích cực hơn.

3.2. Kỹ năng Nói

Trước khi tiến hành phỏng vấn về kỹ năng nói trên lớp, người viết dự đoán sinh viên sẽ không gặp phải trở ngại trong quá trình giao tiếp bằng tiếng Hàn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát đã cho thấy những điều khá thú vị. Có thể nói sinh viên Việt Nam gặp khó khăn nhất định trong quá trình giao tiếp với sinh viên người Hàn Quốc. Sinh viên học chương trình bằng tiếng Hàn chủ yếu cùng học với sinh viên người Hàn Quốc. Điều đó đồng nghĩa với việc sinh viên phải phát biểu hoặc hoạt động theo nhóm với sinh viên người Hàn Quốc. 21 sinh viên trong tổng số 55 sinh viên cho rằng mình gặp nhiều khó khăn và trở ngại trong quá trình phát biểu và thảo luận bằng tiếng Hàn. Những khó khăn sinh viên gặp phải trong kỹ năng nói được chia thành hai nhóm chính như sau:

Thứ nhất, sinh viên gặp khó khăn về phát âm tiếng Hàn. Các sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của phát âm trong giao tiếp, nhiều sinh viên cho rằng phát âm không chuẩn xác sẽ khiến sinh viên dần mất tự tin. Đồng thời, có ý kiến cho rằng vì phát âm sai nên giáo sư và sinh viên cùng lớp không thể nghe được ý sinh viên muốn nói. Ngoài phát âm sai, không chuẩn xác, ngữ điệu khi nói không tự nhiên cũng khiến sinh viên cảm thấy thiếu tự tin. 13 sinh viên tham gia trả lời cho rằng nếu thấy không đủ tự tin sẽ không mạnh dạn nói chuyện, thậm chí còn có khuynh hướng không muốn giao tiếp.

Thứ hai, sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm ra chiến lược phát biểu và thảo luận cụ thể. Chiến lược phát biểu và thảo luận ở đây có thể hiểu là phương pháp phát biểu và thảo luận, cách tổng hợp và sắp xếp các nội dung để thành một bài phát biểu hoàn hảo.

Trước tiên, còn nhiều sinh viên (16 sinh viên) cảm thấy bản thân thiếu kỹ năng xây dựng bài phát biểu và thảo luận có hệ thống. Sinh viên không biết nên bắt đầu từ đâu và triển khai ý như thế nào. Có thể nói vấn đề này liên quan trực tiếp đến phương pháp dạy học lấy người dạy làm trung tâm và chưa tạo cơ hội thực hành nhiều cho sinh viên. Sinh viên chưa được đào tạo phương pháp phát biểu một cách có bài bản và hệ thống, đồng thời chưa có nhiều cơ hội để phát biểu và thảo luận trên lớp.

Tiếp đó là các ý kiến cho rằng bản thân còn thiếu các chiến lược trình bày khi thảo luận. Các ý kiến cho rằng thời đại học sinh viên chưa có nhiều cơ hội thảo luận trên lớp nên chưa quen với việc trình bày quan điểm bản thân và phản bác ý kiến của người khác. Vẫn còn nhiều sinh

viên cảm thấy bản thân chưa có kỹ năng phản biện và trình bày một cách thuyết phục. Ngoài ra, có hai sinh viên cho rằng trong trường hợp nhận được câu hỏi bất ngờ từ đối phương, họ cảm thấy khó khăn khi sắp xếp các nội dung để trả lời. Thêm vào đó, nhiều sinh viên (8 sinh viên) vẫn còn khá rụt rè khi phát biểu trước đám đông. Điều này cũng xuất phát từ việc chưa có nhiều cơ hội phát biểu trước lớp khi theo học.

Để khắc phục những vấn đề còn tồn đọng trên, theo quan điểm của người viết, trong lớp học Tiếng Hàn Nói cần trang bị cho sinh viên những kỹ năng sau:

Thứ nhất, là trang bị kỹ năng liên quan đến phát âm cho sinh viên. Luyện tập phát âm chuẩn xác là việc hết sức quan trọng do đó ngay từ đầu cần tạo cơ hội luyện tập đầy đủ và chính xác cho sinh viên. Đặc biệt, cần chú trọng đến các phát âm mà trong tiếng Việt không có hay do đặc trưng ngôn ngữ, đặc trưng vùng miền mà trong quá trình phát âm sinh viên người Việt hay phát âm sai. Có như thế mới khắc phục được những lỗi phát âm thường gặp và nâng cao được chất lượng đào tạo phát âm cho sinh viên Việt Nam. Giáo viên có thể sử dụng phương pháp cho sinh viên xem một đoạn video clip ngắn và yêu cầu nói theo đúng ngữ điệu của nhân vật trong clip đó. Ngoài ra, phương pháp luyện tập phát âm theo nhóm cũng có thể mang lại sự hứng thú cho sinh viên.

Thứ hai, trang bị kỹ năng liên quan đến phát biểu, chiến lược xây dựng bài phát biểu, thảo luận cho sinh viên.

Về kỹ năng nói, việc đầu tiên cần làm là cung cấp cho sinh viên nhiều cơ hội được phát biểu trước đám đông. Điều này

liên quan trực tiếp đến phương pháp dạy học trên lớp hiện tại. Cần thay đổi từ phương pháp lấy người dạy làm trung tâm sang lấy người học làm trung tâm, tạo nhiều cơ hội cho sinh viên phát biểu giúp sinh viên giảm sự rụt rè, bỡ ngỡ.

Đồng thời ngoài việc cung cấp các kỹ năng ngôn ngữ, cần cung cấp hơn nữa những kỹ năng như xây dựng bài phát biểu; tìm hiểu và nắm bắt các từ vựng, cách thể hiện thường dùng và các kỹ năng mềm như tư thế, thái độ khi phát biểu. Thông qua các hoạt động luyện tập trên sinh viên sẽ có thể sắp xếp các ý và có chiến lược phát biểu hợp lý với thái độ và tư thế tự tin phù hợp.

Ngoài ra trong giờ học môn Nói giáo viên cần tạo cho sinh viên cơ hội thảo luận theo nhóm, cần có những giờ học tranh luận theo chủ đề để sinh viên có cơ hội hình thành kỹ năng tranh luận theo tư duy phản biện. Sinh viên cần được trang bị kỹ năng phản biện trước những ý kiến khác nhau. Các kỹ năng này có thể được hình thành và nuôi dưỡng thông qua việc chia sinh viên thành các nhóm nhỏ tranh luận về một chủ đề nào đó.

3.3. Kỹ năng Đọc

Tất cả sinh viên tham gia khảo sát đa phần đều phải đọc các giáo trình hoặc tham khảo sách báo, luận văn liên quan đến bài học trên lớp. Những khó khăn mà các sinh viên gặp phải có thể được tóm tắt như sau:

Một là, khó khăn liên quan đến việc thiếu kiến thức từ vựng và từ vựng chuyên ngành mà sinh viên đang theo học. Như đã đề cập tại phần trên, hơn 80% sinh viên chọn chuyên ngành khác với chuyên ngành cử nhân tại Việt Nam nên kiến thức nền của sinh viên đều thiếu.

Hai là, 21 sinh viên trong tổng số 55 sinh viên được khảo sát, chủ yếu trong các ngành Hàn Quốc học, Lịch sử Hàn Quốc và Ngôn ngữ Hàn Quốc... gặp khó khăn trong việc đọc giáo trình, tài liệu có chữ Hán, đặc biệt là những sách chuyên ngành liên quan đến ngôn ngữ, lịch sử...

Ba là, khi theo học chương trình đại học sinh viên chỉ được tiếp xúc với các câu ngắn, các đoạn văn tương đối không phức tạp. Tuy nhiên khi học chương trình cao học, trên thực tế sinh viên phải đọc một khối lượng lớn sách chuyên ngành chứa một lượng lớn các nội dung chuyên sâu. Khi phải tiếp xúc với với giáo trình và tài liệu như vậy, 41 sinh viên (chiếm 74%) gặp khó khăn trong việc nắm bắt nội dung chính, tóm tắt nội dung bài đọc.

Với ba khó khăn nêu trên, trong quá trình đào tạo, nhà trường tại Việt Nam cần bổ sung thêm môn Hán tự cơ bản và nâng cao để sinh viên có được nền tảng Hán tự cơ bản. Có như thế sinh viên sẽ không còn bỡ ngỡ khi phải tiếp xúc với các giáo trình có Hán tự. Điều này không những giúp ích cho các sinh viên theo học các chuyên ngành sử dụng giáo trình có Hán tự như lịch sử, ngôn ngữ, Hàn Quốc học... mà còn giúp ích cho hầu hết các du học sinh vì trên báo, đài hằng ngày tại Hàn Quốc vẫn còn sử dụng Hán tự.

Thêm vào đó, nhà trường cần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc, tìm hiểu nội dung, nắm bắt ý chính và tóm tắt bài đọc. Để làm được điều này, trong môn tiếng Hàn Đọc giáo viên cần bổ sung các bài đọc tham khảo với những chủ đề đa dạng khác nhau, tốt nhất là những bài đọc được trích dẫn trong các sách hoặc giáo trình chuyên ngành với độ khó vừa phải. Thông qua những tài liệu này, sinh viên sẽ hình

thành thói quen vận dụng các phương pháp, chiến lược đọc từ đó hình thành các kỹ năng đọc liên quan như tóm tắt, đoán ý. Có thể bắt đầu từ việc cho sinh viên luyện tập phân tích, tìm hiểu ý của các câu văn ngắn sau đó mở rộng sang các đoạn, các chương sẽ giúp ích rất nhiều cho sinh viên sau này.

3.4. Kỹ năng Viết

Sinh viên thể hiện khả năng viết tiếng Hàn bằng những bài phát biểu trên lớp hay những bài báo cáo cuối kỳ. Kết quả phỏng vấn cho thấy trong kỹ năng Viết, 43 sinh viên (chiếm 78,18%) sinh viên gặp khó khăn nhất trong việc phân biệt giữa văn nói và văn viết. Từ đó dẫn đến tình trạng sử dụng các từ ngữ và cách thể hiện trong văn nói vào trong bài viết. Điều này bắt nguồn từ việc sinh viên chưa được trang bị kiến thức về văn viết trong tiếng Hàn một cách đầy đủ và hệ thống.

Ngoài việc chưa được trang bị kiến thức cơ bản về văn viết, sinh viên vẫn còn thiếu các kiến thức và kỹ năng hành văn cơ bản. Có thể hiểu rằng sinh viên vẫn còn yếu trong việc xây dựng một bài văn viết hoàn chỉnh. Việc xây dựng một bài văn viết hoàn chỉnh ở đây chính là cách hành văn theo đoạn, theo từng phần và triển khai một cách có logic, hệ thống. Sinh viên nhận thức rằng bản thân vẫn còn yếu trong kỹ năng hành văn. Điều này liên quan trực tiếp đến kỹ năng thực hành văn bản của sinh viên vốn được đào tạo trong trường phổ thông. Từ đó dẫn đến hiện trạng khi viết văn bằng tiếng Hàn Quốc, ngoài việc không phân biệt được văn nói và văn viết như trên sinh viên còn gặp khó khăn trong việc triển khai bài viết.

Thêm vào đó, đặc trưng của các bài phát biểu hoặc bài báo cáo trên lớp chủ

yếu thiên về thể hiện quan điểm của người viết đối với một chủ đề nhất định nào đó. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sinh viên (39 sinh viên) cho rằng bản thân còn yếu trong việc xây dựng một bài văn viết nêu rõ quan điểm của bản thân.

Để khắc phục các vấn đề còn tồn đọng trên việc đầu tiên giáo viên cần làm trong giờ học môn Tiếng Hàn Viết chính là cung cấp cho sinh viên cái nhìn bao quát, phân biệt được sự khác nhau giữa văn viết và văn nói; và phải cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của cách hành văn trong văn viết. Song song với việc cung cấp các kỹ năng hành văn, giáo viên cần cho sinh viên đọc, tham khảo những bài văn mẫu được trích dẫn từ các bài báo cáo hoặc các luận văn thực tế.

Đồng thời sinh viên cần được thực hành viết văn theo thể loại, trình bày ý kiến của mình về một chủ đề nhất định nào đó, để có thể trình bày quan điểm theo tư duy phản biện trước một ý kiến hay quan điểm nào đó.

Lời kết

Nghiên cứu này bước đầu tìm hiểu những khó khăn mà sinh viên tốt nghiệp ngành Hàn Quốc học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh gặp phải khi theo học chương trình cao học tại Hàn Quốc. Thông qua việc khảo sát ý kiến 55 sinh viên đang học tại các trường ở Seoul và các vùng lân cận, người viết đã đưa ra những ý kiến đề xuất trong công tác đào tạo kỹ năng tiếng Hàn đang diễn ra tại Việt Nam. Các đề xuất, kiến nghị đối với việc giảng dạy theo bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết có thể được tóm tắt như sau:

Thứ nhất, đối với môn tiếng Hàn Nghe, giáo viên cần cho sinh viên tiếp xúc nhiều hơn nữa với các giọng địa phương và các chủ đề nghe đa dạng liên quan đến nhiều chuyên ngành khác nhau.

Thứ hai, đối với môn tiếng Hàn Nói, giáo viên cần cung cấp các kiến thức phát âm chuẩn xác một cách có hệ thống cho sinh viên giúp sinh viên có nền tảng phát âm chuẩn ngay từ đầu. Đồng thời, tạo cho sinh viên nhiều cơ hội tham gia lớp học theo hình thức thảo luận, tranh luận để nâng cao kỹ năng phát biểu, kỹ năng trình bày ý kiến cá nhân theo tư duy phản biện.

Thứ ba, đối với môn tiếng Hàn Đọc, cần xây dựng cho sinh viên kỹ năng đọc, nắm bắt ý chính và tóm tắt nội dung. Để làm được điều này, cần bắt đầu bằng việc tìm hiểu, tóm tắt nội dung của các đoạn ngắn và dần chuyển sang các bài đọc dài hơn.

Thứ tư, đối với môn tiếng Hàn Viết, trước tiên cần cho sinh viên ý thức được sự khác nhau giữa văn nói và văn viết. Sinh viên cần biết sử dụng từ ngữ, cách diễn đạt, lối hành văn trong văn viết một cách đầy đủ và có hệ thống. Để làm được điều này cần cho sinh viên nhiều cơ hội thực hành viết văn với các chủ đề đa dạng khác nhau để có thể trình bày được quan điểm cá nhân.

CHÚ THÍCH:

¹ Tính đến đầu năm 2017, tổng số lượng du học sinh tại Hàn Quốc đạt 123.858 sinh viên. Đây là con số tăng đáng kể so với số lượng 83.839 sinh viên vào năm 2010. Số lượng sinh viên theo học chương trình lấy học vị (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) đạt 59.997 vào năm 2010 đã tăng lên 72.032 sinh viên vào năm 2017. Đồng thời, số lượng sinh viên theo học các khoá không nhận bằng như khoá học tiếng

Hàn, sinh viên trao đổi cũng tăng từ 23.842 sinh viên lên 51.826 sinh viên. Thống kê cuối năm 2017 cho thấy sinh viên Trung Quốc chiếm tỷ lệ lớn nhất với tổng số 68.184 sinh viên (chiếm 55,05%), tiếp theo là Việt Nam với 14.614 sinh viên (chiếm 11,79%), Mông Cổ với 5.384 sinh viên (chiếm 4,3%). Theo số liệu thống kê của Dịch vụ Thống kê Giáo dục Hàn Quốc (<http://kess.kedi.re.kr/index>)

² Chuyên ngành của các sinh viên tham gia phỏng vấn chủ yếu như sau: MBA (8 sinh viên), Thương mại quốc tế (10 sinh viên), Giáo dục học (2 sinh viên), Sư phạm tiếng Hàn Quốc (4 sinh viên), Tiếng Hàn Quốc (4 sinh viên), Quản trị Du lịch (10 sinh viên), Xã hội học (4 sinh viên), Lịch sử Hàn Quốc (4 sinh viên), Hàn Quốc học (10 sinh viên).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dịch vụ Thống kê Giáo dục Hàn Quốc

(<http://kess.kedi.re.kr/index>)

Báo Sài Gòn Giải Phóng

(<http://www.sggp.org.vn/duhocgd/2016/7/427018/>)

Abstract

This article aims to suggest on how to teach Korean Language for Vietnamese students in Vietnam when more and more Vietnamese students finished bachelor's degree in Vietnam and continue their postgraduate studies in Korea. The subjects of this study are limited to a group of Vietnamese students who graduated Korean Studies in Vietnam and are currently studying in various program in Korean Language. These students are not equipped with the background knowledge of the program they are pursuing. In this case, these students' Korean language proficiency which obtained during studying in Vietnam will plays a huge role in their learning.

For this purpose, I surveyed opinions of 55 students about difficulties they encountered while studying in Korea in Korean language. These are students who graduated from Korean Studies at Hochiminh City University of Social Sciences and Humanities and currently studying in programs such as MBA, International Business, Education, Korean Language Education, Korean History... Students' difficulties will be divided into

four language skills as Listening, Speaking, Reading and Writing. Base on this, I will give some suggestions for Korean Language Education in Vietnam.

Keywords: Vietnames student, Korean Language Proficiency, Korean Language Education, Korean Listening Education, Korean Speaking Education, Korean Reading Education, Korean Writing Education.

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ HÀN QUỐC

1. Bài gửi Tạp chí là bài chưa công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bản thảo được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Times New Roman (thuộc mã UNICODE), cỡ chữ 12, giãn dòng 1.1.
3. Danh mục Tài liệu tham khảo để ở cuối bài, theo từng khối: Việt, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và Internet.
4. Bài viết gửi qua email: maingocchu@gmail.com. Tòa soạn không trả lại bản thảo.
5. Bài viết phải có tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt để ở phần trên của bài, dưới tên bài và tên tác giả. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh để ở cuối bài, sau Tài liệu tham khảo.